

# Mục lục

Lời nói đầu.....

**Chương I : Tổng quan về Ấn Độ.....**

1. Địa lý.....
2. Dân số, tôn giáo và ngôn ngữ.....
3. Cơ cấu chính trị.....
  - 3.1. Quốc hội Liên bang.....
  - 3.2. Chính phủ Liên Bang.....
  - 3.3. Các đảng chính trị tại Ấn Độ.....
4. Kinh tế, xã hội.....
5. Tiền tệ.....
6. Hệ đo lường.....

**Chương II : Tình hình Kinh tế Ấn Độ.....**

1. Những vấn đề chung.....
2. Quá trình cải cách kinh tế từ năm 1991.....
  - 2.1. Cuộc cải cách toàn diện năm 1993.....
  - 2.2. Chính sách tiền tệ và tín dụng hàng năm.....
  - 2.3. Chính sách kinh tế.....
  - 2.4. Kế hoạch Năm năm lần thứ XI (2007-2012).....
  - 2.5. Cải cách về thuế Hải quan.....
  - 2.6. Thuế gián thu và thuế trực thu.....
3. Tình hình kinh tế ấn Độ năm 2008-2009 và 2009-2010.....
  - 3.1. Tình hình kinh tế năm 2008-2009.....
  - 3.2. Tình hình kinh tế năm 2009-2010.....
4. Đầu tư nước ngoài tại Ấn Độ.....
5. Du lịch.....

**Chương III : Thương mại và Xuất Nhập khẩu.....**

1. Hệ thống thương mại nội địa.....
  - 1.1. Công tác quản lý giá cả trên thị trường nội địa.....
  - 1.2. Liên kết giữa sản xuất và lưu thông.....
  - 1.3. Chính sách, biện pháp bảo vệ quyền lợi khách hàng.....
  - 1.4. Chính sách phát triển quan hệ biên mậu.....
2. Chính sách Ngoại thương 2009-2014.....
  - 2.1. Chính sách Ngoại thương 2004-2009.....
  - 2.2. Chính sách Ngoại thương 2009-2014.....

3. Các rào cản phi thuế.....
4. Chống bán phá giá và Tự vệ thương mại.....
  - 4.1. Chống bán phá giá.....
  - 4.2. Tự vệ thương mại.....
5. Luật và các quy định có liên quan tới thương mại.....
  - 5.1. Luật Công ty.....
  - 5.2. Luật về Hợp đồng năm 1872.....
  - 5.3. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.....
  - 5.4. Nhãn hiệu thương mại.....
  - 5.5. Những quy định Anti-Trust.....
  - 5.6. Luật Cạnh tranh.....
  - 5.7. Luật bảo vệ Người tiêu dùng.....
  - 5.8. Trọng tài.....
6. Thủ tục xuất nhập khẩu.....
7. Một số quy tắc cơ bản trong giao tiếp kinh doanh.....

#### **Chương IV : Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam-Ấn Độ .....**

1. Quan hệ Việt Nam-Ấn Độ.....
2. Hiệp định Thương mại và Quy chế Tối Huệ Quốc.....
3. Hợp tác công nghiệp Việt Nam-Ấn Độ.....
  - 3.1. Lĩnh vực dầu khí.....
  - 3.2. Lĩnh vực công nghiệp thép.....
  - 3.3. Lĩnh vực năng lượng.....
  - 3.4. Lĩnh vực hóa chất.....
4. Quan hệ thương mại Việt Nam-Ấn Độ.....
  - 4.1. Số liệu xuất nhập khẩu Việt Nam-Ấn Độ.....
  - 4.2. Nhận xét, đánh giá.....
  - 4.3. Đề xuất, kiến nghị.....
5. Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN-Ấn Độ (AITIG) và các văn kiện liên quan.....
  - 5.1. Giới thiệu chung về quan hệ ASEAN-Ấn Độ.....
  - 5.2. Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN-Ấn Độ và các văn kiện liên quan.....
  - 5.3. Lộ trình cam kết giảm thuế.....
  - 5.4. Đánh giá tác động của việc Việt Nam tham gia ký kết Hiệp định AITIG.....

**Phụ lục 1** : Các địa chỉ hữu ích.....

**Phụ lục 2** : Các công ty nhập khẩu tại Ấn Độ.....

# LỜI TỰA

Ấn Độ là đất nước rộng lớn và đông dân ở Nam Á với 3,3 triệu km<sup>2</sup> và 1,2 tỷ người và đang khẳng định vai trò của mình như một cường quốc nổi lên tại châu lục và trên thế giới.

Đất nước của nền Văn minh Sông Hằng, của Mahatma Gandhi đã thực hiện thành công cuộc cải cách kinh tế từ năm 1991 với nhịp độ GDP tăng trung bình 6%/năm trong hơn một thập kỷ qua. Đặc biệt trong các năm 2005-2008, mức tăng là trên 9%/năm. Kinh tế đối ngoại được đặc biệt chú trọng và đạt được những thành tựu đáng khích lệ, đưa Ấn Độ trở thành một trong các nước dẫn đầu thế giới về sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, sản xuất và xuất khẩu phần mềm, thu hút đầu tư nước ngoài.

Về chính trị, vị thế và vai trò của Ấn Độ ngày càng được củng cố trên trường quốc tế. Ấn Độ đang phấn đấu để trở thành nước phát triển vào năm 2020 và thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc.

Ấn Độ là một trong những nước có quan hệ ngoại giao sớm với Việt Nam từ năm 1954. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Jawaharlal Nehru là những người đã đặt nền móng và xây dựng mối quan hệ gắn bó Việt Nam-Ấn Độ. Năm 2007, hai nước đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, mở ra thời kỳ hợp tác mới, to lớn và toàn diện.

Ấn Độ là đối tác thương mại và đầu tư quan trọng của Việt Nam. Năm 2008, kim ngạch thương mại song phương đạt xấp xỉ 2,5 tỷ USD. Nhiều tập đoàn, công ty Ấn Độ đang đầu tư tại Việt Nam trong các lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí, sản xuất điện, thép, dược phẩm, hóa chất, dịch vụ...

Nhằm cung cấp thông tin một cách đầy đủ về thị trường rộng lớn và tiềm năng này đến các doanh nghiệp Việt Nam và các bạn đọc có quan tâm, Đại sứ quán Ấn Độ tại Việt Nam, Vụ Thị trường Châu Phi, Tây Á, Nam Á phối hợp với Thương vụ Việt Nam tại Ấn Độ biên soạn cuốn sách “Giới thiệu Thị trường Ấn Độ”. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của Đại sứ quán Ấn Độ tại Việt Nam trong việc xuất bản ấn phẩm này.

Hy vọng cuốn sách sẽ là một nguồn thông tin hữu ích cho các doanh nghiệp Việt Nam và các độc giả trong tiếp cận và nghiên cứu về thị trường Ấn Độ.

Chúc các bạn thành công!

Hà nội, tháng 1 năm 2010

**Lê Dương Quang**

**Thứ trưởng Bộ Công Thương**



## **Lời tựa của Ngài Lal T. Muana, Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Ấn Độ tại Việt Nam**

Tôi rất vui khi được biết Bộ Công Thương Việt Nam sẽ xuất bản cuốn sách tựa đề “Giới thiệu Thị trường Ấn Độ” và ra mắt cuốn sách nhân buổi hội thảo phổ biến Hiệp định Thương mại tự do Ấn Độ ASEAN. Cuốn sách sẽ là một ấn phẩm hữu ích đối với Doanh nghiệp Việt Nam muốn làm ăn với thị trường Ấn Độ.

Với ấn phẩm này, Doanh nghiệp Việt Nam sẽ có kiến thức tốt hơn về thị trường Ấn Độ, mang lại triển vọng tăng cường được xuất khẩu của Việt Nam sang Ấn Độ.

Tôi cũng muốn dành lời cảm ơn sâu sắc tới Bộ Công Thương về vai trò tích cực trong tiến trình đàm phán về Hiệp định Thương mại tự do Ấn Độ ASEAN về hàng hóa, hiện thực hóa giấc mơ của các nhà lãnh đạo hai nước nhằm hội nhập hai nền kinh tế của chúng ta.

Trong những năm vừa qua, quan hệ thương mại song phương phát triển nhanh chóng đạt mức 2.5 tỉ Đô la Mỹ vào năm 2008. Tuy nhiên, thách đứ thương mại nghiên quá nhiều về Ấn Độ. Trách nhiệm của chúng ta là làm giảm thâm hụt thương mại của Việt Nam. Để đạt được mục tiêu này, Bộ Công Thương sẽ đóng vai trò tích cực. Tôi hy vọng cuốn sách này sẽ giúp ích nhiều cho cộng đồng doanh nghiệp.

Tôi cũng mong muốn Đại sứ quán Ấn Độ và Bộ Công Thương sẽ tiếp tục hợp tác chặt chẽ trong những năm tới vì mục tiêu này.

Trân trọng

Lal T. Muana,  
Đại sứ Ấn Độ

Số 58-60 Trần Hưng Đạo, Hà Nội

Tel: 84-4-38244990

Fax: 84-4-38244998

# **Chương I : TỔNG QUAN VỀ ẤN ĐỘ**

## **1. Địa lý**

Tên nước : Cộng hòa Ấn Độ

Thủ đô : New Delhi

Đặc điểm địa lý : thuộc khu vực Nam Á, phía Bắc giáp Trung quốc, Nepal và Bhutal. Phía Đông Bắc giáp Myanmar, Bangladesh. Phía Tây Bắc giáp Pakistan và Afghanistan. Phía Tây, phía Đông và phía Nam bao bọc bởi Ấn Độ Dương.

Ấn Độ có 14.103 km đường biên giới đất liền và 7.516,6 km bờ biển, bao gồm bờ biển của lục địa, vùng đảo Lakshadweep và vùng đảo Andaman và Nicobar.

Đất nước trải dài từ các đỉnh núi Himalaya tuyết phủ quanh năm , kinh tuyến 68 độ 7, đến các triền rừng nhiệt đới phía Nam 97 độ 25 Nam, từ vĩ tuyến 8 độ 4 đến 37 độ 6 Bắc.

Lãnh thổ Ấn Độ bao gồm 4 vùng chính : vùng núi cao; vùng Đồng bằng Sông Hằng (Ganga) và Sông Indus; vùng Sa mạc và Bán đảo phía Nam.

Khí hậu Ấn Độ có 4 mùa : mùa Đông (tháng Giêng-tháng Hai); mùa Hè (tháng Ba-tháng Năm); mùa Mưa Tây-Nam (tháng Sáu-tháng Chín) và mùa Mưa Đông-Bắc (tháng 10-tháng 12)

Diện tích : 3.287.263 km<sup>2</sup> (lớn thứ 7 trên thế giới)

## **2. Dân số, tôn giáo và ngôn ngữ**

Dân số : 1.166 triệu người vào tháng 7/2009. Nam giới là 600,807 triệu người. Nữ giới là 565,193 triệu Mật độ dân số năm 2009 là 355 người/km<sup>2</sup>.

Tôn giáo : Ấn Độ không có quốc đạo. Hiến pháp Ấn Độ quy định tự do tín ngưỡng, bình đẳng giữa các tôn giáo. Có 6 tôn giáo chính : trên 80% dân số theo Ấn Độ giáo, 10% theo Đạo Hồi, 2% theo đạo Thiên chúa, 2% theo đạo Sikh, khoảng 1% theo đạo Thiên (Jainism) và 0,75% theo Phật giáo.

Ngôn ngữ : Mười chín thứ tiếng được Hiến pháp công nhận là ngôn ngữ chính.

Tiếng Hindi là ngôn ngữ chính thức làm việc của Nhà nước Liên Bang và được gần 40% dân số sử dụng.

Tiếng Anh là ngôn ngữ giao tiếp, được sử dụng rộng rãi. Các ngôn

ngữ khác là Urdu, Telugu, Bengali, Assamese, Gujarati, Punjabi, Kannada, Tamil, Bhili, Marathi, Oriya...

### **3. Cơ cấu chính trị**

Ấn Độ có trên 5.000 năm lịch sử, là một trong những cái nôi văn minh của loài người. Triều đại Ashoka (273-323 sau Công nguyên) là thời kỳ hưng thịnh nhất của lịch sử cổ đại Ấn Độ và lãnh thổ Ấn Độ được mở rộng gần như ngày nay.

Đến thế kỷ 11, người Hồi giáo tràn vào Ấn Độ. Cuối thế kỷ 14, quân Nguyên chiếm hầu hết các Vương quốc ở phía Bắc Ấn Độ. Từ cuối thế kỷ 15, người Châu Âu bắt đầu đến thâm nhập Ấn Độ.

Đầu tiên là người Bồ Đào Nha, đặt trung tâm tại Goa, phía Tây Ấn Độ. Sau đó là Pháp và Anh. Năm 1858, Anh chiếm toàn bộ Tiểu lục địa Ấn Độ.

Năm 1885, Đảng Quốc gia Đại hội Ấn Độ (gọi tắt là Quốc đại) được thành lập và lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ. Thực dân Anh đã trao trả độc lập cho Ấn Độ ngày 15/8/1947. Ngày 26/1/1950, Ấn Độ tuyên bố thành lập nước Cộng hòa. Từ đó trở đi, ngày 26/1 được lấy là ngày Cộng hòa.

Nhà nước Ấn Độ được tổ chức theo hình thức liên bang và theo thể chế dân chủ đại nghị. Hiện nay, Ấn Độ có 28 Bang và 7 Lãnh thổ trực thuộc Trung ương.

#### **3.1. Quốc hội Liên bang**

Quốc hội Liên bang gồm 2 viện : Thượng viện (Rajya Sahba) và Hạ viện (Lok Sahba).

Hiến pháp Ấn Độ quy định Thượng viện có 250 ghế, trong đó 12 ghế do Tổng thống chỉ định. Những người này được lựa chọn trong số những người có trình độ hiểu biết cao và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực văn hóa, khoa học, nghệ thuật và dịch vụ xã hội. Tối đa 238 đại diện còn lại là từ các Bang và các Lãnh thổ trực thuộc Trung ương.

Thượng viện được bầu gián tiếp. Các thành viên đại diện cho các Bang được bầu bởi các thành viên được bầu của Hội đồng lập pháp của Bang phù hợp với cơ cấu lãnh thổ và dân số từng Bang. Với các vùng Lãnh thổ trực thuộc trung ương, cách tiến hành cũng tương tự như các Bang.

Thượng viện không bao giờ giải tán, một phần ba trong số các thành viên sẽ nghỉ hưu vào năm thứ 2.

Hiện nay, Thượng viện có 245 thành viên. Trong số đó, 233 thành viên từ các Bang và Lãnh thổ trực thuộc và 12 thành viên do Tổng thống chỉ định.

Hạ viện bao gồm các thành viên đại diện cho các tầng lớp xã hội, được bầu trực tiếp và thông qua phổ thông đầu phiếu. Số thành viên tối đa của Hạ viện được quy định theo Hiến pháp là 552 đại biểu (530 đại diện cho các Bang và 20 cho các Lãnh thổ trực thuộc Trung ương và không quá 2 thành viên của Cộng đồng Anglo-Indian). Số ghế Hạ viện được phân cho các Bang và Lãnh thổ trên cơ sở cơ cấu về diện tích và số dân.

Hiện nay, Hạ viện có 545 Đại biểu, trong đó 530 Đại biểu được bầu trực tiếp từ các Bang, 13 Đại biểu được bầu trực tiếp từ các Lãnh thổ trực thuộc Trung ương và 2 Đại biểu do Tổng thống chỉ định đại diện cho Cộng đồng Anglo-Indian.

Nhiệm kỳ của Hạ viện, nếu không bị giải tán sớm, là 5 năm kể từ ngày của phiên họp thứ nhất theo quy định của Hiến pháp.

Nghị sĩ của Nghị viện Ấn Độ phải là người có quốc tịch Ấn Độ, tuổi không thấp hơn 30 đối với thành viên Thượng viện và không thấp hơn 25 đối với thành viên Hạ viện.

### **3.2. Chính phủ Liên bang**

Chính phủ Liên bang gồm có : Tổng thống, Phó Tổng thống và Hội đồng Bộ trưởng. Đứng đầu Hội đồng Bộ trưởng là Thủ tướng. Tổng thống và Phó Tổng thống do cử tri đoàn bầu ra, nhiệm kỳ 5 năm.

Tổng thống thực hiện quyền của mình theo lời khuyên của cố vấn và của Thủ tướng.

Phó Tổng thống cũng đồng thời giữ chức Chủ tịch Thượng viện và thay thế Tổng thống khi Tổng thống vắng mặt.

Thủ tướng đứng đầu Hội đồng Bộ trưởng, do Tổng thống bổ nhiệm trên cơ sở kết quả bầu cử Hạ viện trong toàn quốc, nhiệm kỳ 5 năm.

Người được bổ nhiệm Thủ tướng là người đứng đầu đảng chính trị hoặc liên minh đảng chính trị giành được đa số trong Hạ viện.

#### ***Lãnh đạo hiện nay***

Tổng thống Bà Pratibha Devisingh Patil, từ tháng 7/2007. Phó Tổng thống Ông Mohammad Hamid Ansari, từ tháng 8/2007.

Thủ tướng Ông Manmohan Singh từ tháng 5/2004 và được bổ nhiệm lại vào tháng 5/2009 sau khi Liên minh UPA do Đảng Quốc đại đứng đầu giành thắng lợi tại cuộc bầu cử Hạ viện tháng 4-5/2009. Hiện nay, Ấn Độ không có Phó Thủ tướng.

Chủ tịch Quốc hội (Chủ tịch Hạ viện) : Bà Meira Kumar, từ tháng 5/2009.

Ngoại trưởng : Ông S. M. Krisna, từ tháng 5/2009.

### ***Chính phủ Bang***

Cơ quan hành pháp Bang gồm Thống đốc và Hội đồng Bộ trưởng.

Đứng đầu Hội đồng Bộ trưởng là Thủ hiến Bang (Chief Minister).

Thống đốc do Tổng thống chỉ định, nhiệm kỳ 5 năm. Thủ hiến do Thống đốc bổ nhiệm trên cơ sở kết quả bầu cử tại các địa phương.

#### ***Các Bộ và Cơ quan ngang Bộ của Ấn Độ***

1. Bộ Ngoại giao.
2. Bộ Tài chính
3. Bộ Quốc phòng.
4. Bộ Nông nghiệp.
5. Bộ Hóa chất và Phân bón.
6. Bộ Hàng không Dân dụng.
7. Bộ Than.
8. Bộ Thương mại và Công nghiệp.
9. Bộ Viễn thông và Công nghệ Thông tin.
10. Bộ Văn hóa.
11. Bộ Môi trường và Lâm nghiệp.
12. Bộ về Các Công ty.
13. Bộ Tiêu dùng, Lương thực và Phân phối Công cộng.
14. Bộ Công nghiệp Chế biến Thực phẩm.
15. Bộ Y tế và Các Vấn đề Gia đình.
16. Bộ Công nghiệp nặng và Các Doanh nghiệp Công cộng.
17. Bộ Nội vụ.
18. Bộ Phát triển Nguồn Nhân lực.
19. Bộ Thông tin và Phát thanh.
20. Bộ Lao động.
21. Bộ Luật và Tư pháp.
22. Bộ Năng lượng mới và tái tạo.
23. Bộ về Người Ấn Độ ở nước ngoài.
24. Bộ về Các Vấn đề của Nghị viện.
25. Bộ về Các vấn đề Tổ chức và Nhân lực.
26. Bộ Dầu mỏ và Khí đốt.
27. Bộ Kế hoạch.
28. Bộ Điện.

29. Bộ Đường sắt.
30. Bộ Giao thông Đường bộ, Đường biển và Đường Cao tốc.
31. Bộ Phát triển Nông thôn.
32. Bộ Khoa học và Công nghệ.
33. Bộ Các Doanh nghiệp Lớn, Vừa và Nhỏ.
34. Bộ Thống kê.
35. Bộ Sắt Thép.
36. Bộ Dệt.
37. Bộ Du lịch.
38. Bộ Phát triển Trẻ em và Phụ nữ.
39. Bộ về Các Vấn đề Bộ lạc.
40. Bộ Phát triển Đô thị.
42. Bộ Thuỷ lợi.
43. Bộ Luật pháp Xã hội.
44. Bộ Thanh niên và Thể thao.
45. Bộ Phát triển Vùng Đông - Bắc.
46. Bộ Nhà ở và Xóa nghèo Nông thôn.
47. Bộ Mỏ.
48. Bộ về các Vấn đề Dân tộc Thiểu số.
49. Bộ về các Vấn đề Tộc trưởng.
50. Tổng cục Năng lượng Nguyên tử.
51. Tổng cục Vũ trụ.
52. Ban Thư ký của Nội các.
53. Ban Thư ký của Tổng thống.
54. Văn phòng Thủ tướng.
55. Ủy ban Kế hoạch.

Đứng đầu một Bộ của Chính phủ Ấn Độ là một Bộ trưởng (Minister). Tiếp đến là các Quốc vụ khanh (Minister of State). Một Bộ có thể có một hoặc nhiều Quốc vụ khanh.

Cũng có Bộ do Quốc vụ khanh phụ trách (Independent Charge).

Dưới Bộ trưởng và Quốc vụ khanh là các Thứ trưởng (Secretary), được quy định từ mức cao đến mức thấp : Thứ trưởng (Secretary), Trợ lý Bộ trưởng (Additional), Vụ trưởng (Joint Secretary), Phó Vụ trưởng (Deputy Secretary và Under Secretary).

Một Bộ có thể có một hoặc nhiều Secretary.

Bộ trưởng và Quốc vụ khanh đều là thành viên Nội các.

### ***Chính phủ Bang***

Cơ quan hành pháp Bang gồm Thống đốc và Hội đồng Bộ trưởng.

Đứng đầu Hội đồng Bộ trưởng là Thủ hiến Bang (Chief Minister).

Thống đốc do Tổng thống chỉ định, nhiệm kỳ 5 năm. Thủ hiến do Thống đốc bổ nhiệm trên cơ sở kết quả bầu cử tại các địa phương.

### ***3.3. Các đảng chính trị tại Ấn Độ***

Ấn Độ có nhiều đảng phái chính trị, trong đó một số đảng chủ yếu :

+ Đảng Quốc đại (Congress) thành lập năm 1885, là đại diện của tầng lớp tư sản dân tộc và trí thức : có khoảng 25 triệu đảng viên chính thức.

Đảng Quốc đại đã nhiều lần phân liệt thành các đảng nhỏ. Từ năm 1980, Quốc đại chính thức mang tên Indira Gandhi, gọi là Quốc đại (I). Đảng này có cơ sở và ảnh hưởng rộng khắp toàn quốc. Đảng Quốc đại cầm quyền hầu như liên tục từ khi Ấn Độ giành độc lập (trừ giai đoạn 1977-1979, 1989-1990 và 1999 đến tháng 5/2004).

Trong cuộc bầu cử Hạ viện lần thứ 15 vào tháng 4-5/2009, Quốc đại (I) liên minh với các đảng khác (Liên minh Tiến bộ Thống nhất-UPA) giành thắng lợi với đa số ghế (262/543 so với 219/543 ghế năm 2004, trong đó Quốc đại có 206 ghế so với 142 ghế năm 2004) và được quyền thành lập Chính phủ.

Chủ tịch Đảng : Bà Sonia Gandhi, vợ cố Thủ tướng Rajiv Gandhi.

+ Đảng Nhân dân Ấn Độ (BJP) được thành lập năm 1980, phát triển mạnh từ năm 1989. Trong cuộc bầu cử Hạ viện 13 vào tháng 10/1999, Liên minh Dân chủ Quốc gia (NDA) gồm 24 đảng do BJP làm nòng cốt giành được 298 ghế, trong đó BJP được 182 ghế và cầm quyền từ đó đến tháng 5/2004.

Tại cuộc bầu cử Hạ viện lần thứ 15 vào tháng 4-5/2009, BJP và đồng minh chỉ giành được 157 ghế (năm 2004 là 188 ghế), riêng BJP được 116 (năm 2004 là 135 ghế), và trở thành đảng đối lập lớn nhất tại Quốc hội.

Chủ tịch hiện nay của BJP là Ông Rajnath Singh.

+ Đảng Cộng sản Ấn Độ (CPI) được thành lập năm 1925. Hiện nay có khoảng 560.000 đảng viên. Trong cuộc bầu cử Hạ viện lần thứ 15 vào tháng 4-5/2009, CPI giành được 4 ghế (năm 2004 được 10 ghế) tại Hạ viện.

Tổng Bí thư : Arhendu Bhushan Bardhan, được bầu lại tại Đại hội lần thứ XX, tháng 4/2008.

+ Đảng Cộng sản Ấn Độ Mác xít - CPI (M) được thành lập năm 1964. Hiện

nay có khoảng 800.000 đảng viên (năm 1994 có 72 vạn). Tại cuộc bầu cử Hạ viện 15 vào tháng 4-5/2009, CPI(M) giành được 16 ghế (năm 2004 là 43 ghế).

Tổng Bí thư : Prakash Karat, được bầu lại tại Đại hội lần thứ XIX, tháng 4/2008.

#### **4. Kinh tế - Xã hội**

Từ ngày giành được độc lập, Ấn Độ chủ trương xây dựng và phát triển đất nước theo con đường độc lập dân tộc và tự lực tự cường, thi hành chính sách đối ngoại hòa bình, không liên kết, hữu nghị với tất cả các nước.

Ấn Độ có vai trò và tiếng nói quan trọng ở Liên hợp quốc và các diễn đàn khu vực và quốc tế.

Sau chiến tranh lạnh, Ấn Độ thực hiện chính sách đa dạng hóa quan hệ, trong đó coi trọng quan hệ với các nước láng giềng, cân bằng quan hệ với các nước lớn, trong đó coi trọng đẩy mạnh quan hệ với Mỹ và thực hiện “Chính sách Hướng Đông” (Look East Policy), phấn đấu trở thành Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

#### **5. Tiền tệ**

Đồng tiền của Ấn Độ là Rupi ( Rupee). Đơn vị lẻ là Paisa, 1 Rupi = 100 Paisa. Tỷ giá tháng 8 năm 2009 : 1 USD = 48,50 Rs.

#### **6. Hệ đo lường**

Ấn Độ dùng chủ yếu hệ đo lường Anh : Feet, Yard, Mile.

Hệ đo lường mét cũng được dùng: Tấn, Tạ, Kg, Km, Mét, Ha.

Một vài đơn vị số đếm thường dùng :

1 Lakh = 100.000 ( Một trăm ngàn )

10 Lakh = 1.000.000 ( Một triệu )

1 Crore = 10.000.000 ( Mười triệu )

100 Crore = 1.000.000.000 ( Một tỷ )

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1/4 và kết thúc vào ngày 31/3 năm sau.

**Diện tích, dân số các Bang và Lãnh thổ trực thuộc Trung ương**

<b>TT</b>	<b>Bang/Lãnh thổ</b>	<b>Diện tích (Km<sup>2</sup>)</b>	<b>Dân số (Người)</b>	<b>Ngôn ngữ chính</b>
1	Uttar Pradesh	238.566	166.052.859	Hindi, Urdu
2	Maharashtra	307.713	96.752.247	Marathi
3	Bihar	94.163	82.878.796	hindi
4	West Bengal	88.752	80.221.171	Bengali
5	Andhra Pradesh	275.069	76.111.243	Telugu, Urdu
6	Tamil Nadu	130.058	62.110.839	Tamil
7	Madhya Pradesh	308.000	60.383.118	Hindi
8	Rajasthan	342.239	56.473.122	Hindi, Rajasthani
9	Karnataka	191.791	52.733.958	Kannada
10	Gujarat	196.024	50.671.017	Gujarati
11	Orissa	155.707	36.706.920	Oriya
12	Kerala	38.863	31.838.619	Malayalam
13	Jharkhand	79.714	26.909.428	Hindi
14	Assam	78.438	26.638.407	Assamese
15	Punjab	50.362	20.281.969	Punjabi
16	Haryana	44.212	21.082.989	Hindi
17	Chattisgarth	136.034	20.795.956	Hindi
18	Delhi	1.483	13.800.000	Hindi, Punjabi
19	Jamu and Kashmir	222.236	10.069.987	Urdu, Dogri
20	Uttaranchan	53.484	8.479.562	Hindi, Garhwali
21	Himachan Predesh	55.673	6.077.248	Hindi, Pahari
22	Tripura	1.049.169	3.191.168	Bengali
23	Meghalaya	22.429	2.306.069	Khasi, Garo
24	Manipur	22.327	2.388.634	Manipuri
25	Nagaland	16.579	1.988.636	Agami, Ao, Chang
26	Goa	3.702	1.343.998	Konkani, Marathi
27	Arunachanl Pradesh	83.743	1.096.702	Monpa, Miji
28	Pondicherry	492	974.345	Tamil, Malayama
29	Chandigarh	114	900.914	Hindi, Punjabi
30	Mizoram	21.081	891.058	Mizo, English
31	Sikkim	7.096	540.493	Lepcha, Bhutia
32	Andaman and Nicobar Island	8.249	356.152	Hindi, Nicobar
33	Dadra and Nagar Haveli	491	220.490	Hindi, Gujarati
34	Daman and Diu	112	158.204	Gujarati
35	Lakshadweep	32	60.595	Jeseri, Mahal

*Nguồn: India 2008*

## **Chương II : TÌNH HÌNH KINH TẾ ẤN ĐỘ**

### **1. Những vấn đề chung**

Sau khi giành được độc lập năm 1947, Ấn Độ xây dựng nền kinh tế tự lực, tự cường trên cơ sở kế hoạch hóa.

Cuối những năm 1980, Ấn Độ lâm vào khủng hoảng kinh tế.

Từ năm 1991, nước này tiến hành cải cách kinh tế toàn diện và sâu rộng theo hướng tự do hóa và mở cửa, tích cực hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới, trong đó chú trọng cải cách cơ cấu, nâng cao hiệu quả của hệ thống tài chính, ngân hàng, nâng cấp cơ sở hạ tầng và tăng đầu tư vào những khu vực có khả năng tạo nhiều việc làm, phi đầu tư hóa các cơ sở hoạt động kém hiệu quả.

Mục tiêu là tăng trưởng GDP 9-10% trong kế hoạch 5 năm lần thứ XI (2007-2012).

Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của Ấn Độ trong hơn một thập kỷ vừa qua là khoảng trên 6%/năm. Năm tài chính 2003-2004, GDP tăng 8,5%. Năm 2004-2005, GDP tăng 7,5%. Năm 2005-2006, GDP tăng 9,5%. Năm 2006-2007 GDP tăng 9,7%. Năm 2007-2008, GDP tăng 9%. Năm 2008-2009, GDP tăng 6,7%. Dự kiến năm 2009-2010 GDP tăng 6,5-7%.

Khác với Trung Quốc, tăng trưởng kinh tế của Ấn Độ không lệ thuộc quá lớn vào công nghiệp cũng như xuất khẩu mà phụ thuộc phần quan trọng vào lĩnh vực dịch vụ. Lĩnh vực này chiếm trên 50% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và đang tăng 15 - 20% hàng năm. Ấn Độ rất chú trọng tới phát triển công nghệ thông tin và công nghệ sinh học.

Năm 2006, nước này xuất khẩu 31,4 tỷ USD phần mềm tin học, năm 2007 xuất khẩu 40 tỷ USD và năm 2008 xuất khẩu 60 tỷ USD, trở thành trung tâm của cả thế giới về dịch vụ công nghệ thông tin.

Nhờ những lợi thế này, Ấn Độ đang trở thành quốc gia thu hút sự chú ý của giới kinh doanh toàn cầu

**Các chỉ số kinh tế vĩ mô 2003-2009**

TT	Các chỉ số	Đơn vị tính	2003-2004	2004-2005	2005-2006	2006-2007	2007-2008	2008-2009
01	Mức tăng GDP	%	8,5	7,5	9,5	9,7	9,0	6,7
	Tỷ lệ tiết kiệm	%	29,8	31,7	34,2	35,7	37,7	-
02	Sản xuất							
	- Lương thực	Triệu tấn	213,2	198,4	208,6	217,3	230,8	229,9
	- Chi số CN	%	7,0	8,4	8,2	11,6	8,5	2,6
	- Phát điện	%	5,1	5,1	5,2	7,3	6,3	2,7
03	Giá cả							
	- Lạm phát (WPI)	%	5,5	6,5	4,4	5,4	4,7	8,4
	- Lạm phát (CPI)	%	3,9	3,8	4,4	6,7	6,2	9,1
04	KT đối ngoại							
	- Xuất khẩu	%	21,1	30,8	23,4	22,6	28,9	3,6
	- Nhập khẩu	%	27,3	42,7	33,8	24,5	35,4	14,4
	- Dự trữ ngoại tệ	Tỷ \$	113,0	141,5	151,6	199,2	309,7	252,0
	- Tỷ giá	Rs/\$	45,95	44,93	44,27	45,28	40,25	45,99
05	Tiền tệ và tín dụng							13
	- Tín dụng ngân hàng	%	15,2	30,7	37,0	28,5	22,3	17,5
06	Chỉ số tài chính							
	- Thâm hụt Ngân sách	%	4,5	4,0	4,1	1,9	1,1	4,6
07	Dân số	Triệu người	1.072	1.089	1.106	1.122	1.138	1.154

Nguồn : Bộ Tài chính Ấn Độ

## 12 Quốc gia hàng đầu thế giới về GDP

Đơn vị: Tỷ USD

TT	Tên nước	2006	2007
1	Mỹ	13.163,9	13.811,2
2	Nhật	4.368,4	4.376,7
3	Đức	2.896,9	3.297,2
4	Trung Quốc	2.644,7	3.280,0
5	Anh	2.370,0	2.727,8
6	Pháp	2.248,1	2.562,3
7	Italia	1.851,0	2.107,5
8	Tây Ban Nha	1.224,7	1.429,2
9	Canada	1.271,6	1.326,4
10	Brazil	1.067,5	1.314,2
11	Nga	987,0	1.291,0
12	Ấn Độ	911,8	1.171,0
	Toàn Thế giới	48.461,9	54.347,0

Nguồn: Ngân hàng Thế giới (The World Bank)

Hiện nay, Ấn Độ được xếp thứ 6 trên thế giới về sức hấp dẫn với đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI), sau Mỹ, Trung Quốc, Anh, Brazil và Mexico, xếp thứ 25 về tổng số FDI. Thu nhập đầu người trên 1.000 USD/năm. Chính phủ đề ra mục tiêu tăng trưởng GDP trung bình 9-10%/năm trong Kế hoạch năm năm lần thứ XI (2007-2012).

Mục tiêu dài hạn là trở thành nước phát triển vào năm 2020.

## 10 Quốc gia hàng đầu thế giới về GDP tính theo PPP

Đơn vị: Tỷ USD

Xếp hạng	Tên nước	2005	2006	2007
1	Mỹ	12.376,0	13.163,9	13.811,2
2	Trung Quốc	5.333,2	6.092,0	7.055,1
3	Nhật Bản	3.870,0	4.081,4	4.283,5
4	Ấn Độ	2.341,0	2.740,1	3.092,1
5	Đức	2.514,8	2.662,5	2.751,8
6	Nga	1.697,5	1.869,0	2.088,2
7	Anh	1.901,0	2.003,4	2.081,5
8	Pháp	1.862,2	1.959,7	2.053,7
9	Brazil	1.583,2	1.694,4	1.833,6
10	Italia	1.626,3	1.709,5	1.780,1
	Thế giới	54.980,0	60.507,3	61.167,4

Nguồn: Ngân hàng Thế giới (The World Bank)

## **2. Quá trình cải cách kinh tế từ năm 1991**

### **2.1. Cuộc cải cách toàn diện năm 1991**

Sau khi được trao trả độc lập năm 1947, Ấn Độ đã quyết định xây dựng một nền kinh tế tư bản nhiều thành phần trong đó khu vực Nhà nước giữ vai trò chủ đạo và phát triển theo kế hoạch. Lựa chọn này đã cho phép Ấn Độ huy động được các nguồn lực ở cấp độ quốc gia, xây dựng các ngành công nghiệp chủ chốt của nền kinh tế như đường sắt, thép, hoá chất, chế tạo máy, điện lực, hóa dầu, dược phẩm v.v...

Mô hình phát triển này đã tạo điều kiện cho Ấn Độ có khả năng đáp ứng hầu hết các nhu cầu trong nước. Chính sách bảo hộ của Ấn Độ đã giúp giai cấp tư sản dân tộc phát triển nhanh chóng. Sự đầu tư thích đáng cho nông nghiệp đưa Ấn Độ từ một nước thiếu lương thực trở thành một nước xuất khẩu lương thực và nông sản lớn của thế giới. Ấn Độ được biết đến trên thế giới nhiều qua cuộc Cách mạng Xanh (tự túc và dư lương thực để xuất khẩu) và Cách mạng Trắng (sản xuất sữa phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu) trong nông nghiệp. Trong suốt 3 thập kỷ, từ 1950 đến 1970, mức tăng trưởng GDP hàng năm của Ấn Độ đạt trung bình 3,5% và trong những năm 1980 đạt trung bình 5,5%. Tuy mức tăng chưa cao, song Ấn Độ duy trì được tăng trưởng liên tục trong suốt 4 thập kỷ.

Tuy nhiên, mô hình phát triển kinh tế theo kế hoạch đã bộc lộ những nhược điểm lớn. Cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp; dàn trải trong đầu tư phát triển; hệ thống văn bản pháp lý theo kiểu bảo hộ v.v... đã kìm hãm sức sản xuất, hạn chế tính năng động và sáng tạo trong sản xuất kinh doanh. Giá thành sản xuất cao dù tiền công lao động thấp. Chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất thấp.

Do vậy, đến năm 1973, tổng sản phẩm công nghiệp của Ấn Độ đã từ vị trí thứ 10 thế giới (1955) tụt xuống vị trí thứ 20. Từ chỗ chiếm 1% xuất khẩu thế giới trong những năm 1950, Ấn Độ chỉ còn chiếm 0,5% vào năm 1973.

Nguy cơ tụt hậu đã buộc Ấn Độ phải từng bước điều chỉnh chính sách kinh tế của mình.

Tháng 2/1973, Ấn Độ công bố chính sách nới lỏng một bước việc cấp giấy phép. Đến năm 1985, dưới tác động của xu hướng cải tổ mạnh mẽ của Liên Xô và Đông Âu và tư duy năng động của Thủ tướng Rajiv Gandhi, Ấn Độ theo đuổi những mục tiêu cải cách kinh tế mạnh mẽ hơn, tiếp tục thực hiện điều chỉnh các văn bản pháp quy không còn phù hợp, điều chỉnh chính sách ngoại thương, chú trọng đầu tư nước ngoài và hướng tới xuất khẩu.

Tuy nhiên, phải đến đầu những năm 1990, khi nền kinh tế Ấn Độ rơi

vào tình trạng trì trệ, suy thoái và khủng hoảng trầm trọng do khu vực kinh tế nhà nước yếu kém thì Ấn Độ mới buộc phải tính tới những biện pháp điều chỉnh quan trọng và mạnh mẽ hơn để vực dậy nền kinh tế.

Tháng 7/1991, Chính phủ Ấn Độ quyết định thực hiện mạnh mẽ chính sách tự do hoá. Đây là một quyết định được coi là bước chuyển cơ bản trong chiến lược công nghiệp hoá nói riêng, đường lối phát triển kinh tế-xã hội nói chung của Ấn Độ. Từ chỗ là một nền kinh tế hướng nội là chính chuyển sang coi trọng kinh tế thị trường và kinh tế đối ngoại. Chính phủ Ấn Độ đã thực hiện một loạt cải cách toàn diện nhằm điều chỉnh chính sách kinh tế vĩ mô và cơ cấu kinh tế nhằm chuyển đổi nền kinh tế từ tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường, tự do hoá và mở cửa, phát triển năng động, nâng cao khả năng cạnh tranh, từng bước hội nhập khu vực và quốc tế.

Chính sách cải cách kinh tế của chính phủ Ấn Độ bao gồm các mục tiêu cơ bản là: (1) lấy lại cân bằng vĩ mô, giảm bớt mức thâm hụt ngân sách liên bang, kiểm soát lạm phát; (2) làm tăng hiệu quả của khu vực kinh tế nhà nước thông qua cơ cấu lại thành phần này, bao gồm cả việc tư nhân hoá, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; (3) giảm bớt các hạn chế đối với doanh nghiệp tư nhân, khuyến khích đầu tư nước ngoài; (4) từng bước tự do hoá thị trường tài chính, thả nổi một phần đồng Rupee, giảm thuế quan và thúc đẩy xuất khẩu.

Thông qua thực hiện tích cực cải cách kinh tế có tính chiến lược này, Ấn Độ đã tạo được một làn sóng mới về tự do hoá kinh tế nhằm tạo ra những thay đổi sâu sắc trong cơ cấu kinh tế, thương mại, khuyến khích đầu tư nước ngoài. Trong suốt thập kỷ 1990, Ấn Độ đã đạt được tốc độ tăng trưởng GDP bình quân năm khá cao, trên dưới 7% liên tục.

Từ năm 1991, Ấn Độ thực hiện chương trình cải cách chính sách thương mại mạnh mẽ, từ bỏ dần chế độ tự cấp tự túc và đóng cửa, chuyển sang chính sách mở

cửa và hướng ngoại. Chính sách này quy định bỏ việc cấp giấy phép xuất nhập khẩu hầu hết các mặt hàng, trừ một số ít mặt hàng có tính chất chiến lược và nhạy cảm liên quan đến an ninh quốc phòng hoặc có tầm quan trọng thiết yếu đến đời sống kinh tế xã hội.

Hàng rào thuế quan trong những năm qua được cắt giảm mạnh từ 150% xuống còn 85%, 65%, 50% và đến năm 2005 còn 35%. Năm 2008, thuế suất hải quan trung bình của Ấn Độ là 34,4%.

Đồng Rupee được chuyển đổi hoàn toàn trong lĩnh vực thương mại và

tiến tới chuyển đổi hoàn toàn trong mọi lĩnh vực khi nền kinh tế của Ấn Độ đủ mạnh. Chính sách xuất nhập khẩu giai đoạn 1997-2002 quy định chuyển 542 mặt hàng từ danh sách hạn chế nhập khẩu trước đây sang danh sách tự do nhập khẩu, chuyển 60 mặt hàng từ danh sách cấp giấy phép đặc biệt sang danh sách tự do nhập khẩu. Cũng theo chiến lược này, Ấn Độ sẽ cải tiến cơ sở hạ tầng nghèo nàn, giảm chi phí vốn và khởi xướng các biện pháp phát triển “các thị trường khe” (niche markets) cho các sản phẩm của Ấn Độ nhằm tăng cao hơn nữa kim ngạch xuất khẩu trong những thập kỷ tới.

Một biện pháp khác là tiếp tục nâng cấp chất lượng và công nghệ sản xuất, cải thiện tình trạng lạc hậu và tắc nghẽn tại các cảng, tình trạng giao thông vận tải và nâng cao năng suất lao động, hiện đại hoá cơ chế hoạt động hải quan.

Dự tính Ấn Độ sẽ phải đầu tư trên 500 tỷ USD cho hạ tầng cơ sở. Bên cạnh đó, Ấn Độ có hướng giảm bớt chi phí và tăng nguồn vốn thông qua Ngân hàng Trung ương và các Ngân hàng thương mại. Mục tiêu của nước này là vừa mở rộng xuất khẩu các sản phẩm hiện hành, đặc biệt là thông qua việc khai thác các thị trường mới, vừa đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu cho phù hợp với các xu hướng xuất khẩu của thế giới. Do sự phát triển chung của các nền kinh tế thế giới, tỷ trọng xuất khẩu của Ấn Độ trong buôn bán thế giới đã giảm đi, từ 2,5% năm 1947 xuống còn 0,4% năm 1990 và tăng lên 0,8% vào năm 2004. Tổng thị phần của Ấn Độ trong thương mại toàn cầu là 1,66% năm 2007.

Trong chiến lược kinh tế đối ngoại nói chung, Ấn Độ tiếp tục đơn giản hoá các thủ tục xuất nhập khẩu, đẩy mạnh xuất khẩu dịch vụ, xuất khẩu tại chỗ và các hình thức khác để nâng cao hơn nữa tỷ trọng buôn bán của mình so với thế giới.

Tuy nhiên, đến nay thị trường Ấn Độ vẫn là thị trường bảo hộ mậu dịch lớn nhất Châu Á với hàng rào bảo hộ thuế và phi thuế ở mức khá cao.

Năm 1996, Ấn Độ đứng thứ 31 trên thế giới về kim ngạch xuất khẩu và thứ 28 về kim ngạch nhập khẩu. Năm 2002, tổng kim ngạch thương mại Ấn Độ là 113 tỷ USD, trong đó nhập 61 tỷ và xuất 52 tỷ. Năm 2004-2005, Ấn Độ xuất khẩu 79,59 tỷ USD, nhập khẩu 106,12 tỷ USD. Thâm hụt thương mại là 26,53 tỷ USD.

Năm 2005-2006, Ấn Độ xuất khẩu 103 tỷ USD, năm 2006-2007 là 126 tỷ USD và năm 2007-2008 là 163 tỷ USD. Từ tháng 4-10/2009 (7 tháng năm tài chính 2009-2010), Ấn Độ xuất khẩu 91,048 tỷ USD, tăng -26% so với mức 123,038 cùng kỳ năm trước và nhập khẩu 148,367 tỷ USD, tăng -29,6% so với mức 210,864 tỷ USD cùng kỳ năm 2007-2008.

## *Xuất khẩu và nhập khẩu năm 2003-2009*

TT	Các chỉ số	Đơn vị tính	2003-2004	2004-2005	2005-2006	2006-2007	2007-2008	2008-2009
01	Xuất khẩu	Triệu USD	63.843	83.536	103.090	126.263	162.983	168.704
02	Nhập khẩu	Triệu USD	78.149	111.517	149.166	185.604	251.562	287.759
03	Tổng XNK	Triệu USD	141.992	195.053	252.257	311.867	414.546	456.463
04	Cán cân TM	Triệu USD	-14.307	-27.981	-46.075	-59.341	-88.578	-110.055

*Nguồn* : Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ

Nhằm thúc đẩy ngoại thương hơn nữa, đầu năm 1999, Ấn Độ đã thành lập Ủy ban Chính phủ về Thương mại, chịu trách nhiệm thảo ra các chiến lược nhằm thúc đẩy xuất khẩu và khắc phục những trở ngại về thương mại. Hiện nay, Bộ trưởng Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, Ông Anand Sharma, là Chủ tịch ủy ban Chính phủ về Thương mại

### **2.2. Chính sách tiền tệ và tín dụng hàng năm**

Hàng năm, Ấn Độ công bố chính sách tiền tệ và tín dụng nhằm ổn định giá cả trong nước, hỗ trợ tín dụng một cách đặc lực nhất cho các doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu. Chính phủ ủy nhiệm cho Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ (Reserve Bank of India-RBI) công bố Chính sách này.

Chính sách tiền tệ và tín dụng năm 2008-2009 nhằm phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng GDP là 9-10%, bảo đảm không xảy ra các cú sốc về giá cả, bảo đảm luân chuyển dòng tiền tệ. Lãi suất ngân hàng giữ ở mức 6%/năm. Ngân hàng được phép thả nổi trái phiếu dài hạn để thu hút vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng. Hợp lý hóa cơ cấu các ngân hàng nông thôn tại các khu vực đặt dưới sự kiểm soát của Chính phủ trung ương.

Ấn Độ thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội thông qua các Kế hoạch 5 năm. Kế hoạch 5 năm lần thứ Nhất là từ 1951 đến 1956. Trên cơ sở Kế hoạch 5 năm, Chính phủ xác định Kế hoạch hàng năm cho nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá. Hiện nay Thủ tướng Manmohan Singh kiêm chức Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch của Chính phủ.

**Kết quả Kế hoạch 5 năm lần thứ IX (1997-2002) và X (2002-2007)**

TT	Các chỉ số	Kế hoạch lần thứ IX	Kế hoạch lần thứ X
01	Tăng trưởng GDP	5,5	7,2
	- Nông Nghiệp	2,0	1,7
	- Công Nghiệp	4,6	8,3
	- Dịch vụ	8,1	9,0
02	Tỷ lệ tiết kiệm (%/GDP)	23,1	28,2
03	Tỷ lệ đầu tư trong nước (%/GDP)	23,8	27,5
04	Cán cân thanh toán vãng lai (%/GDP)	-0,7	0,7
05	Thâm hụt ngân sách, cả Trung ương và các Bang (%/GDP)	8,8	8,4
06	Dự trữ ngoại tệ (Triệu \$)	54,2	165,3
07	Tỷ lệ lạm phát (WPI)	4,9	4,8

Nguồn : Bộ Tài chính Ấn Độ

**2.3. Chính sách kinh tế**

Chính phủ nhiệm kỳ 2004-2009 của Ấn Độ được thành lập tháng 5/2004 và được tiếp tục vào tháng 5/2009. Đây là Chính phủ Liên minh giữa Đảng Quốc đại với các Đảng chính trị trong Liên minh Tiến bộ Thống nhất (UPA). Chính phủ Liên minh đã đề ra Chương trình hành động cho nhiệm kỳ 2009-2014 với những nội dung chính như sau :

- + Mục tiêu chung : tăng trưởng nhanh, ổn định và công bằng xã hội.
- + Các nội dung cụ thể :
  - Tăng trưởng GDP ít nhất 9%/năm. Tiếp tục Cải cách kinh tế và “Chính sách Hướng Đông”.
  - Tăng cường cơ chế tạo 12 triệu việc làm mới hàng năm.
  - Chú trọng nông nghiệp, nông thôn, việc làm, tăng cường đầu tư vào công nghiệp chế biến. Tiến hành các biện pháp để giảm đói nghèo. Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 1/2 vào năm 2014.
  - Bảo đảm mức tăng trưởng của nông nghiệp là 4%/năm.
  - Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng với mức đầu tư hơn 9% GDP vào năm 2014.
  - Hỗ trợ các ngành công nghiệp trước các thách thức của cạnh tranh toàn cầu và duy trì mức tăng cao của xuất khẩu.
  - Tăng cường và thúc đẩy khuôn khổ quản lý kinh tế trong cả nước.
  - Mở rộng và tăng cường phúc lợi xã hội, giúp các tầng lớp trong xã hội, nhất là những người nghèo trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu.
  - Tăng cường cơ chế và mạng lưới hoạt động y tế, đẩy mạnh việc khám chữa bệnh ban đầu và y tế dự phòng trong cả nước.

- Thiết lập hệ thống giáo dục tiêu chuẩn, tiên bộ và cạnh tranh theo tiêu chuẩn quốc tế để đáp ứng mọi nhu cầu giáo dục của nhân dân.
- Tiến tới bảo đảm an toàn năng lượng cho mọi người dân thông qua Chính sách Năng lượng Tích hợp.
- Phân đấu trở thành nước công nghiệp phát triển vào năm 2020.

#### **2.4. Kế hoạch 5 năm lần thứ XI (2007-2012)**

Ấn Độ thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội thông qua các Kế hoạch 5 năm.

Kế hoạch 5 năm lần thứ Nhất là từ 1951 đến 1956.

Kế hoạch 5 năm lần thứ XI (2007-2012) được Hội đồng Phát triển Quốc gia thông qua ngày 9/12/2006. Mục tiêu chính của Kế hoạch này là tiếp tục cải cách kinh tế, tăng gấp đôi thu nhập tính theo đầu người trong vòng 10 năm trên cơ sở mức tăng GDP của quốc gia là 8%/năm. Tăng cường quan hệ các mặt với các nước láng giềng, các nước trong khu vực, các nước lớn và các nước khác trên thế giới.

Những mục tiêu chính của Kế hoạch 5 năm lần thứ XI :

+ Tăng trưởng GDP và thu nhập :

- Mức tăng GDP từ 8% đến 10% và duy trì mức tăng 12% cho Kế hoạch 5 năm lần thứ XII nhằm tăng gấp đôi thu nhập tính theo đầu người vào năm 2016-2017.

- Nông nghiệp tăng 4%.

- Tạo 70 triệu việc làm mới.

- Giảm tỷ lệ không có việc làm xuống dưới 5%.

- Tăng thu nhập thực tế 20% cho các lao động không qua đào tạo.

- Giảm tỷ lệ người tiêu dùng nghèo 10 điểm phần trăm.

+ Giáo dục :

- Giảm tỷ lệ bỏ học của trẻ em tiểu học từ 52,2% năm 2003-2004 xuống 20% vào năm 2011-2012.

- Phát triển tiêu chuẩn tối thiểu giáo dục phổ cập tiểu học, bảo đảm giáo dục có chất lượng.

- Tăng tỷ lệ biết chữ cho người dân từ 7 tuổi trở lên đạt 85%.

- Thu hẹp khoảng cách biết chữ giữa giới tính lên 10 điểm phần trăm.

- Tăng tỷ lệ vào trung học phổ thông từ mức hiện nay 10% lên 15% vào cuối Kế hoạch 5 năm lần thứ XI.

+ Cơ sở hạ tầng :

- Bảo đảm kết nối điện cho tất cả các làng xã và các hộ gia đình vào năm 2009 và cấp điện liên tục vào cuối kế hoạch.

- Bảo đảm thông suốt đường giao thông trong mọi thời tiết.

- Kết nối các làng xã qua điện thoại vào tháng 11/2007 và cung cấp băng tần rộng đến tất cả các làng xã vào năm 2012.
- Cung cấp đất làm nhà cho tất cả mọi gia đình vào năm 2012 và đẩy nhanh tốc độ làm nhà cho tất cả người nghèo vào năm 2016-2017.

+ Y tế :

- Giảm tỷ lệ chết yểu trẻ em xuống 28 và tỷ lệ sản phụ chết xuống 1 trong số 1.000 trường hợp sinh.
- Cung cấp nước uống sạch cho mọi người dân vào năm 2009.
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em nhóm tuổi 0-3 xuống còn một nửa so với hiện nay.
- Giảm tỷ lệ thiếu máu của phụ nữ xuống còn 50% vào cuối Kế hoạch XI.

## **2.5. Cải cách về thuế Hải quan**

+ Cải cách về thuế Hải quan

Ngày 8/1/2004, Bộ Trưởng Tài chính Ấn Độ công bố Chương trình Cắt Giảm thuế mới của Chính phủ, gọi tắt là Mini Budget, có hiệu lực từ ngày 9/1/2004.

Theo Chương trình này, tổng quan cơ cấu thuế nhập khẩu như sau :

- Suất thuế Hải quan cơ bản đối với hàng phi nông nghiệp giảm từ 25% xuống 20%. Thuế xuất ưu đãi cũng giảm tương ứng.
- Thuế Phụ thu Đặc biệt Hải quan (Special Additional Duty of Customs-SAD) được ưu đãi cho tất cả các loại hàng hoá phi nông nghiệp và nông nghiệp.
- Suất thuế ưu đãi theo Hiệp định Bangkok (Thông tư 26/95-Customs) giảm xuống như Thuế suất Hải quan Cơ bản.
- Thuế Nhập khẩu Cơ bản cho việc nhập khẩu theo các Dự án giảm từ 25% xuống 10% trong trường hợp cho cả Dự án với trị giá đầu tư ít nhất là Rupees % Crores (1 Crore = 10.000.000) về nhà máy và thiết bị (không bao gồm đất và nhà xưởng).
- Suất thuế Hải quan Cơ bản về than giảm từ 25% xuống 15%.
- Suất thuế Hải quan Cơ bản về nickel và các sản phẩm giảm từ 10% xuống 5%.
- Suất thuế Hải quan Cơ bản cho các hàng đặc chủng như đồ uống có alcoholic...giảm xuống còn 150%.

Ngày 6/6/2009, Bộ trưởng Tài chính Pranab Mukherjee công bố các điều chỉnh về thuế hải quan tiếp tục theo hướng giảm thuế với các mặt hàng phi nông nghiệp :

- Thuế suất rock phosphate giảm từ 5% xuống 2%.
- Thuế suất hải quan cơ bản 9 mặt hàng nguyên liệu và thuốc giảm xuống mức 5%.
- Thuế suất hải quan cơ bản của len và bông phế liệu giảm từ 15% xuống mức 10%.

- Thuế suất hải quan cơ bản vàng thời tăng từ 100 Rs/10 gram lên 200 Rs/10 gram, vàng các loại khác từ 250 Rs/10 gram lên 500 Rs/10 gram, bạc từ 500 Rs/kg lên 1.000 Rs/kg.

- Thuế suất hải quan cơ bản cho may thu hoạch cà phê giảm từ 7,5% xuống mức 5%.

Thuế suất hải quan cơ bản của các mặt hàng phi nông nghiệp hiện là 10%.

+ Lịch trình giảm thuế hải quan

Danh mục Thuế Hải quan của Ấn Độ được xây dựng phù hợp với mã HS gồm 99 Chương cho tất cả các loại hàng hoá. Từ năm 1991, Ấn Độ đã tiến hành cải cách thuế. Tuy nhiên, qua nhiều lần điều chỉnh, sửa đổi, thuế Hải quan Ấn Độ vẫn rất phức tạp với 20 mức thuế suất cơ bản (182, 160, 150, 105, 100, 85, 75, 70, 65, 45, 40, 35, 30, 25, 15, 10, 5, 3 và 0%).

Ấn Độ đã thông qua lịch trình giảm thuế Hải quan giai đoạn 2003-04, 2004-05, 2005-06 và 2006-07.

### **Cách tính thuế Hải quan của Ấn Độ**

Trong Bảng ITC-HS về hàng nhập khẩu và thuế nhập khẩu có các cột ghi cho các loại thuế như sau :

. Thuế Hải quan Cơ bản -Basic Duty of Customs (BASIC).

. Thuế suất ưu đãi - Preferential Rate of Duty (PRE).

. Thuế Bù Trừ - Countervailing Duty (CVD).

. Tổng số Thuế Nhập khẩu - Total Duty of Customs (TOTAL).

Total Duty of Customs (TOTAL) được tính toán như ví dụ sau :

Lô hàng có giá trị nhập khẩu là Rs. 1.000,00 (Rupee)

+ Landed Value (CIF)	Rs. 1.000,00
+ Basic Customs Duty @10%	Rs. 100,00
+ Landed Cost	Rs. 1.100,00
+ CVD @ 8% + 3%(2% Edu Cess +1% S.H Edu Cess)	Rs. 90.64,00
(88.00+ 2.64)	
Total Cess (Excise) thereon	
+ Customs Duty without education cess	Rs. 190.64,00
(100 + 90.64)	
+ Total Cess (Customs) will be Rs. 5.719	
(i.e. 3% of Rs. 190.64)	
+ Additional Customs Duty (ACD) @4%	Rs. 47.854
[ Rs. 1000 + Rs. 190.64 + Rs. 5.719 ] x 4%	
+ <b>Total Customs Duty</b>	<b>Rs. 244.213</b>
<b>(Rs. 190.64 + Rs. 5.719 + Rs. 47854)</b>	

Như vậy, lô hàng phải đóng thuế nhập khẩu là 244,213 Rs. (thuế suất là 24,4213%)

Qua trình bày và ví dụ trên, có thể thấy Thuế Hải quan của Ấn Độ được thiết kế và tính toán khá phức tạp. Mức thuế suất và số tiền phải nộp luôn là số lẻ.

Ví dụ trên dẫn chiếu thuế suất cơ bản là 10%. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành của Ấn Độ, có các suất thuế cơ bản khác nhau 0, 5, 10, 30, 35, 70, 100%...

Vào thời điểm tháng 7/2009, thuế suất Hải quan (TOTAL) của nhiều hàng hoá nhập khẩu là 30%. Ngoài ra, một số hàng nhập khẩu như lương thực, thực phẩm chế biến và hàng nhạy cảm còn chịu thêm thuế phụ thu, quản lý bằng hạn ngạch hoặc các quy định chuyên ngành riêng biệt.

## **2.6. Thuế gián thu và thuế trực thu**

Theo cách phân loại của Ấn Độ, có 2 loại thuế : Thuế gián thu và thuế trực thu.

### *Thuế gián thu :*

- Thuế nhập khẩu tối đa với hàng phi nông trại giảm 5% còn 20%.
- Thuế nhập khẩu đối với các hàng hóa nhập khẩu theo các Dự án đầu tư tối thiểu 5 Crores Rupees, nhập khẩu nhà máy thiết bị giảm từ 25% xuống 10%.
- 4% Thuế Phụ thu Hải quan (SAD) bãi bỏ.
- Thuế vận chuyển hàng không trong nước 15% bãi bỏ. Thuế du lịch nước ngoài Rupees 500/người bãi bỏ. Thuế nhiên liệu động cơ máy bay giảm từ 16% xuống 8%.
- Thuế nhập khẩu điện thoại di động giảm một nửa còn 8%. Thuế nhập khẩu máy vi tính giảm từ 16% xuống 8%.
- Thuế nhập khẩu than giảm 10% xuống còn 15%.
- Thuế nhập khẩu thiết bị điện (Các đề án truyền tải và phân phối điện ) giảm 15% còn 10%. Thuế xuất khẩu các thiết bị đo điện giảm từ 25% xuống 15%.
- Thuế nhập khẩu theo Hiệp định công nghệ thông tin được giảm theo cam kết của Chính phủ Ấn Độ.
- Thuế nhập khẩu cho nguyên liệu đặc biệt / đầu vào cho sản xuất linh kiện điện tử hoặc cáp / sợi quang học giảm từ 15%-5% xuống 5%-0%. Thuế nhập khẩu thiết bị cơ sở hạ tầng cho basic / cellular / internet, V-SAT... được giảm thuế như thuế hải quan cơ bản.
- Quy định về hành lý được thông thoáng. Thuế về 17 mặt hàng khi di chuyển ở giảm từ 30% xuống 15%. Số lượng rượu có cồn (alcoholic/wine) được mang dưới dạng hành lý miễn thuế tăng từ 1 lít lên 2 lít.

### *Thuế trực thu :*

- Không hoàn thuế thu nhập cho người có thu nhập lương đến 1,5 Lakh Rupees.
- Yêu cầu có giấy chứng nhận về lương khi hoàn thuế.
- Người hưởng lương hưu và hưởng trợ cấp được miễn thuế theo chương trình 1/6.
- Các Dự án cơ sở hạ tầng được miễn thuế theo Chương trình 10(23G).
- Chứng chỉ riêng biệt cho Chương trình miễn thuế TDS (No Tax Deduction at Source).
- Đối với các Chương trình định giá riêng biệt, suất lợi tức cho vay mua nhà giảm cùng với suất lợi tức chung của thị trường.
- Mạng máy tính được mở rộng để quản lý 501 Văn phòng thuế thu nhập vào tháng 6/2004.
- Được phép hoàn thuế qua mạng internet dưới hình thức chữ ký điện tử đối với những người hưởng lương tới mức chịu thuế thu nhập, các bộ phận chuyên môn như bác sỹ và kế toán.

Đây là Chương trình lớn của Chính phủ, tiếp tục các cải cách về Chính sách Thương mại, Xuất Nhập khẩu và Thuế. Phấn đấu giảm thuế bằng mức của các nước thuộc Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong vòng 3-5 năm tới.

Trong năm tài khóa 2004-2005, giảm từ 30% xuống 25% và tiếp tục giảm 5% nữa vào năm sau. Việc cắt giảm thuế là một bộ phận không tách rời của cải cách kinh tế của đất nước. Khoản thu ngân sách có thể giảm 5% do giảm thuế so với con số dự kiến là 2.100 Crores Rupees. Mức cao nhất và mức trung bình giảm từ khoảng 150% năm 1991 xuống 25% năm 2003. Tuy nhiên, việc thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, hội nhập, tăng tính cạnh tranh của nền kinh tế và hàng hoá Ấn Độ sẽ là những thành công. Khoản thiếu hụt này chỉ là tạm thời.

Dư luận Báo chí, các Doanh nghiệp, các Phòng Thương mại và Công nghiệp, các Hiệp hội ngành hàng, cộng đồng doanh nghiệp... đều hoan nghênh Chương trình Chính sách Xuất Nhập khẩu và Thuế mới của Chính phủ. Ý kiến tương đối thống nhất, kể cả các Đảng đối lập với Liên minh các Đảng cầm quyền cho rằng như vậy là phù hợp với xu hướng toàn cầu hoá, tăng tính cạnh tranh của nền kinh tế, mang lại thêm lợi ích cho cả các tập đoàn, công ty và người tiêu dùng, trong đó có khá đông người nghèo ở nhiều vùng của đất nước.

### **3. Tình hình kinh tế Ấn Độ năm 2008-2009 và 2009-2010**

#### **3.1. Tình hình kinh tế năm 2008-2009**

Năm 2008-2009, GDP tăng 6,7%. Nông nghiệp tăng 1,6%, công nghiệp 3,9% và dịch vụ 9,7%.

Năm 2008-2009, tình hình thế giới có nhiều biến động theo chiều hướng bất lợi cho nền kinh tế : khủng hoảng tài chính toàn cầu, giá nhiên liệu (đặc biệt là dầu mỏ) và nguyên vật liệu tăng, đồng Rupee tăng giá so với đồng Đô la Mỹ, kinh tế và thương mại thế giới vẫn tăng trưởng nhưng có xu hướng chậm lại, ở trong nước, giá cả lên xuống thất thường. Hạn hán, lũ lụt xảy ra tại nhiều vùng của đất nước. Lạm phát ở mức 0,56% vào ngày 18/4/2009, mức rất thấp trong vòng nhiều năm qua.

Nông nghiệp năm 2008-2009 chỉ tăng 1,6% so với 4,6% năm 2007-2008. Tổng sản lượng lương thực ước tính đạt 229,85 triệu tấn so với 230,78 triệu tấn năm 2007-2008. Sản lượng gạo có thể đạt 99,37 triệu tấn, lúa mì là 77,63 triệu tấn. Dự trữ gạo và lúa mì tính đến cuối tháng 3 năm 2009 là 35 triệu tấn.

Tăng trưởng nông nghiệp trong năm 2008-2009 chủ yếu là nhờ kết quả tăng trưởng cao của tài khóa trước và chịu tác động mạnh bởi sản lượng một số loại cây trồng phi lương thực như dầu thực vật, bông, đường và đay giảm sút. Mặt khác, sản lượng lúa mì cũng giảm so với tài khóa 2007-2008.

Tốc độ tăng trưởng công nghiệp còn 2,4%. Ngành chế tạo, điện, xây dựng giảm còn 2,3%, 3,4% và 7,2% so với 8,2%, 5,3% và 10,1% tương ứng của tài khóa 2007-2008. Hoạt động của 6 lĩnh vực công nghiệp chính (6 core industries) là dầu thô, lọc hóa dầu, than, điện, xi măng và thép tăng 2,7% so với 5,9% tài khóa 2007-2008.

Giảm sút của ngành xi măng và thép do tình trạng giảm sút của lĩnh vực xây dựng và chế tạo. Giảm sút mạnh của ngành chế tạo do tác động tổng hợp của nhiều yếu tố: tăng chi phí đầu vào, tình trạng giảm sút xuất khẩu, giảm sút nhu cầu nội địa, nhất là trong nửa sau tài khóa 2008-2009.

Tác động của khủng hoảng tài chính thế giới đối với khu vực dịch vụ của Ấn Độ tương đối ít hơn. Tăng trưởng xuất khẩu khu vực dịch vụ (từ tháng 4 đến tháng 12/2008) đạt mức khiêm tốn 16,3%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 168,704 tỷ USD năm 2008-2009 so với 162,894 tỷ USD năm 2007-2008 và thấp hơn nhiều so với mục tiêu 200 tỷ USD. Tổng kim ngạch nhập khẩu là 287,7 tỷ USD so với mức 251,562 tỷ USD năm 2007-2008.

Cán cân thanh toán vẫn ổn định mặt dù có những dấu hiệu khó khăn trong tài khoản vốn và tài khoản vãng lai. Cán bằng tài khoản vốn giảm mạnh còn 16,09 tỷ USD (chiếm 1,8% GDP) so với 82,68 tỷ USD (chiếm 9,8% GDP) tài khóa trước. Dự trữ ngoại tệ là 252 tỷ USD tính đến cuối tháng 3/2009.

Trong năm 2008-2009, giá trị đồng Rupee so với đồng USD giảm

40,36 Rs/USD tháng 3/2008 còn 51,23 Rs/USD tháng 3/2009, với tỷ lệ mất giá là 21,2%. Mức tỷ giá trung bình tài khóa 2008-2009 là 45,99 Rs / USD so với 40,26 Rs / USD năm trước.

Thu nhập bình quân đầu người tăng 4,6% và tiêu dùng bình quân đầu người tăng 1,4% nhưng các tỷ lệ tăng trưởng này giảm so với năm trước. Tỷ lệ tiêu dùng tư nhân trong GDP giảm mạnh còn 27% so với 53,8% năm 2007-2008 trong khi tỷ lệ tiêu dùng chính phủ trong GDP tăng mạnh tới 32,5% so với 8% tài khóa trước. Tỷ lệ thâm hụt ngân sách / GDP là 6,2%. Tăng trưởng tín dụng giảm còn 17,3% so với 22,3% năm trước.

Khách du lịch đến Ấn Độ (từ 1-12/2008) là 6,367 triệu lượt người, tăng 5,6% so với 5,082 triệu lượt cùng kỳ năm trước. Giá trị thu nhập từ du lịch là 11,747 tỷ USD tăng 9,5% so với 10,729 tỷ USD cùng kỳ năm trước.

Chỉ số WPI ở mức 0,8% cuối tháng 3/2009. WPI trung bình tài khóa 2008-2009 là 8,4% so với 4,75 tài khóa trước. WPI (Food Index) là 6,8%. Mức CPI - RL (CPI for Rural Labourers) trung bình là 10,2% và mức CPI - IW (CPI for Industrial Workers) trung bình là 9,1%.

Tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới đối với kinh tế Ấn Độ thể hiện rõ trong các khu vực công nghiệp, thương mại và cũng bắt đầu ảnh hưởng tới khu vực dịch vụ. Một số ngành, đặc biệt là các ngành công nghiệp phục vụ xuất khẩu chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới trong nửa cuối năm tài chính.

Tính đến tháng 9/2008, tăng trưởng xuất khẩu vẫn khả quan. Nhưng từ tháng 10/2008, tăng trưởng xuất khẩu có dấu hiệu giảm mạnh và giảm liên tục cho đến hết năm. Tình trạng giảm sút xuất khẩu liên tục chủ yếu do tình trạng suy giảm tại thị trường các nước phát triển. Năm 2008-2009, tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 3,4% (tính theo USD) và 16,9% (tính theo Rupee) so với 28,9% và 14,7% tương ứng năm 2007-2008.

Từ tháng 4/2008 đến tháng 2/2009, động lực chủ yếu của tăng trưởng xuất khẩu là các ngành cơ khí, hóa chất. Các ngành dầu mỏ và dệt may cũng tăng nhưng với tốc độ chậm hơn. Tuy nhiên, hàng thủ công, mỹ nghệ và kim hoàn giảm.

Xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Mỹ giảm 1,6%, sang các nước Nam Á giảm 5,2% từ tháng 4/2008 đến tháng 2/2009. Tuy nhiên, xuất khẩu sang các nước Châu Á khác (kể cả ASEAN) tăng 6,9% và sang Châu Âu tăng 10,2%.

Trong khi xuất khẩu tăng 34% trong 6 tháng đầu năm 2008-2009, tình hình suy giảm kinh tế của các nền kinh tế lớn trên thế giới đã tác động tới xuất khẩu, khiến cho tăng trưởng xuất khẩu cả năm giảm mạnh.

Xuất khẩu của Khu vực Kinh tế Đặc biệt (SEZs) tăng 33%.

Nhập khẩu hàng hóa giảm từ tháng 10/2008 và giảm liên tục từ tháng 1 đến tháng 3/2009. Kim ngạch nhập khẩu giảm 14,4% (tính theo USD) và 29% (tính theo Rupee).

Tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới tương đối ít đối với hoạt động xuất khẩu dịch vụ của Ấn Độ cho đến tháng 12/2008. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng xuất khẩu dịch vụ đạt mức khiêm tốn là 16,3% từ tháng 4/2008 đến tháng 12/2008. Tăng trưởng dịch vụ bảo hiểm và dịch vụ du lịch bị tác động mạnh. Tăng trưởng dịch vụ phần mềm là 26% trong khi dịch vụ tài chính tăng mạnh tới 45,75 mặc dù tình hình khủng hoảng tài chính vẫn tiếp diễn và tình trạng suy giảm xuất khẩu dịch vụ tài chính thế giới. Tăng trưởng dịch vụ kinh doanh thấp, chỉ đạt 3,9%.

Tổng xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 12,8% trong khi tổng nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 17,9%.

Thâm hụt thương mại tăng lên 119,1 tỷ USD so với 88,5 tỷ USD năm trước. Chênh lệch tăng trưởng kim ngạch ngoại thương lớn giữa giá trị USD và Rupee là

do việc đồng Rupee bị mất giá so với đồng USD trong năm 2008-2009. Chính phủ Ấn Độ đã gia tăng các biện pháp chống bán phá giá và tự vệ thương mại nhằm đối với các hàng hóa nhập khẩu vào Ấn độ từ nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Thu hút FDI năm 2008-2009 là 27,31 tỷ USD tăng 11% so với 24,58 tỷ USD năm trước. Chính phủ đã thực hiện chính sách thu hút đầu tư, tăng tỷ lệ vốn đầu tư 100% cho nhiều lĩnh vực trong đó có cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và phát triển (R&D).

### **3.2. Triển vọng kinh tế năm 2009-2010 :**

Kinh tế Ấn Độ tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức, từ cải thiện cơ sở hạ tầng tới tăng năng suất nông nghiệp và công nghiệp. Tuy nhiên, cơ sở của kinh tế Ấn Độ vẫn tương đối mạnh : hệ thống ngân hàng vẫn ổn định, dự trữ ngoại tệ khá lớn và nợ nước ngoài vẫn trong tầm kiểm soát.

Chính phủ mới tiếp tục do Liên minh UPA lãnh đạo sẽ có những điều kiện thuận lợi trong thực hiện các chương trình kinh tế, trong đó tập trung vào phát triển nông nghiệp, khắc phục những tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đối với tăng trưởng kinh tế.

Do mùa mưa diễn ra bất lợi và dưới mức bình thường, dự báo tăng trưởng nông nghiệp của Ấn Độ có thể chỉ đạt dưới 2%. Nếu nông nghiệp tăng trưởng dưới 2% thì GDP có thể tăng trưởng không quá 5,5% năm 2009-2010.

Nhu cầu nông nghiệp và nông thôn vẫn tiếp tục mạnh và triển vọng sản xuất nông nghiệp khả quan.

Xuất khẩu của Ấn Độ tiếp tục xu hướng giảm.

Một số ngành công nghiệp như sắt thép và xi măng có dấu hiệu phục hồi.

Đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng được chú trọng hơn nhằm kích thích kinh tế đối phó với tác động của khủng hoảng tài chính thế giới.

Theo Thủ tướng Manmohan Singh, kinh tế Ấn Độ sẽ có thể tăng trưởng 9% trong những năm tới. Kế hoạch xuất khẩu 2009-2010 là 175 tỷ USD, tăng 3,73% so với mức thực hiện năm 2008-2009.

Ấn Độ tiếp tục cải cách kinh tế và áp dụng “ Chính sách Hướng Đông”, tăng cường mở cửa với các nước và trong khu vực nhằm thu hút khách du lịch, FDI, nguồn vốn ODA và vay nợ từ nước ngoài để đầu tư cho cơ sở hạ tầng.

Theo số liệu của bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, xuất khẩu trong 7 tháng 4-10/2009 đạt 90,048 tỷ USD, tăng -26% so với mức 123,038 tỷ USD cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu đạt 148,367 tỷ USD, tăng -29,6% so với mức 210,864 tỷ USD cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu tháng 10/2009 đạt 13,193 tỷ USD, tăng -6,6% so với mức 14,131 tỷ USD của tháng 10/2008. Nhập khẩu tháng 10/2009 đạt 21,994 tỷ USD, tăng -15% so với tháng 10/2008.

Lạm phát (WPI) ở mức 4,8% vào tháng 11/2009. Dự trữ ngoại tệ đạt 285,7 tỷ USD vào ngày 11/12/2009.

Ngày 29/11/2009, Chủ tịch Hội đồng Cố vấn Kinh tế của Thủ tướng, Ông C. Rangarajan, cho biết kinh tế Ấn Độ năm 2009-2010 sẽ tăng trưởng mức 7-7,5%. Trong đó, nông nghiệp sẽ tăng -1 hoặc -2%, công nghiệp và dịch vụ tăng 8,6% và 8,7% tương ứng.

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), kinh tế Ấn Độ sẽ tăng 7% vào năm 2010 và 7,5% vào năm 2010.

#### **4. Đầu tư nước ngoài tại Ấn Độ**

Chính phủ Ấn Độ rất coi trọng Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài (FDI), nhất là trong các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, công nghiệp chế tạo, dịch vụ và bán lẻ. FDI góp phần đáng kể cho tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, giải quyết công ăn việc làm, chuyển giao công nghệ.

## 10 nước dẫn đầu về FDI tại Ấn Độ

Đơn vị : Triệu USD

TT	Nước	2006-07	2007-08	2008-09	2009-10 (Đến tháng 5/2009)	Tổng số từ 4/2000 đến 5/2009	Tỷ lệ %
01	Mauritius	6.363	11.096	11.208	2.515	33.379	35,41
02	Singapore	578	3.073	3.454	260	8.071	8,56
03	Mỹ	856	1.089	1.802	173	6.508	6,90
04	V.Q.Anh	1.878	1.176	864	62	5.289	5,61
05	Hà Lan	644	695	883	110	3.701	3,93
06	Nhật Bản	85	815	405	303	2.834	3,01
07	Síp	58	834	1.287	307	2.579	2,74
08	Đức	120	514	629	205	2.378	2,52
09	Pháp	117	145	467	6	1.233	1,31
10	U.A.E.	260	258	257	75	995	1,06
	FDI toàn Ấn Độ	15.726	24.579	27.309	4.434	94.274	100,00

Nguồn : Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ

Để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, Chính phủ đã chấp nhận tỷ lệ đầu tư nước ngoài vào Dịch vụ vận tải hàng không nội địa là 49% và lên tới 100% cho các Kiều Ấn ở nước ngoài. Đối với lĩnh vực ngân hàng, FDI có thể chiếm tỷ lệ tới 74% trong các ngân hàng tư nhân. Mức đầu tư tối đa trong lĩnh vực viễn thông được phép từ 49% đến 74%. Các Công ty nước ngoài có thể thành lập Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài cho ngành nghề in tạp chí khoa học kỹ thuật, xuất bản phẩm định kỳ và báo chí, marketing các sản phẩm dầu lửa, thăm dò dầu ở quy mô vừa và nhỏ, đường ống dẫn dầu và ga.

### FDI theo lĩnh vực đầu tư tại Ấn Độ

(Từ tháng 4/2000 đến tháng 05/2009)

Đơn vị : Triệu USD

TT	Nước	2006-07	2007-08	2008-09	2009-10 (Đến tháng 5/2009)	Tổng số từ 4/2000 đến 5/2009	Tỷ lệ %
01	Dịch vụ	4.664	6.615	6.116	1.073	20.322	21.56
02	Máy Tính (phần mềm & phần cứng)	2.614	1.410	1.677	149	9.103	9.66
03	Viễn thông	478	1.261	1.261	612	6.989	7.41
04	Nhà và BĐS	467	2.179	2.801	566	6.078	6.45
05	Xây dựng CSHT	985	1.734	2.028	551	5.742	6.09
06	CN ô tô	276	675	1.152	101	3.489	3.70
07	Điện	157	967	985	159	3.349	3,55
08	Luyện kim	173	1.177	961	23	2.746	2,91
09	Dầu Khí	89	1.427	412	174	2.567	2,72
10	Hoá chất	205	229	749	50	2.184	2,32
		15.726	24.579	27.309	1.434	94.274	100,00

Nguồn : Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ

Theo Báo cáo về Đầu tư trên thế giới của Hội nghị Liên hiệp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), trong năm 2007, dòng vốn FDI trên thế giới đạt mức rất cao là 1,8 ngàn tỷ USD. Năm 2008 giảm xuống còn 1,6 ngàn tỷ USD. Tuy nhiên, FDI vào Ấn Độ lại có xu hướng tăng. Năm 2004-2005, trị giá đầu tư nước ngoài vào Ấn Độ là 3,75 tỷ USD. Năm 2008-2009, đạt 27,3 tỷ USD.

Đầu tư nước ngoài vào Ấn Độ trong Quý đầu của năm tài chính 2009-2010 (từ tháng 3-tháng 5/2009) đạt 4,43 tỷ USD.

Tổng vốn FDI vào Ấn Độ từ tháng 4/2000 đến tháng 5/2009 đạt 94,27 tỷ USD.

Dự kiến đầu tư nước ngoài vào Ấn Độ năm 2009-2010 là 20 tỷ USD.

Báo cáo gần đây nhất của Tổ chức Tư vấn Toàn cầu AT Kearney xếp Ấn Độ là địa chỉ đầu tư hấp dẫn nhất về lĩnh vực sản xuất.

## **5. Du lịch**

Du lịch được nhìn nhận là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần đáng kể vào sự tăng trưởng kinh tế và sự thịnh vượng của đất nước.

Ấn Độ là một đất nước rất giàu có về cảnh quan thiên nhiên, các công trình văn hóa, kiến trúc cổ, lãng tâm, đền thờ. Từ đó, tạo được những sản phẩm du lịch hết sức đa dạng, thu hút khách du lịch cả trong và ngoài nước.

Đến tháng 9/2009, Tổ chức Văn hóa Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận ấn độ có 27 di sản thế giới. Đây là những công trình, điều kiện cơ sở rất tốt để Ấn Độ thúc đẩy ngành công nghiệp du lịch.

Vào đầu những năm 1980, du lịch chưa có vị trí xứng đáng như hiện nay. Chỉ khi ngành này có được vị trí trong Kế hoạch 5 năm của đất nước thì tạo ra những động lực và yêu cầu của sự phát triển. Năm 1982, Chính sách Quốc gia về Du lịch ra đời. Năm 1992, có Chương trình Hành động Quốc gia về Du lịch.

Trong những năm gần đây, mức tăng trung bình khách du lịch quốc tế vào Ấn Độ là 16%/năm. Năm 2004, lượng khách du lịch nước ngoài vào Ấn Độ là 3,37 triệu lượt khách, tăng 28,36% so với 2,8 triệu lượt khách năm 2003. Năm 2008 đạt 5,367 triệu lượt khách, tăng 10,6% so với năm 2007.

Đặc biệt, khách du lịch nội địa là rất lớn và tăng trưởng liên tục. Năm 2001 là 236 triệu lượt người; năm 2002 là 270 triệu lượt người; năm 2003 là 309 triệu lượt người và năm 2004 lên 351 triệu lượt người với tỷ lệ tăng trên 12%.

Ngành du lịch Ấn Độ được xếp thứ 2 trong các ngành công nghiệp

với trên 25 triệu việc làm trực tiếp và đóng góp khoảng 3-4% cho GDP. Du lịch đã trở thành truyền thống và văn hóa của người dân Ấn Độ. Quy mô của ngành này được phát triển và tăng cường đồng thời với việc đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng, thương mại và đầu tư.

***Lượng khách Du lịch Quốc tế đến Ấn Độ và thu nhập của ngành Du lịch***

<b>Năm</b>	<b>Khách du lịch quốc tế (Triệu người)</b>	<b>Thu nhập từ Du lịch (tỷ USD)</b>
2005	3,919	5,731
2006	4,447	8,634
2007	5,082	10,729
2008	5,367	11,747
2009 (Từ tháng 1 đến tháng 10/2009)	4,023	8,699

*Nguồn* : Bộ Du lịch Ấn Độ

## **Chương III : THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU**

### **1. Hệ thống Thương mại nội địa**

Tiến trình cải cách nền Kinh tế và Thương mại của Ấn Độ tiếp tục được tiến hành trên cơ sở những thành quả đã đạt được từ những năm 1990 của thế kỷ trước.

Từ nhiều năm trước đây, Ấn Độ theo đuổi chính sách sản xuất trong nước thay thế hàng nhập khẩu, nhưng vận hành theo cơ chế thị trường. Do đó, hệ thống phân phối hàng hóa trong cả nước tương đối phát triển, nhất là sau thời kỳ tiến hành cải cách kinh tế vào năm 1991.

Trong những năm gần đây, Chính phủ ( cả Chính phủ Trung ương và Chính phủ các Bang ) khuyến khích sản xuất và lưu thông hàng hoá trong phạm vi cả nước, không phân biệt các Bang và các vùng lãnh thổ riêng rẽ.

Hệ thống bán buôn, bán lẻ hàng hóa được hình thành tương đối đồng bộ. Tuy nhiên ở các vùng sâu, vùng xa ( Ấn Độ gọi là các vùng xa nông thôn ) , sản xuất kém phát triển, số lượng người mù chữ và người nghèo rất đông. Khoảng 1/3 dân số toàn Ấn Độ mù chữ, khoảng 1/3 dân số sống với mức thu nhập dưới 1 USD/ngày, ở những khu vực này, hệ thống phân phối, bán buôn, bán lẻ rất kém phát triển.

Trong phạm vi toàn Ấn Độ, hệ thống bán lẻ chủ yếu dựa vào các tiểu thương ở các chợ, các khu dân cư và các nơi công cộng. Những người bán hàng tại các chợ tuyệt đại đa số là nam giới.

Tại các thành phố, kể cả các thành phố lớn, hệ thống siêu thị chưa thật sự phát triển. Chủ yếu là thông qua các chợ và khu chợ, nhưng với cơ sở vật chất được đầu tư không nhiều nên khá luộm thuộm.

Với các chợ lớn, chợ đầu mối, cơ chế hoạt động chủ yếu là qua hệ thống đại lý. Người sản xuất hoặc đầu mối lưu thông giao hàng trước, sau đó thanh toán luân phiên, giao hàng đợt mới, thanh toán tiền hàng của đợt cũ.

### ***1.1. Công tác quản lý giá cả hàng hóa trên thị trường nội địa***

Chính phủ Trung ương quy định các nhà sản xuất hàng hóa phải ghi giá bán lẻ tối đa của sản phẩm trên bao bì trong phạm vi cả nước. Giá bán lẻ tại các khu vực trong nước do người bán lẻ cuối cùng xác định, nhưng không được phép vượt quá mức giá ghi trên bao bì. Quy định này vừa tiện lợi nhưng cũng không tiện lợi cho cả người sản xuất và người mua hàng.

Ấn Độ áp dụng cách làm này theo cách quản lý của Liên Xô cũ. Đến nay vẫn không thay đổi. Điều này hạn chế sự năng động của các nhà phân phối và làm cho người tiêu dùng cuối cùng ít bỏ thời gian và công sức để tìm hiểu thị trường. Đồng thời làm giảm tính năng động của cả người sản xuất và người làm công tác lưu thông hàng hoá.

Chính phủ Trung ương quản lý và quyết định giá xăng dầu, giá ga. Giá điện và giá nước sinh hoạt được quyết định có thể bởi Chính phủ Trung ương hoặc Chính phủ của Bang. Trong các năm, Chính phủ Ấn Độ đã nhiều lần điều chỉnh giá xăng dầu, giá ga trên cơ sở giảm hoặc tăng thuế nhập khẩu.

Hàng dự trữ quốc gia do Chính phủ Trung ương quyết định về số lượng và giá cả và chỉ định các tập đoàn, công ty thực hiện nhiệm vụ này. Cũng có thể uỷ quyền cho Chính phủ các Bang tự quyết định thực hiện theo khối lượng mà Chính phủ Trung ương yêu cầu.

### ***1.2. Liên kết giữa sản xuất và lưu thông***

Các nhà sản xuất trong nước và các nhà nhập khẩu thường sử dụng người đại diện làm trung gian để tiến hành việc bán hàng hóa ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vào thị trường trong nước. Thỏa thuận giữa những người này có thể trên cơ sở như đại lý hưởng hoa hồng theo tỷ lệ phần trăm hoặc theo theo số tuyệt đối nhất định. Tuy nhiên, do những quy định ràng buộc về giá cả như đã nói ở trên, việc khuyến khích bán hàng thiếu động lực.

Việc sử dụng người đại diện để xuất khẩu hoặc nhập khẩu tại Ấn Độ không phát triển và quy củ nề nếp như ở Đài loan, Nam Triều tiên, Thái lan...

### ***1.3. Chính sách, biện pháp bảo vệ quyền lợi khách hàng***

Do quy định trên phạm vi toàn quốc việc ghi giá bán lẻ tối đa trên bao bì hàng hóa, quyền lợi của người tiêu dùng được bảo đảm hơn. Chính phủ từng Bang có các đội kiểm tra, quản lý thị trường, kiểm tra các cơ sở bán hàng tại các chợ và cả các vùng nông thôn.

Đồng thời, việc kiểm tra chống hàng nhái, hàng giả được tiến hành thường xuyên. Tại Ấn Độ, pháp luật và các quy định được tuân thủ khá nghiêm ngặt. Tuy nhiên cũng có nhiều hiện tượng tiêu cực như hối lộ, trốn thuế.

#### **1.4. Chính sách phát triển quan hệ biên mậu**

Ấn Độ là nước có diện tích rất lớn ( 3,3 triệu KM<sup>2</sup> ) và gần 1,2 tỷ người. Có đường biên giới chung với nhiều nước láng giềng : Trung Quốc, Myanmar, Pakistan, Nepal. Chính phủ Trung ương quy định mức thuế hải quan chung cho hàng nhập khẩu trong toàn quốc. Nhưng cũng uỷ quyền cho các Bang tự quyết định một số mức thuế trong buôn bán biên mậu với các nước láng giềng nhằm tạo điều kiện giao lưu hàng hoá ở các vùng biên giới. Tuy nhiên, nạn buôn lậu vẫn xảy ra tuy ở mức độ không gay gắt. Hàng Trung Quốc giá rẻ và chất lượng không cao có mặt tại nhiều vùng của Ấn Độ, kể cả các thành phố lớn như Delhi, Mumbai, Kolkata thông qua mậu dịch biên mậu và kể cả buôn lậu trốn thuế. Nhìn chung, quan hệ biên mậu giữa Ấn Độ và các nước láng giềng kém phát triển.

Bình quân hàng năm từ 2000-2008, lĩnh vực bán lẻ tăng 10%. Nhìn chung, lĩnh vực bán lẻ của nước này chưa được tổ chức tốt. Theo số liệu của Bộ Thương mại

và Công nghiệp Ấn Độ, chỉ có 2% lĩnh vực bán lẻ của nước này được tổ chức tốt, trong khi con số này tại Trung Quốc, Mỹ và Anh là 20%, 80% và 70% tương ứng. Đóng góp của lĩnh vực bán lẻ trong tổng số lao động là 7% so với 6%, 11,7% và 11% so với Trung Quốc, Mỹ và Anh.

Năm 2008, Ấn Độ được đánh giá là thị trường có Chỉ số Phát triển Bán lẻ Toàn cầu (GRDI) cao nhất thế giới, mang lại cơ hội đầu tư quốc tế hấp dẫn nhất cho các đại thương gia và các tập đoàn bán lẻ thực phẩm muốn mở rộng ra nước ngoài như Wal-Mart, Benetton và Tesco. Ấn Độ từ vị trí số 2 tiến lên vị trí số 1 về chỉ số GRDI, thay thế Nga, nước chiếm giữ vị trí quán quân từ năm 2003.

Theo nhận định của các chuyên gia, Ấn Độ đạt được những bước tiến là nhờ môi trường đầu tư được cải thiện rõ rệt do sự nới lỏng giới hạn sở hữu trực tiếp đối với các nhà bán lẻ nước ngoài.

Thị trường bán lẻ của Ấn Độ đạt 330 tỷ USD với mức tăng trưởng bình quân 10% trong 5 năm qua. Tuy nhiên, hệ thống bán lẻ chưa cung cấp đủ nhu cầu mua sắm của người nước này. Ấn Độ cũng là một trong những thị trường bán lẻ rời rạc nhất trên thế giới. Thị phần tổng cộng của 5 tập đoàn bán lẻ hàng đầu chưa đạt 2% thị phần Ấn Độ.

Theo dự đoán của Công ty tư vấn Quản lý AT Kearney, những tập đoàn bán lẻ toàn cầu như Wal-Mart, Carrefour, Tesco và Casino sẽ nhanh chóng tận dụng những quy định thuận lợi hơn về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và xâm nhập Ấn Độ thông qua đối tác là các nhà bán lẻ Ấn Độ.

Các tập đoàn bán lẻ khác như Marks & Spencer và Benetton hiện đang hoạt động thông qua hình thức chuyển nhượng quyền thương hiệu sẽ rất có thể chuyển sang cơ cấu đồng sở hữu. Trước sự chuyển nhượng của các tập đoàn bán lẻ toàn cầu, các nhà bán lẻ hàng đầu Ấn Độ như Pantaloon, Westside và Big Bazar sẽ tăng quy mô, cải tiến hậu cần và công nghệ hỗ trợ.

AT Kearney nhận định phần lớn tăng trưởng bán lẻ ở Ấn Độ là ở ngành thực phẩm và dệt may. Dân số Ấn Độ sử dụng 45% tiền mua thực phẩm và tạp phẩm. Ngành dệt may của nước này cũng sẽ có bước phát triển mạnh trong tương lai, dự tính tăng hàng năm 4-5% về lượng và 13% về chất.

Tuy nhiên, thuế cao, cơ sở hạ tầng kém, rào cản quan liêu và giá bất động sản cao ở nước này sẽ là những thách thức mà các tập đoàn bán lẻ nước ngoài và bản địa phải khắc phục. Ngày 3/8/2005, Bộ trưởng Thương mại và Công nghiệp Kamal Nath phát biểu trước Thượng viện nước này : “ Theo chính sách hiện nay của Chính phủ, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) không được cấp phép trong thương mại bán lẻ dưới bất cứ hình thức nào, trong khi ngành hàng này được nhiều nước cấp phép có hoặc không có hạn chế ”.

Chính phủ đương nhiệm của Thủ tướng Mamohan Singh muốn mở cửa cho FDI vào lĩnh vực bán lẻ, nhưng phe đối lập và cánh tả phản đối quyết liệt.

Đứng trước tình thế này, các công ty nước ngoài tập trung vào lĩnh vực bán buôn, lĩnh vực mà Chính phủ Ấn Độ không hạn chế với mặt hàng kinh doanh bao gồm gốm sứ, hóa chất, đồ dùng nhà bếp, thiết bị.

Trong số các công ty nước ngoài đã được cấp phép đầu tư vào lĩnh vực bán buôn, phải kể đến White Horse Ceramic Industries (Malaysia), Assa Abloy (Thụy điển), Hexagon Metrology (Anh), Kohler Power Systems and Services (Mỹ) và EAC Industrial Ingredients (Singapore). Ngoài ra còn nhiều công ty nước ngoài khác cũng nhận được giấy phép tương tự trong 6 tháng đầu năm 2005.

## **2. Chính sách Ngoại thương 2009-2014**

### **2.1. Chính sách Ngoại thương 2004-2009**

Nhằm tăng cường xuất khẩu và đưa Ấn Độ trở thành một Trung tâm sản xuất hàng hoá và dịch vụ có chất lượng cao, ngày 28 tháng 1 năm 2004, Tổng vụ Ngoại thương (Directorate General of Foreign Trade-DGFT) thuộc Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ đã công bố một loạt các biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu, gọi tắt là Mini Exim Policy. Tất cả đều nhằm giảm chi phí sản xuất, đơn giản các thủ tục, huy động các nguồn lực, nhập khẩu phục vụ cho mục đích xuất khẩu, tăng sức cạnh tranh cho hàng xuất

khẩu của Ấn Độ trong khu vực và trên thế giới, với kỳ vọng sẽ góp phần đưa Ấn Độ trở thành nước phát triển vào năm 2020.

Ngày 31/8/2004, Bộ trưởng Thương mại và Công nghiệp Kamal Nath công bố Chính sách Ngoại Thương giai đoạn 2004-2009. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Ấn Độ, một chính sách toàn diện về ngoại thương được công bố.

*Mục tiêu của Chính sách :*

- Tăng gấp đôi thị phần của hàng hóa xuất khẩu của Ấn Độ trên thị trường thế giới, đạt mức 150 tỷ USD vào năm 2009.

- Ngoại thương sẽ đóng vai trò quan trọng và hiệu quả hơn trong việc phát triển nền kinh tế của đất nước, đặc biệt là đối với các vùng nông thôn và bán nông thôn.

Để tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu, trọng tâm của Chính phủ là năm ngành hàng : Nông nghiệp, Thủ công, Dệt may, Mỹ nghệ kim hoàn, Da và Giày dép.

***Tăng trưởng xuất khẩu và thị phần xuất khẩu của một số nước***

Nước	Tỷ lệ tăng trưởng (%)				Thị phần với tổng lượng hàng xuất khẩu của thế giới (%)			
	1995-2001	2002	2003	2004	2001	2002	2003	2004
Trung Quốc	12,4	22,4	34,5	35,5	4,3	5,1	5,9	6,2
Hongkong	3,6	5,4	11,9	16,5	3,1	3,1	3,0	2,9
Malaysia	6,6	6,0	6,5	26,9	1,4	1,5	1,3	1,4
Indonesia	5,7	3,0	5,1	-8,4	0,9	0,9	0,8	0,7
Singapore	4,1	2,8	15,2	25,3	2,0	1,9	1,9	2,0
Thái Lan	5,9	5,6	17,1	20,9	1,1	1,1	1,1	1,1
Ấn Độ	8,5	13,6	15,8	28,1	0,7	0,8	0,8	0,8
Hàn Quốc	7,4	8,0	19,3	29,3	2,5	2,5	2,7	2,7
Các nước đang phát triển	7,9	7,9	18,4	27,0	36,8	37,9	38,7	40,2
Thế giới	5,5	4,8	15,9	21,6	100,0	100,0	100,0	100,0

*Nguồn : IFS Statistics, IMF January-August 2004*

Tăng trưởng xuất khẩu năm 2005-2006 là 16% với mức 92 tỷ USD (năm 2003-2004 mức tăng là 13,5%). Mức tăng xuất khẩu cao nhất của Ấn Độ năm 2000-2001 là 18,8%. Để đạt được mục tiêu lớn của Chính sách Ngoại thương 2004-2009, mức tăng xuất khẩu của các năm còn lại phải là 20-21%.

Xuất khẩu của Trung Quốc đạt mức tăng 35% năm 2003, chiếm 5,9% xuất khẩu toàn thế giới, Hàn Quốc 2,6% , Singapore 2,6%, Malaysia 1,3% và Thái lan 1,1%.

Theo Bộ trưởng Thương mại và Công nghiệp Kamal Nath, mục tiêu

này là cao, nhưng hoàn toàn có tính khả thi dựa trên tiềm năng mọi mặt của đất nước cùng với hàng loạt các biện pháp mạnh và kiên quyết của Chính phủ : đặc biệt chú trọng để tạo tăng trưởng đột phá trong nông nghiệp; miễn thuế dịch vụ cho tất cả hàng xuất khẩu và dịch vụ; chú trọng hàng thủ công mỹ nghệ, dệt may, mỹ nghệ kim hoàn và da giày; đơn giản hóa tối đa thủ tục và lệ phí xuất nhập khẩu; nhập khẩu máy và thiết bị đã qua sử dụng không căn cứ vào năm sản xuất; thành lập các Khu Thương mại và Khu kho hàng tự do; tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài ; các công ty xuất khẩu được miễn bảo lãnh của ngân hàng khi đạt trị giá xuất khẩu tối thiểu 1,1 triệu USD (5 Crore Rupees); thành lập Hội đồng Thương mại (Board of Trade) để thúc đẩy các hoạt động xuất khẩu; phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ ở Trung ương và Chính phủ các Bang; tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng cho xuất khẩu, nâng năng lực thông qua của các cảng hiện nay là 600 triệu tấn lên 1.000 triệu tấn vào năm 2009; trợ giúp tài chính cho các trường hợp hàng xuất khẩu Ấn Độ phải đối mặt với các biện pháp chống bán phá giá của các nước nhập khẩu...

Ngày 8/4/2005, Bộ Thương mại Ấn Độ đã công bố bổ sung năm 2005-2006 của Chính sách Ngoại Thương 2004-2009.

Ngoài việc tiếp tục đề cập mục tiêu tăng gấp đôi thị phần xuất khẩu vào năm 2009, chính sách bổ sung năm 2005 còn nhấn mạnh nâng cao năng lực cạnh tranh của lĩnh vực sản xuất, yêu cầu và tạo điều kiện để các công ty của nước này nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu. Đồng thời, nâng cao chất lượng của ngành dịch vụ đạt chất lượng quốc tế và đề cập giải pháp cả gói cho các lĩnh vực như nông nghiệp, hải sản, các doanh nghiệp định hướng xuất khẩu và khu vực dịch vụ, đơn giản thủ tục cho cả xuất và nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ, thành lập Ủy ban Thương mại Liên các Bang (Inter State Trade Council ) nhằm giúp Chính phủ có các chính sách và biện pháp linh hoạt hơn để thúc đẩy xuất khẩu.

Năm tài khóa 2004-2005, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu là 185 tỷ USD. Năm 2005-2006 là 250 tỷ USD. Và mục tiêu của Chính phủ về tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2008-2009 là 500 tỷ USD.

Nhờ có chính sách ngoại thương do Chính phủ của Liên minh Tiến bộ Thống nhất đưa ra năm 2004 theo đó: (1) tăng gấp đôi tỷ trọng phần trăm của Ấn Độ trong buôn bán hàng hoá toàn cầu trong vòng 5 năm và (2) sử dụng nhân tố mở rộng buôn bán như là một công cụ có hiệu quả nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo công ăn việc làm, vì vậy trong 5 năm qua kim ngạch xuất khẩu của Ấn Độ đã tăng mạnh, lên tới 168 tỷ USD trong tài khoá 2008-2009 so với 63 tỷ USD tài khoá 2003-2006.

Năm 2003 Ấn Độ chiếm khoảng 0,83% tỷ trọng buôn bán hàng hoá toàn cầu. Theo số liệu của Tổ chức Thương mại Thế giới, con số này tăng lên tới 1,45% năm 2008. Cũng nhờ xuất khẩu nên trong 5 năm qua Ấn Độ đã trực tiếp và gián tiếp tạo được gần 14 triệu việc làm mới.

## **2.2. Chính sách Ngoại thương 2009-2014**

Năm 2009 được coi là một trong những năm mà kinh tế toàn cầu suy thoái trầm trọng nhất kể từ sau Thế chiến thứ II tới nay. Tất cả các nước trên thế giới đều bị ảnh hưởng bởi cuộc suy thoái kinh tế ở những cấp độ khác nhau và tất cả các chỉ số kinh tế chủ chốt về sản lượng công nghiệp, thương mại, luồng vốn đầu tư, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ đầu tư tính theo đầu người và mức tiêu thụ đều bị ảnh hưởng bởi tình trạng suy thoái này.

Tổ chức Thương mại Thế giới cho rằng khối lượng buôn bán hàng hoá toàn cầu sẽ giảm khoảng 9%, còn Quỹ Tiền tệ Thế giới dự đoán con số này có thể lên tới 11%. Ngân hàng Thế giới dự báo khoảng hơn 53 triệu người trên thế giới sẽ rơi vào cảnh đói nghèo thực sự trong năm nay và hơn một tỷ người sẽ bị đói triển miên.

Mặc dù Ấn Độ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng như một số nước trên thế giới, song xuất khẩu của nước này bị sa sút trong 12 tháng qua (đến tháng 10/2009) do nhu cầu tại các thị trường truyền thống đối với các mặt hàng xuất khẩu của Ấn Độ giảm sút. Các biện pháp bảo hộ mậu dịch mà một số nước đang áp dụng đã gây khó khăn nghiêm trọng lên hàng xuất khẩu của Ấn Độ.

Do vậy, việc đưa ra một chính sách ngoại thương (Foreign Trade Policy-FTP) trong bối cảnh này là thực sự là một động thái dễ gây nản lòng. Song theo Bộ trưởng Công Thương Ấn Độ Anand Sharma, thay vì khoanh tay ngồi yên chứng kiến tình trạng nhu cầu tại các nước phát triển giảm sút, Ấn Độ cần đề ra một loạt các biện pháp về chính sách và chiến lược nhằm thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu.

Mục tiêu ngắn hạn của chính sách ngoại thương mà Ấn Độ đưa ra là ngăn chặn và đảo ngược xu hướng sa sút về xuất khẩu và tăng cường hỗ trợ cho các lĩnh vực đặc biệt bị ảnh hưởng bởi tình trạng suy thoái kinh tế tại các nước phát triển.

Ấn Độ đề ra mục tiêu chính sách nhằm đạt được tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu hàng năm 15%, đạt giá trị 200 tỷ USD vào tháng 3/2011. Trong 3 năm cuối của chính sách ngoại thương này, tính đến năm 2014, Ấn Độ đạt mức tăng trưởng xuất khẩu 25%/năm. Cũng vào năm 2014, Ấn Độ phải tăng gấp đôi xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ. Trong khi đó, mục tiêu chính sách dài hạn của Chính phủ là tăng gấp đôi tỷ trọng xuất khẩu của Ấn Độ

trong buôn bán toàn cầu vào năm 2020.

Để đạt được những mục tiêu trên, Chính phủ cần phải tiến hành một loạt các biện pháp về chính sách bao gồm các chính sách về tài chính, thay đổi các thể chế, hợp lý hoá các vấn đề thủ tục, tăng cường khả năng tiếp cận với các thị trường trên thế giới và đa dạng hoá các thị trường xuất khẩu.

Điều quan trọng là cần tiến hành một sáng kiến đa dạng hoá thị trường xuất khẩu và bù đắp cho những bất lợi mà các công ty xuất khẩu Ấn Độ phải hứng chịu tại các thị trường đang nổi lên tại châu Phi, Mỹ Latinh, châu Đại Dương và Cộng đồng các Quốc gia Độc lập (CIS) như rủi ro về tín dụng, chi phí thương mại cao hơn thông qua các chính sách thích hợp. Theo khuôn khổ của Chương trình Thị trường Trọng điểm (FMS), Ấn Độ sẽ có thêm 26 thị trường mới, trong đó 16 thị trường mới tập trung tại Mỹ Latinh và 10 tại châu Á- Châu Đại Dương.

Để giành được những điều này, Ấn Độ cần phải dựa vào 3 nhân tố chủ chốt là cải thiện cơ sở hạ tầng liên quan tới xuất khẩu; hạ chi phí giao dịch và hoàn thuế hoàn toàn đối với tất cả các loại thuế và thuế gián thu. Chính phủ cũng cần phải nỗ lực lấy khoản thuế đánh vào hàng hoá và dịch vụ hoàn trả cho các loại thuế gián thu và khoản thu đối với hàng xuất khẩu.

Chính phủ Ấn Độ sẽ mở rộng chương trình mặt hàng trọng điểm theo thị trường (MLFPS) bao gồm các sản phẩm chủ chốt như dược phẩm, sợi tổng hợp, các sản phẩm cao su và sản phẩm chất dẻo có trị giá gia tăng, sản phẩm thuỷ tinh, các sản phẩm thép. Ấn Độ sẽ thu được nhiều lợi nhuận nếu các sản phẩm này được xuất khẩu sang 13 thị trường đã được xác định như Angiêri, Aicập, Kênia, Nigiêria, Nam Phi, Tandania, Braxin, Mêhicô, Ucraina, Việt Nam, Campuchia, Úc và New Zealand.

Bên cạnh đó Ấn Độ cũng phải thực thi Chương trình Sản phẩm Trọng điểm (FPS), theo đó các khuyến khích sẽ được tăng từ 1,25 % lên tới 2%. Còn theo khuôn

khô của chương trình thị trường trọng điểm (FMS), các khuyến khích sẽ được tăng từ 2,5% lên tới 3%. Ngoài ra, loại tờ khai đơn giản hoá nhằm thực thi FPS, FMS, MLFPS cũng được áp dụng.

Như là một phần trong chính sách mở rộng thị trường, Ấn Độ đã ký một hiệp định đối tác kinh tế toàn diện với Hàn Quốc theo đó sẽ tăng cường khả năng tiếp cận thị trường của các sản phẩm xuất khẩu của Ấn Độ. Nước này cũng đã ký một hiệp định buôn bán hàng hoá với Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), sẽ có hiệu lực từ 1/1/2010. Với hiệp định này, một số mặt hàng xuất khẩu của Ấn Độ sẽ có khả năng lớn hơn trong việc tiếp cận thị trường. Và điều quan trọng là các hiệp định trên đều phù hợp với

“Chính sách Hướng Đông ” của Ấn Độ. New Delhi cũng đã ký một Hiệp định thương mại ưu đãi với khối Mercosur. Những nỗ lực này cho phép làm sâu sắc hơn nữa khả năng hợp tác thương mại của Ấn Độ với các nhóm kinh tế chủ chốt khác trên thế giới.

Theo chính sách ngoại thương trên, trong kỷ nguyên cạnh tranh hiện nay, các nhà xuất khẩu của Ấn Độ cần nâng cấp công nghệ và giảm bớt giá thành các sản phẩm xuất khẩu của mình. Nhân tố quan trọng của chính sách này là giúp các nhà xuất khẩu nâng cấp công nghệ theo đó sẽ áp dụng Kế hoạch DPCG ở mức thuế 0%. Mức thuế này sẽ áp dụng đối với các sản phẩm điện và điện tử, các loại hoá chất cơ bản và dược phẩm, hàng dệt may, chất dẻo, đồ thủ công mỹ nghệ, các sản phẩm ứng dụng, da và các sản phẩm da. Kế hoạch này sẽ có hiệu lực tới 31/3/2011.

Để thực thi mục tiêu nâng cấp công nghệ, việc đầu tiên là Chính phủ Ấn Độ sẽ công nhận các nhà xuất khẩu dựa trên tình hình xuất khẩu của họ. Các nhà xuất khẩu này được gọi là các doanh nghiệp xuất khẩu đủ điều kiện (Status Holders).

Để nâng cấp công nghệ cho khu vực xuất khẩu, các doanh nghiệp xuất khẩu đủ điều kiện sẽ được phép nhập khẩu miễn thuế công cụ sản xuất (thông qua giấy chứng nhận hoàn thành quy định thuế xuất nhập khẩu ở mức tương đương với 1% giá FOB của các hàng xuất khẩu đã thực xuất ) trong một loạt nhóm sản phẩm đặc biệt. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp xuất khẩu trên nâng cấp công nghệ và giảm bớt chi phí sản xuất.

Vào thời điểm hiện nay, Chính phủ Ấn Độ cũng xác định phải tạo lòng tin cho các nhà xuất khẩu nhằm duy trì sự hiện diện của họ tại các thị trường. Muốn làm được như vậy, Ấn Độ cho rằng cần phải có một chính sách ổn định về môi trường đối với lĩnh vực ngoại thương theo đó Chương trình DEPB sẽ được kéo dài tới tận tháng 12/2010 trong khi ưu đãi về thuế thu nhập theo điều khoản 10 (A) đối với ngành công nghệ thông tin và điều khoản 10(B) áp dụng đối với các doanh nghiệp sản xuất 100% hàng xuất khẩu sẽ được kéo dài thêm một năm nữa, tới 31/3/2011. Phạm vi bảo hiểm mở rộng và phạm vi đối với các chủng loại hàng xuất khẩu thông qua Chương trình ECGC sẽ được kéo dài tới 31/3/2010. Chương trình hỗ trợ lãi suất được tiếp tục thực thi để phục vụ cho mục tiêu này.

Để đơn giản hoá các thủ tục, Ấn Độ sẽ tạo điều kiện miễn thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng của các nhà xuất khẩu theo đó số mặt hàng được miễn thuế sẽ tăng từ 15 lên tới 50. Việc thanh thuế toán hải quan đối với các mặt hàng trên sẽ dựa vào phần khai báo của các nhà nhập khẩu nhằm hạn chế giá trị và số lượng các mặt hàng. Và theo kế hoạch cấp phép trước, chi phí

giao dịch, chi phí vận chuyển các loại hàng hoá nhập khẩu trực tiếp từ cảng sẽ được cắt giảm.

Chính phủ cũng cho phép miễn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với 2 giai đoạn liên quan tới việc hoàn thuế. Ngoài ra để giảm bớt chi phí giao dịch và giải quyết các khó khăn về thể chế, dự án thương mại điện tử sẽ được thực thi nhằm đưa tất cả các cô đọng vào cùng một sân chơi chung.

Chính phủ sẽ không thu bất cứ khoản phí nào trong việc cấp các khoản khuyến khích theo các chương trình trong điều khoản 3 của FTP. Ngoài ra đối với các đơn cấp phép hoặc cho phép, khoản chi phí đối đa được thu sẽ giảm từ 150.000 Rupí xuống còn 100.000 Rupí (đối với đơn được nộp trực tiếp) và từ 75.000 Rupí xuống còn 50.000 Rupí đối với đơn nộp bằng EDI.

Song song với những nỗ lực trên, Chính phủ Ấn Độ cũng tìm cách tuyên truyền cho các thương hiệu hàng hoá của mình thông qua 6 chiến dịch quảng bá “Sản xuất tại Ấn Độ” (Made in India), được tổ chức hàng năm tại các quốc gia trên thế giới.

Cuối cùng là để duy trì sự ổn định và nhất quán chính sách ngoại thương, Chính phủ Ấn Độ cũng cho phép Chương trình cấp số được quyền thông quan liên quan tới thuế xuất nhập khẩu sẽ được kéo dài tới ngày 31/12/2010.

### ***Các mục tiêu của Chính sách Xuất Nhập khẩu mới***

- Thúc đẩy xuất khẩu để đạt thị phần của hàng hóa Ấn Độ ít nhất là 1% của thương mại hàng hóa toàn cầu.
- Tăng trưởng kinh tế bằng cách tạo điều kiện cho việc cung cấp hoặc nhập khẩu nguyên liệu chính, phụ, các linh kiện, hàng hoá tiêu dùng và hàng hóa nguyên mẫu để tăng cường cho sản xuất và dịch vụ.
- Thúc đẩy sức mạnh công nghệ và hiệu quả của nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Thông qua đó tăng sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ, tạo việc làm mới và cổ vũ, động viên việc phấn đấu đạt chất lượng quốc tế cho các loại hàng hóa và dịch vụ.
- Cung cấp cho người tiêu dùng hàng hoá và dịch vụ chất lượng tốt ở mức giá cả cạnh tranh quốc tế, đồng thời tạo sân chơi ở mức độ nhất định cho các nhà SX trong nước.

Để đạt được các mục đích trên, cần có sự phối hợp công việc của Chính phủ các Bang và Các Bộ của Chính Phủ, đặc biệt là Bộ Thương mại và Công nghiệp và Tổng vụ Ngoại Thương và hệ thống các Văn Phòng địa phương của

Tổng vụ, các Tập đoàn, các Công ty của Ấn Độ trong việc chia sẻ tầm nhìn, cam kết và cộng đồng trách nhiệm.

### ***Các Biện pháp của Chính sách Xuất Nhập khẩu***

#### **+ Các biện pháp tăng cường :**

- Tăng cường hạ tầng cơ sở có liên quan đến xuất khẩu. Thành lập Tài khoản Bảo hiểm Xuất khẩu Quốc gia.
- Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và phát triển, cho phép nhập khẩu nguyên mẫu không hạn chế cho những người tiêu dùng (đến năm 2004, mức nhập khẩu là 10 cho mỗi năm).
- Cho phép xuất khẩu dưới dạng quà tặng ra nước ngoài tối đa tăng từ 1 Lakh lên 5 Lakh Rupis mỗi năm ( 1 Lakh = 100.000 ).

#### **+ Khu vực dịch vụ :**

- Khách sạn thừa kế, khách sạn 1-2 sao và nhà hàng riêng biệt cũng được đưa vào diện nhập khẩu không thuế cho khu vực Du lịch.
- Căn cứ vào nhu cầu của công nghiệp dịch vụ, việc nhập khẩu các loại hàng hóa như là tài sản bao gồm thiết bị văn phòng và chuyên nghiệp được cho phép theo Kế Hoạch Quyền Miễn thuế (The Duty Free Entitlement Scheme-DFES). Tuy nhiên, điều này không áp dụng cho nhập khẩu nông sản, sữa và ô tô con (cars).
- Kế hoạch Chứng nhận Quyền Miễn Thuế (Duty Free Entitlement Certificate Scheme-DFEC) được thực hiện với các cơ sở đã hoạt động trong lĩnh vực được 3 năm trước đó.

#### **+ Kế hoạch miễn thuế :**

- Để giảm chi phí năng lượng cao của công nghiệp chế tạo, sẽ không tính thuế nhập khẩu nhiên liệu đối với các người sử dụng hiện hành thuộc Kế hoạch Chứng nhận Bổ sung Miễn thuế (Duty Free Replenishment Certificate Scheme-DFRC).
- Cấp phép trước cho việc cung cấp qua trung gian đã được DFRC cho phép.
- Danh mục nhập cảm thuộc DFRC được cắt giảm số lượng đồng thời với việc xem xét giảm thuế.
- Đối với các nhà nhập khẩu mà tổ chức của họ hoạt động theo quy chế cổ phần với nhiều địa điểm và nhiều mặt hàng xuất khẩu, lợi nhuận của sự mở rộng giai đoạn nghĩa vụ xuất khẩu và tăng thêm giá trị cũng được mở rộng đến kế hoạch Cấp phép trước cho nhu cầu hàng năm. Kế hoạch Cấp phép trước cho nhu cầu hàng năm cũng được áp dụng cho hàng xuất khẩu và việc cung cấp qua trung gian.

- Việc cấp phép trước không thu tiền được áp dụng trở lại với vật tư.
- Chi phí cho việc thanh toán để mở rộng nghĩa vụ xuất khẩu giảm đi và có quan hệ với số tiền thuế tiết kiệm được.

**+ Chương trình xúc tiến xuất khẩu hàng hoá EPCG (Export Promotion Capital Good Scheme-EPCG)**

- Việc đơn giản hoá các thủ tục để xác định hàng sản xuất theo chương trình NEXUS và nhập khẩu theo chương trình CG được cho phép trên cơ sở Giấy Chứng nhận về Nexus với sản phẩm xuất khẩu.
- Linh hoạt trong việc giảm bớt nghĩa vụ, thủ tục nhập khẩu.
- Xác định lại nghĩa vụ xuất khẩu của hàng xuất khẩu theo Giấy phép EPCG trước đây với chính sách hiện hành.
- Nhập khẩu vật liệu chịu lửa thay thế, chất xúc tác và hàng tiêu dùng thực hiện theo chương trình EPCG.

**+ Hàng Xuất khẩu :**

- Mở rộng diện mặt hàng xuất khẩu có thuế xuất hải quan cơ sở là 0%.
- Mở rộng diện mặt hàng xuất khẩu thuộc các Các Đề án Lọc dầu và Phân bón từ các Kế hoạch Năm năm lần thứ VIII và IX.
- Xác định tỷ lệ hoàn thuế hàng xuất khẩu cho các mặt hàng xuất khẩu được phân quyền và uỷ quyền cho các Văn phòng địa phương của DGFT.

**+ Thay đổi hạn chế số lượng :**

- Được phép nhập khẩu tự do :
  - . Vàng và bạc
  - . Thiết bị thu hệ thống định vị toàn cầu.
  - . Năng lượng điện.
- Xuất khẩu một số mặt hàng trong nhóm hàng phân bón được thông thoáng hơn.

**+ Hàng rào phi thuế :**

- Hàng rào phi thuế được áp dụng cho việc nhập khẩu phục vụ sản xuất để xuất khẩu đối với các mặt hàng dệt và thực phẩm.
- Việc Chứng nhận Chất lượng bắt buộc đối với hàng xuất khẩu được điều chỉnh cho các nhà nhập khẩu có tiêu thụ bắt buộc theo quy định và áp dụng theo từng Nhóm Công ty hoặc tập đoàn Công ty.

**8. Hàng xuất khẩu theo Dự án :**

- Giá trị tài sản thế chấp theo quy định của ECGC tăng từ 500 Crores lên 800 Crores Rupees để quản lý rủi ro tốt hơn cho các nhà nhập khẩu.
- Tài khoản Quốc gia Bảo hiểm Xuất khẩu được thành lập cho ECGC để tài

trợ cho các dự án có giá trị cao do các Công ty của Ấn Độ thực hiện. Chi tiết sẽ được quy định cụ thể trên cơ sở tham khảo ý kiến của Bộ Tài chính.

- Kế hoạch Thẻ vàng (Gold Card Scheme) để cung cấp tín dụng cho các nhà xuất khẩu lớn với các điều kiện dễ dàng, tối ưu sẽ được Ngân hàng Dự Trữ Ấn Độ

(Reserve Bank of India- RBI) xây dựng cụ thể.

#### ***Một số vấn đề cụ thể***

- Quy trình, thủ tục nhập khẩu thay đổi theo hướng đơn giản hơn và giảm bớt thời gian, chi phí cho các nhà nhập khẩu.
- Nhập khẩu hàng dệt theo điều khoản mới của Chính sách nhập khẩu.
- Năng lượng điện được nhập khẩu tự do.
- Nhập khẩu vàng và bạc được tự do.
- GSP và DGSP được tự do.
- Không phải khai báo tổng trị giá và số lượng giấy in báo nhập khẩu đối với cơ quan đăng ký báo chí.
- Tăng số cảng khẩu và các tuyến vận chuyển cho nhập khẩu ô tô mới.
- Chính sách xuất khẩu phân bón được thông thoáng.

#### ***Các Khu Kinh tế Đặc biệt (Special Economic Zones-SEZ)***

Tháng 4/2000, Chính phủ công bố chương trình xây dựng các Khu Chế biến Xuất khẩu nhằm tạo môi trường cạnh tranh và thuận lợi cho hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, sau một thời gian thực thi, Chính phủ đã chuyển toàn bộ các Khu Chế biến Xuất khẩu thành các Khu Kinh tế Đặc biệt.

Hiện có 11 Khu Kinh tế Đặc biệt do Chính phủ Trung ương phê duyệt đang hoạt động tại Kandla và Surat (Bang Gujarat), Santa Cruz (Bang Maharashtra), Cochin (Bang Kerala), Chennai (Bang Tamil Nadu), Vishakapatnam (Bang Andhra Pradesh) và Jaipur (Bang Rajasthan). Ngoài ra, còn có 35 Khu khác do các Bang phê duyệt.

Tháng 6/2005, Chính phủ Trung ương đã phê duyệt mới 42 Đặc Khu Kinh tế tại nhiều Bang trên toàn lãnh thổ Ấn Độ : Maharashtra, Gujarat, Karnataka, Uttar Pradesh, Andhra Pradesh, Rajasthan, West Bengal, Kerala, Tamil Nadu, Orissa, Haryana, Pondicherry, Jharkhan và Chandigarh.

Khu Kinh tế Đặc biệt là một trong các trọng tâm của Chính phủ trong Chính sách Ngoại thương mới để thu hút đầu tư nước ngoài, tăng cường xuất khẩu. Các khu này được hoạt động miễn thuế và được coi như lãnh thổ nước ngoài, phục vụ cho các ngành nghề sản xuất, dịch vụ và chế biến hàng xuất khẩu.

Tháng 5/2005, Hạ viện đã thông qua Chương trình Khu Kinh tế Đặc biệt cho năm 2005-2006 với mục tiêu thu hút 2 tỷ USD đầu tư nước ngoài và thu hút thêm 50.000 lao động trong năm tới. Hiện nay, số lao động trong các khu này là 95.000 người.

Chương trình này sẽ tạo cơ chế một cửa cho các hoạt động từ việc thành lập các đặc khu cho đến việc thành lập các đơn vị sản xuất kinh doanh bên trong đặc khu, miễn 100% thuế trong vòng 5 năm đầu tiên, 50% cho 5 năm tiếp theo và 50% cho việc tái đầu tư vào xuất khẩu từ lợi tức thu được trong 5 năm tiếp theo. Các đơn vị đầu tư xây dựng các đặc khu được miễn thuế 100% trong vòng 10 năm.

### *Thuế Hải quan của Ấn Độ*

Thuế suất hải quan của Ấn Độ được cắt giảm từ năm 1991, khi nước này tiến hành cải cách kinh tế. Đó là mức cắt giảm từ 150% năm 1991-1992 xuống 35% năm 2001-2002. Tuy nhiên, Ấn Độ vẫn thuộc hàng các nước có thuế hải quan cao nhất thế giới.

Trong số 70 nước được đưa ra nghiên cứu xem xét, Ấn Độ xếp hàng thứ 3 trong số các nước có mức thuế cao nhất thế giới năm 1999 theo đánh giá của Cơ sở Dữ liệu Chỉ số Phát triển Thế giới (WDI). Nước có suất thuế cao hơn Ấn Độ là Pakistan và Cameron. 67 trong số 70 nước có thuế suất thấp hơn Ấn Độ. Các nước Nam Á và Châu Á khác có mức thuế như sau : Sri Lanka 22,5%; Bangladesh 22%; Nepal 18% và Trung Quốc 15,7%.

Quá trình cải cách tài chính được đặt ra và thực thi từ năm 1991, cùng với chương trình cải cách và tự do hoá kinh tế. Ủy ban về Cải cách Thuế Ấn Độ được thành lập. Ủy ban này đã có các Báo cáo năm 1992 và 1993.

Tháng 7/2000, Hội đồng Kế hoạch Trung ương đã thành lập Nhóm Tư vấn để nghiên cứu về Chính sách Thuế và Quản lý Thuế trong giai đoạn Kế hoạch 5 năm lần thứ X (2002-2007).

Ngày 3/9/2002, Bộ Tài chính Và Quản lý Doanh nghiệp đã thành lập Cơ quan Đặc trách về Cải cách Thuế.

Ngày 2/11/2002, Cơ quan Đặc trách về Cải cách thuế của nước này đã trình lên Chính phủ Tài liệu Tham vấn về Thuế Trực thu và Thuế Gián thu. Sau quá trình thảo luận rộng rãi tại các diễn đàn của các cơ quan chuyên trách về thuế, cơ quan nghiên cứu thuế, các Hiệp hội Công nghiệp và Thương mại..., tài liệu đã được sửa, chỉnh và thông qua.

Mức thuế hải quan MFN phổ thông hiện nay của Ấn Độ là 34,442%.

### **3. Các rào cản phi thuế**

Ấn Độ là nước có chính sách bảo hộ rất cao sản xuất và lưu thông

hàng hoá trong nước. Kết quả thực thi của các chính sách này là : nhập khẩu tăng với tỷ lệ thấp trong năm 2001-2002 so với cùng kỳ năm trước.

Nhập khẩu trong năm 2002-2003 tăng 17,03%. Nhập khẩu dầu năm 2002-2003 tăng 26,77%. Nhập khẩu phi dầu tăng 13,31%.

Nhập khẩu năm 2002-2003 tăng chủ yếu do nhập khẩu dầu. Thực tế phần tăng nhập khẩu dầu trong tổng số nhập khẩu của cả nước tăng từ 13,86% năm 1998-1999 lên 29,92% năm 2002-2003, trong khi đó phần tăng nhập khẩu phi dầu trong tổng số nhập khẩu của cả nước giảm từ 86% năm 1998-1999 xuống 70% năm 2002-2003.

Nhìn chung, biên độ mức thuế của nhiều loại nông sản khác nhau của Ấn Độ từ 50% đến 300%. Hiện nay, mức thuế bình quân là 34%. Qua đó có thể thấy rằng, Ấn Độ áp dụng thuế suất hải quan cao để bảo hộ sản xuất trong nước.

Thông qua Chính sách Xuất Nhập khẩu hàng năm, Chính phủ áp dụng nhiều biện pháp để bảo hộ các sản phẩm trong nước :

- Thuế suất hải quan cao là khá nổi tiếng của nước này để hạn chế hàng nhập khẩu.

- Việc nhập khẩu nông sản như lúa mì, gạo, sắn, đỗ phải thông qua các Công ty Thương mại nhà nước do Chính phủ chỉ định. Kế hoạch nhập khẩu của các công ty này được Chính phủ phê duyệt hàng năm.

- Việc nhập khẩu còn phải tuân thủ các quy định sau đây :

a) Nhập khẩu các loại thực phẩm phải thực hiện theo Quy định của Luật và Quy định về Pha trộn Thực phẩm.

b) Nhập khẩu thịt và sản phẩm gia cầm thực hiện theo Quy định của Chỉ thị về Thịt làm thực phẩm.

c) Nhập khẩu đồ uống có cồn phải tuân thủ những quy định khá chặt chẽ của Chính phủ từng Bang.

d) Để bảo đảm nhập khẩu nông sản không gây ra sự lây lan các bệnh có sẵn trong hàng nhập khẩu, việc nhập khẩu phải theo Giấy phép Vệ sinh Thực vật và An toàn Sinh học và Vệ sinh do Tổng Vụ Nông nghiệp và Hợp tác cấp. Giấy phép này được cấp trên cơ sở phân tích rủi ro nhập khẩu của sản phẩm theo quy định của Hiệp định WTO về áp dụng các Biện pháp Vệ sinh và Kiểm dịch Thực vật.

#### **4. Chống Bán phá giá và Tự vệ thương mại**

##### **4.1. Chống bán phá giá**

Chống bán phá giá là một trong những biện pháp hàng đầu của Ấn Độ để bảo vệ thị trường trong nước.

Theo quy định chung của GATT, các quá trình chung về điều tra và áp dụng thuế chống bán phá giá như sau :

- Nhận đơn khiếu nại.
- Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính chính xác, sự tương thích và diễn biến của sự việc.
- Thông báo cho Chính phủ của công ty/người nhập khẩu về việc sẽ mở cuộc điều tra.
- Thông tin thông qua bản các câu hỏi và trả lời.
- Thông báo Quyết định Sơ bộ.
- Kiểm tra thông tin.
- Cơ quan có thẩm quyền nghe điều trần.
- Công bố các sự việc chính.
- Thông báo Quyết định cuối cùng.

Theo quy định hiện hành của Ấn Độ, Tổng vụ chống Bán phá giá (Directorate General of Anti-Dumping and Allied Duties) của nước này thuộc Bộ Thương mại và Công nghiệp.

Các cơ sở pháp lý của công tác chống bán phá giá tại Ấn Độ :

- + Luật thuế Hải quan năm 1975, Phần 9A, 9B (sửa đổi năm 1995)
- + Quy tắc chống bán phá giá.
- + Điều tra và Khuyến cáo của Cơ quan Quản lý thuộc Bộ Thương mại và Công nghiệp.
- + áp thuế và thu thuế của Bộ Tài chính.

Một số các vụ đánh thuế chống bán phá giá của ấn độ được ghi tại phụ lục kèm theo.

**10 nước đã áp dụng biện pháp  
chống bán phá giá nhiều nhất, giai đoạn 1995-2003**

Ấn độ	379	Đơn vị : vụ (case)
Mỹ	329	
Liên minh Châu Âu	274	
Argentina	180	
Nam Phi	166	
Australia	163	
Canada	122	
Brazil	109	
Mexico	73	
Trung Quốc	72	
Tất cả các nước	2.416	Nguồn : WTO

*Ghi chú* : Với Trung Quốc, không có số liệu thống kê các năm 1995, 1996, 1997, 1998, 1999.

Theo số liệu mới nhất được công bố tại WTO, từ 1/1/1995 đến tháng 06/2008, các nước thành viên của WTO đã tiến hành 3.307 cuộc điều tra về chống bán phá giá, trong đó có 2.106 cuộc điều tra đã kết luận là có bán phá giá (chiếm 64,48%)

#### **4.2. Tự vệ Thương mại**

Hiệp định về Tự vệ Thương mại của GATT (The Agreement on Safeguards) cho phép nước thành viên có thể áp dụng biện pháp tự vệ chỉ khi nước này theo đúng các bước thủ tục phù hợp với Điều khoản X của GATT 1994. Các biện pháp tự vệ được áp dụng chủ yếu cả dưới hình thức thuế tự vệ và dưới hình thức quota nhập khẩu.

##### ***Các bước triển khai theo quy định của GATT và cụ thể của Ấn Độ :***

+ Phần 8B của Luật Thuế Hải quan (Customs Tariff Act) năm 1975 và được sửa đổi bổ sung cho phép đưa ra thuế tự vệ trong thương mại. Việc tiến hành các bước điều tra phải theo đúng trình tự của Luật đã nêu trên. Theo đó, việc điều tra để có thể áp dụng các biện pháp tự vệ phải trên cơ sở yêu cầu / hoặc sự thay mặt cho nhà sản xuất trong nước. Yêu cầu phải làm theo mẫu quy định của Tổng Vụ Tự vệ Thương mại, hoặc Tổng Giám đốc Tổng vụ Tự vệ Thương mại có thể lên kế hoạch cho việc điều tra khi xét thấy có đủ thông tin từ Cơ quan Hải quan hoặc bất kỳ nguồn thông tin chính thống nào chứng tỏ việc nhập khẩu một loại /nhóm hàng nào tăng lên đáng kể và gây hậu quả nghiêm trọng cho sản xuất trong nước.

Theo quy định của Ấn Độ, Tổng Vụ Tự vệ Thương mại (Directorate General of Safeguards) là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc dự kiến tiến hành việc điều tra tự vệ và Báo cáo lên Chính phủ việc áp dụng các biện pháp tự vệ, thời hạn áp dụng các biện pháp này nếu dài hơn 1 năm thì phải có dự kiến ảnh hưởng hoặc tác động tới việc tự do hóa thương mại như thế nào.

+ Một cuộc điều tra có thể được bắt đầu khi nhận được Văn bản đề nghị theo mẫu quy định của Tổng vụ Tự vệ Thương mại. Tổng Giám đốc hoặc người được uỷ quyền thay mặt Tổng Giám đốc thông báo sẽ tiến hành điều tra :

- Tên nước xuất khẩu và mặt hàng có liên quan.
- Ngày bắt đầu điều tra.
- Tuyên bố tóm tắt sự việc trong đó có đề cập tới việc ảnh hưởng của hàng nhập khẩu.
- Lý do tiến hành điều tra.
- Địa chỉ liên hệ và gửi giải trình của các Bên có liên quan.
- Thời gian xem xét và tiến hành điều tra..

Tổng Giám đốc có thể yêu cầu cung cấp thông tin từ những người có liên quan trong vòng 30 ngày. Thông tin có thể cho phép trình bày bằng miệng và chỉ có giá trị khi được gửi lại bằng văn bản. Tổng Giám đốc có thể quyết định ngày bắt đầu và kết thúc điều tra đối với các hàng nhập khẩu tăng lên trong thời hạn 8 tháng kể từ ngày bắt đầu điều tra hoặc trong thời hạn mà Chính phủ Trung ương cho phép.

+ Hệ thống thông tin tin cậy :

Điều 7 của Customs Tariff Rules 1997 đề cập tới thông tin tin cậy. Quy tắc này bảo đảm rằng các thông tin mang tính chất tin cậy và dựa trên những cơ sở tin cậy sẽ được Tổng Giám đốc xem xét và xử lý.

Hơn nữa, Tổng Giám đốc có thể yêu cầu người cung cấp thông tin tin cậy cung cấp cả những thông tin không hoặc ít có khả năng tin cậy. Những thông tin này được báo cáo thành một bản công bố các lý do đối với yêu cầu của mình

Tổng Giám đốc sẽ phát hành Thông báo Thương mại ( The Trade Notice) yêu cầu các thông tin tin cậy được báo cáo tách rời với các thông tin không tin cậy. Như vậy, các thông tin tin cậy sẽ rất rõ ràng và được thông báo kịp thời đến các nhà chức trách có liên quan.

+ Giải quyết tranh chấp trong điều tra tự vệ :

Một nước thành viên nhận thấy quyết định của nước nhập khẩu về việc áp dụng biện pháp tự vệ là không chính đáng và thiếu cơ sở khách quan có thể đưa vấn đề ra cơ quan xử lý tranh chấp của WTO.

Một Kênh Giải quyết Tranh chấp sẽ kiểm tra các biện pháp tạm thời và biện pháp cuối cùng. Biện pháp sơ bộ về tự vệ thương mại chỉ có thời hạn trong vòng 200 ngày trong đại đa số các trường hợp.

Các vụ điều tra và đã áp thuế tự vệ thương mại của Ấn Độ : Acetylene Black, Styrene Butadiene Rubber, Carbon Black, Flexible Slabstock Polyol, Propylene Glycol, Hard Board, Phenol, Acetone, Yellow Phosphorus, Gamma Ferric Oxide/Magnetic Iron Oxide, Methylene Chloride, Epichlorohydrin, Vegetable Oils (Edible Grade), Industrial Sewing Machine Needles, Bisphenol-A.

Ngày 7/7/2004, Tổng vụ Tự vệ của Ấn Độ đã ra thông báo điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng sản lát, tinh bột sản và tinh bột cao cấp nhập khẩu từ một số nước, trong đó có Việt Nam.

Ngày 16/2/2005, Tổng vụ Tự vệ Thương mại đã có quyết định Số SG/INV/1/2004 áp thuế tự vệ thương mại đối với sản lát và tinh bột sản (Mã HS 11081400 / 11081910 / 11081990) :

. Năm thứ nhất : 33% (cộng thêm mức thuế hiện hành 30%) nâng tổng mức thuế là 63%.

. Năm thứ hai : 23% (cộng thêm mức thuế hiện hành 30%) nâng tổng mức thuế là 53%.

. Năm thứ ba : 13% (cộng thêm mức thuế hiện hành 30%), nâng tổng mức thuế là 43%.

Không áp thuế tự vệ thương mại đối với tinh bột sắn cao cấp (Sago) với các Mã HS 1903 và 3505.

## **5. Luật và các Quy định liên quan tới Thương mại**

### **5.1. Luật Công ty**

*Các hình thức Công ty tại Ấn Độ :*

+ Công ty (Corporation), kể cả công ty tư nhân và công ty công cộng.

+ Hợp doanh (Partnership).

+ Công ty một thành viên (Sole Proprietorship)

Các Công ty tại Ấn Độ và các Công ty nước ngoài có mặt tại Ấn Độ đăng ký và hoạt động theo Luật Công ty năm 1956. Luật này được thiết kế trên cơ sở tham khảo Luật Công ty của Vương quốc Anh.

Các Công ty tại Ấn Độ có thể được phân hạng thành Công ty tư nhân và Công ty công cộng. Tuy nhiên, một Công ty trong lĩnh vực tư nhân có thể là công ty công cộng hoặc công ty tư nhân có trách nhiệm giới hạn và không giới hạn.

*Công ty tư nhân theo Luật Công ty năm 1956 có những đặc điểm sau:*

- Quyền chuyển nhượng cổ phần bị hạn chế.

- Số cổ đông tối đa là 50 (không kể nhân viên).

- Không được chào bán cổ phần và các khoản nợ cho công chúng.

- Không được chào bán cổ phiếu hoặc chấp nhận đặt tiền của những người không phải là thành viên, các giám đốc công ty hoặc những người có liên quan đến công ty

Công ty tư nhân phải có số vốn tối thiểu 0,1 triệu Rs (khoảng 2.170 USD)

*Công ty công cộng*

Công ty công cộng là công ty không phải là công ty tư nhân. Chi nhánh của Công ty công cộng cũng được coi là công ty công cộng. Công ty công cộng phải có số vốn tối thiểu 0,5 triệu Rs (khoảng 10.850 USD).

*Công ty nước ngoài*

Công ty nước ngoài là Công ty hoạt động ngoài lãnh thổ Ấn Độ, nhưng có mặt tại Ấn Độ dưới các hình thức : văn phòng đại diện, văn phòng

dự án, văn phòng chi nhánh... và cũng được điều chỉnh bằng Luật Công ty năm 1956 theo các điều khoản đặc biệt về đăng ký và hoạt động. Các công ty này phải đăng ký với Cơ quan đăng ký Công ty tại New Delhi.

*Với các nhà đầu tư nước ngoài*

Các công ty nước ngoài tại Ấn Độ có thể hoạt động dưới nhiều hình thức khác nhau. Hình thức phổ thông nhất là công ty tách nhiệm hữu hạn tư nhân, văn phòng đại diện, văn phòng chi nhánh và văn phòng dự án.

Các công ty nước ngoài trong lĩnh vực sản xuất hoặc kinh doanh thương mại sẽ được Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ cho phép mở Văn phòng chi nhánh tại Ấn Độ với mục đích thực hiện các nhiệm vụ sau đây tại Ấn Độ :

- Đại diện cho công ty mẹ hoặc các công ty nước ngoài khác để thực hiện các công việc được ủy quyền như làm đại lý mua / bán tại Ấn Độ.
- Thực hiện công việc nghiên cứu mà công ty mẹ yêu cầu.
- Thực hiện các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.
- Tăng cường cộng tác tài chính và kỹ thuật giữa các công ty Ấn Độ và các công ty nước ngoài.

Các thủ tục cần thiết để xin mở chi nhánh, văn phòng dự án hoặc văn phòng đại diện sẽ được gửi đến Cục Chuyển giao Công nghệ và Đầu tư nước ngoài thuộc Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ theo mẫu FNC-5 hoặc FNC-10 theo quy định của Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ. Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ có trụ sở chính tại Mumbai và văn phòng khu vực tại tất cả các bang và vùng lãnh thổ trực thuộc trung ương.

## **5.2. Luật về Hợp đồng của Ấn Độ năm 1872 (India Contract Act, 1872)**

Luật của Ấn Độ về Hợp đồng được dựa trên các nguyên tắc chung của hợp đồng và có tên gọi là Luật Hợp đồng của Ấn Độ năm 1872 (ICA). ICA kế thừa và tiếp thu nhiều khái niệm và điều khoản tiến bộ từ các nước khác nhau trong khu vực và trên thế giới.

ICA đã qua nhiều lần sửa đổi và hiện nay bao gồm các nguyên tắc điều tiết các vấn đề chính sau đây :

- Đề xuất, chấp nhận và thiết lập hợp đồng.
- Năng lực pháp lý của các bên ký kết hợp đồng.
- Các điều khoản về kinh tế và vật chất của hợp đồng.
- Thời hạn hiệu lực của hợp đồng.
- Việc thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ của các bên ký kết.
- Hành vi tác động của bên thứ ba đối với việc thực hiện và tính pháp lý của hợp đồng.

- Vi phạm hợp đồng và các thiệt hại phát sinh.
- Gia hạn hợp đồng.
- Hình thức của hợp đồng (hợp đồng miệng, hợp đồng bằng văn bản).
- Giá trị pháp lý của hợp đồng, hợp đồng vô hiệu.
- Quan hệ đại lý, người đại diện của các bên ký kết.
- Giải quyết tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Thanh lý hợp đồng.

### **5.3. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (Intellectual Property Rights Protection)**

Khái niệm sở hữu trí tuệ bao gồm bằng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, bản quyền, nhãn hiệu thương mại, know-how và thông tin bí mật. Các luật có liên quan đến sở hữu trí tuệ tại Ấn Độ đang ngày một được điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp dần với hệ thống luật pháp của các nước phát triển.

Với mục tiêu ngăn chặn việc ăn cắp bản quyền và thúc đẩy việc sử dụng các phần mềm hợp pháp, việc nhập khẩu phần mềm để nhân bản hợp pháp được hưởng suất thuế thấp.

Là nước ký kết Hiệp định Chung về Thuế quan và Thương mại (GATT), Ấn Độ đang áp dụng các tiêu chuẩn và quy định về sở hữu trí tuệ theo quy định chung của GATT :

- Bản quyền và các quyền có liên quan khác.
- Nhãn hiệu thương mại.
- Những chỉ dẫn về địa lý.
- Patents (bằng sáng chế).
- Kiểu dáng công nghiệp.

### **5.4. Nhãn hiệu Thương mại (Trade Marks)**

Luật về Nhãn hiệu Thương mại 1999 do Nghị viện thông qua năm 1999. Quy định về Nhãn hiệu Thương mại được ban hành ngày 26/2/2002.

Luật này quy định việc đăng ký Nhãn hiệu Thương mại cho hàng hóa và dịch vụ, bao gồm cho cả các nhãn hiệu tập thể, việc chia sẻ và chuyển nhượng. Luật cũng có điều khoản cho việc kháng án, điều chỉnh việc áp dụng và đơn giản hóa các thủ tục cho người sử dụng đã đăng ký. Đồng thời mở rộng phạm vi sử dụng được phép của các nhãn hiệu thương mại và cấm sử dụng nhãn hiệu thương mại đã đăng ký của người khác.

Luật cũng cho phép kết hợp một số điều khoản khác nhau như điều chỉnh, bổ sung định nghĩa 'nhãn hiệu', điều khoản đề xuất đăng ký trong giai đoạn 10 năm và thay đổi nhãn hiệu thương mại và làm cho nhãn hiệu ngày càng phát huy vai trò trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa.

### **5.5. Những Quy định Anti-Trust (Anti-Trust Regulations)**

Luật anti-trust được thiết kế nhằm bảo đảm cho sự tự do của các doanh nghiệp, hạn chế tối đa độc quyền và tăng tối đa tính cạnh tranh. Luật này điều tiết việc xác định giá cả hoặc tranh giành khách hàng bằng các biện pháp không lành mạnh.

Nhằm gắn kết luật pháp trong nước và luật pháp quốc tế, Chính phủ Ấn Độ đã thông qua một khuôn khổ pháp lý cho việc chống độc quyền với các Luật như sau :

- Luật về Thực tiễn Thương mại và Độc quyền 1969.
- Một số điều khoản trong Luật Công ty 1956.
- Luật Bảo vệ Người tiêu dùng.

Các Bộ Luật này được thiết kế để duy trì và tăng cường tự do kinh tế và hạn chế thương mại không lành mạnh.

### **5.6. Luật Cạnh tranh (Competition Act)**

Mục tiêu của Luật Cạnh tranh :

- Thúc đẩy và tăng cường cạnh tranh trên thị trường.
- Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.
- Bảo đảm tự do thương mại.

Luật bao gồm các nội dung chính như sau :

- Các điều khoản và thỏa thuận cấm chống lại việc cạnh tranh. Đó là việc thỏa thuận giữa các doanh nghiệp với doanh nghiệp trong cùng ngành hàng, giữa các doanh nghiệp đảm nhận từng công đoạn khác nhau của một sản phẩm, của một dây chuyền sản xuất cho các thị trường khác nhau.
- Cấm sự lạm dụng vị trí độc tôn và vị trí cao. Điều này đề cập đến việc cấm dùng lợi thế và sức mạnh của một doanh nghiệp để tạo sự phụ thuộc của các doanh nghiệp khác và khống chế thị trường.
- Quy định về kết hợp. Việc kết hợp được thực hiện theo ba cách khác nhau. (1) một doanh nghiệp giành được hay mua lại được một hay nhiều doanh nghiệp khác. (2) giành được sự kiểm soát một hay nhiều doanh nghiệp khác thông qua việc nắm được người có quyền kiểm soát tại một hay nhiều doanh nghiệp khác. (3) sự hợp nhất doanh nghiệp. Luật Cạnh tranh quy định các điều khoản cụ thể để chế định các hoạt động này, tạo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp.

### **5.7. Luật Bảo vệ Người Tiêu dùng (Consumer Protection Act-CP)**

Luật Bảo vệ người tiêu dùng nhằm mục đích cao nhất là bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, quy định các biện pháp giải quyết các tranh chấp

phát sinh. Thông qua việc thực hiện Luật sẽ góp phần giảm bớt, tránh được các hoạt động thương mại không lành mạnh (unfair).

Các hoạt động của người sản xuất hoặc của người cung cấp dịch vụ được chế định để đảm bảo cho người tiêu dùng không chịu thiệt thòi do các hàng hóa và dịch vụ kém chất lượng.

Luật này cũng quy định các quy định cụ thể cho các cấp Trung ương, Bang và huyện giải quyết các tranh chấp phát sinh. Cấp Quận, Huyện được giải quyết các tranh chấp về hàng hoá phát sinh với trị giá đến 2 triệu Rupi-Rs (2 lakhs). Cấp Bang giải quyết các tranh chấp phát sinh với trị giá đến trên 2 triệu Rs đến 10 triệu Rs. Cấp Trung ương giải quyết các tranh chấp phát sinh với trị giá trên 10 triệu Rs.

Các quyết định thông thường về giải quyết tranh chấp :

- Loại bỏ phần hư hỏng của hàng hoá sau khi đã có các cuộc kiểm tra tại các phòng thí nghiệm phù hợp.
- Thay đổi hàng hoá hư hỏng, kém chất lượng bằng hàng hóa khác mới có cùng quy cách.
- Hoàn trả người khiếu nại tiền hàng, các chi phí có liên quan.
- Thanh toán khoản tiền bồi thường cho người khiếu nại.
- Loại bỏ hàng hóa kém chất lượng khỏi danh mục hàng hóa để bán.
- Bắt buộc chấm dứt việc sản xuất kinh doanh.

### **5.8. Trọng tài**

Luật Hòa giải và Trọng tài ban hành năm 1996 thay thế cho 3 Luật trước đó về trọng tài. Luật hiện hành dựa trên Luật Mẫu về Trọng tài và Thương mại Quốc tế được Liên Hợp quốc áp dụng trong Luật Thương mại Quốc tế (UNCITRAL) năm 1985.

Nội dung quan trọng của các luật và quy định của UNCITRAL là thực hiện được việc hài hòa các khái niệm về trọng tài và hòa giải của nhiều hệ thống luật pháp khác nhau trên thế giới. Tất cả được cô đọng và tập hợp thành một bộ luật, luật liên quan đến trọng tài trong nước, trọng tài thương mại quốc tế, thúc đẩy việc thực hiện phán quyết của trọng tài nước ngoài và hòa giải. Bộ luật này cho phép các bên ký kết hợp đồng quyết định lựa chọn địa điểm và thủ tục giải quyết tranh chấp.

Mục tiêu của Luật Hòa giải và Trọng tài năm 1996 :

- Phạm vi điều tiết là toàn bộ hoạt động trọng tài trong nước, trọng tài thương mại quốc tế và thúc đẩy thực hiện phán quyết theo Công ước New York và Geneva.
- Quy định các thủ tục, phương thức tiến hành của các hoạt động trọng tài.

- Bảo đảm việc các quyết định của trọng tài được đưa ra là hợp lý.
- Bảo đảm các hoạt động và phán quyết của Trọng tài là phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.
- Hạn chế tối đa việc sử dụng vai trò của tòa án trong quá trình tố tụng trọng tài.
- Cho phép trọng tài sử dụng biện pháp hoà giải và các biện pháp khác phù hợp với luật để giải quyết các tranh chấp.
- Bảo đảm tính pháp lý và thực thi của các quyết định trọng tài.

Ngày 12/12/2003, Luật về Trọng tài và Hòa giải được Thượng viện thông qua. Nội dung chính bao gồm :

- Cho phép thành lập Cơ quan Trọng tài thuộc khuôn khổ của Tòa án và hoạt động theo quy chế và pháp luật hiện hành.
- Xác định thời gian cho việc giải quyết các vụ việc theo khuôn mẫu của UNCITRAL.
- Giải quyết các tranh chấp theo luật trong một số vụ xét xử của Tòa án.
- Thành lập Cơ quan Trọng tài Xử lý Khẩn cấp trong các trường hợp đặc biệt.

## **6. Thủ tục xuất nhập khẩu :**

### ***Các loại giấy phép xuất nhập khẩu***

Có giá trị trong thời hạn quy định trong giấy phép và bao gồm các điều khoản do cơ quan cấp giấy phép quy định như sau :

- Miêu tả hàng hóa, số lượng và trị giá hàng hóa.
- Điều kiện của người sử dụng.
- Điều kiện xuất khẩu.
- Trị giá xuất khẩu tối thiểu.

Giấy phép, giấy chứng nhận không phải là một quyền lợi và Tổng Giám đốc Ngoại thương hay cơ quan cấp giấy phép có quyền từ chối cấp hay cấp lại một giấy chứng nhận, giấy phép theo những điều khoản của luật pháp hay những quy định hiện hành.

### ***Lệ phí xuất nhập hàng***

Tất cả đơn xin xuất nhập hàng đều phải trả phí. Mức độ và thể thức thanh toán phí được ngành ngoại thương và thuế vụ quy định cụ thể.

Đơn được xuất trình cho các cơ quan cấp phép do Chính phủ Ấn Độ quy định. Tất cả đơn xin giấy phép xuất nhập khẩu hoặc bất cứ mục đích nào khác phải được hoàn chỉnh theo những quy định trong chính sách và thủ tục hiện hành.

### ***Mã số xuất nhập khẩu (IEC)***

Các đơn vị thực hiện việc giao dịch ngoại thương đều phải xin cấp một IEC.

Miễn IEC trong các trường hợp sau :

- Các Bộ, Cục thuộc chính quyền trung ương hoặc chính quyền các bang.
- Các cá nhân hay xuất nhập hàng hóa để sử dụng cá nhân, không liên quan đến thương mại, sản xuất hay nông nghiệp.
- Các cá nhân xuất khẩu hàng cho Nepal hay nhập khẩu hàng từ Nepal với trị giá CIF không vượt quá 25.000 Rupia.
- Các cá nhân xuất khẩu hàng cho Myanmar hay nhập khẩu hàng từ Myanmar qua biên giới Ấn Độ-Myanmar, với trị giá không quá 25.000 Rupia.

Tuy nhiên, việc miễn trừ này không áp dụng cho việc xuất khẩu các loại hóa chất đặc biệt, vật liệu, trang thiết bị và các công nghệ được quy định trong một danh sách riêng.

### ***Thẻ thức xin cấp IEC***

Đơn xin cấp IEC do cơ quan đăng ký của người đứng đơn lập và gửi cho cơ quan cấp giấy phép. Cơ quan này sẽ cấp cho người xin một IEC theo đúng thể thức, chuyển một bản sao cho ngân hàng có liên quan.

Mã số cấp cho một đơn vị có hiệu lực cho tất cả các chi nhánh, phòng, ban, xí nghiệp của đơn vị đó. Nếu không muốn sử dụng mã số đã được cấp, người sở hữu có thể từ bỏ nó bằng cách thông báo cho cơ quan đã cấp. Nhận được thông báo, cơ quan này sẽ làm thủ tục hủy bỏ mã số đã cấp.

### ***Hiệu lực của giấy phép xuất nhập khẩu***

Tùy theo mặt hàng nhập khẩu và thể thức nhập khẩu mà thời hạn hiệu lực của giấy phép nhập khẩu thay đổi từ 12 tháng đến 24 tháng.

Thời hạn của giấy phép về thời gian chuyên chở hàng hóa liên hệ bằng tàu từ nơi cung cấp (nước xuất khẩu) đến nơi nhận hàng (Ấn Độ). Thời hạn của giấy phép có thể được cơ quan cấp phép gia hạn mỗi lần 6 tháng và không quá 12 tháng.

### ***Thẻ căn cước***

Để tạo thuận lợi cho việc nhận giấy phép xuất nhập hàng và các tài liệu khác, các chủ nhân, giám đốc hay nhân viên được ủy nhiệm của các nhà xuất nhập khẩu, được cấp thẻ căn cước. Số người được cấp thẻ không quá 3 người. Các giấy phép, tài liệu có liên quan đến hồ sơ xuất nhập khẩu được cơ quan liên quan cấp cho những người có thể căn cước, như đại diện chính thức của đơn vị xin phép xuất nhập khẩu.

Các nhà xuất nhập khẩu hay đại diện có thể tiếp cận một cách tự do với các cơ quan cấp giấy phép, tham khảo ý kiến hay trình bày những thắc mắc của mình. Việc tham khảo có thể thực hiện bằng thư điện tử.

### ***Kho hải quan***

Nhà xuất nhập khẩu có thể thiết lập các kho hải quan nhằm chứa hàng trong thời gian làm các thủ tục thuế quan. Thời gian lưu hàng trong loại kho này có thể kéo dài trong một năm mà không phải trả thêm một khoản thuế nào. Những hàng hóa trên cũng có thể tái xuất khẩu mà không phải chịu thuế nếu nhà xuất khẩu xuất trình được vận tải đơn hay chứng chỉ xuất khẩu có liệt kê các mặt hàng liên hệ và lệnh xuất do cơ quan thuế quan có thẩm quyền cấp.

Các hình thức nhập khẩu, tồn trữ, giải tỏa hàng hay tái xuất đều được dự liệu trong các điều khoản của bộ luật Hải quan năm 1962 cùng các quy định, thông tư ban hành tiếp theo nhằm hướng dẫn việc thi hành những điều khoản đó.

### ***Vấn đề bảo lãnh ngân hàng***

Trước khi thanh toán hàng hóa thông qua thuế quan, nhà nhập khẩu phải có sự cam kết bảo lãnh của ngân hàng đối với cơ quan thuế. Trong trường hợp tái xuất, việc cung cấp chứng chỉ nguyên xứ do các cơ quan được chính phủ chỉ định cung cấp.

### ***Xuất khẩu bằng đường bưu chính***

Trong trường hợp xuất hàng qua đường bưu chính, nhà xuất khẩu phải xuất trình đủ các chứng từ sau:

- Chứng chỉ ngân hàng về xuất khẩu và bán hàng.
- Biên nhận của cơ quan bưu chính.
- Hóa đơn hợp lệ có sự xác nhận của thuế quan.

### ***Xuất nhập khẩu hàng mẫu***

Việc nhập khẩu hàng mẫu có quy cách kỹ thuật và thương mại hợp pháp, ngoại trừ hạt giống rau cải, ong mật, tân được, đều không cần phải có giấy phép. Tuy nhiên, việc nhập khẩu hàng mẫu có trị giá không vượt quá 2000 Rupit (giá CIF) mỗi lần không cần có giấy phép.

Việc xuất khẩu các hàng mẫu thuộc danh mục các mặt hàng xuất khẩu tự do được cho phép mà không cần có một giới hạn nào.

### ***Nhập hàng đã qua sử dụng, phế phẩm***

Những mặt hàng dưới đây được nhập mà không cần giấy phép:

- Các phế phẩm, phế liệu bằng kim loại, ngoại trừ các phế phẩm có tính độc hại, có chứa chất phóng xạ. Những loại được phép nhập không cần giấy phép gồm: giấy phế thải, đồ len cũ, đồ cũ bằng sợi tổng hợp, chai nhựa. Nhà nhập khẩu phải xuất trình một bản sao hợp đồng ký giữa nhà xuất khẩu xác định lô hàng không có chứa vũ khí, đạn dược, mìn, chất bị nhiễm phóng xạ.
- Nhập hàng tiêu dùng đã qua sử dụng

Những hàng tiêu dùng đã qua sử dụng và không lâu quá 10 năm được nhập khẩu tự do. Tuy nhiên, những hàng này không được chuyển nhượng, buôn bán trong thời hạn 2 năm kể từ ngày nhập khẩu, ngoại trừ trường hợp có sự cho phép của Tổng Giám đốc Ngoại thương.

#### ***Nhập khẩu những mặt hàng hạn chế***

Giấy phép nhập những mặt hàng hạn chế được cấp bởi Tổng Giám đốc Ngoại thương hoặc một giới chức được ủy quyền. Trong công tác này, vị Tổng Giám đốc được sự tư vấn của một ủy ban gồm đại diện các cơ quan kỹ thuật, các Bộ và Cục có liên quan.

#### ***Nhập hàng theo thỏa hiệp giữa hai chính phủ***

Không cần giấy phép nhập khẩu hay giấy giấy phép của ngành thuế quan.

#### ***Chuyển tiếp hàng nhập khẩu***

Những mặt hàng nhập khẩu không hạn chế có thể được chuyển tiếp tự do. Hồ sơ xin chuyển tiếp quyền sử dụng được nộp cho cơ quan xét cho phép và thường có những nội dung sau:

- Lý do chuyển tiếp
- Tên, địa chỉ, mã số, giấy phép, giấy đăng ký của người chuyển nhượng;
- Bản miêu tả, số lượng và trị giá của số hàng nhập khẩu và số hàng cần chuyển nhượng;
- Bản sao của giấy phép nhập khẩu và vận tải đơn của số hàng hóa liên quan.

Thời hạn và điều kiện chuyển nhượng căn cứ vào thỏa thuận giữa người bán và người mua.

#### ***Nhập khẩu trang thiết bị văn phòng***

Văn phòng của những công ty nước ngoài đặt tại Ấn độ, với sự chuân y của Ngân hàng dự trữ Ấn Độ, có thể nhập khẩu các trang bị văn phòng đã qua sử dụng mà không cần giấy phép nhập khẩu.

#### ***Nhập khẩu nguyên mẫu***

Việc nhập khẩu các nguyên mẫu hàng còn mới hay đã qua sử dụng hoặc hàng mẫu đó qua sử dụng không vượt quá 10 đơn vị mỗi năm và có trả thuế được miễn giấy phép nhập khẩu.

#### ***Xuất khẩu hàng mẫu - Trưng bày hàng mẫu ngoài nước***

Đơn xin thực hiện những việc trên được nộp cho Tổng Giám đốc Ngoại thương.

#### ***Xuất nhập khẩu hàng hóa để thay thế***

- Đơn xin xuất khẩu quà biếu, phụ tùng hay hàng thay thế thuộc thẩm quyền xem xét của Tổng Giám đốc Ngoại thương.

- Các hình thức xuất khẩu phi vật chất như đường truyền dữ liệu tốc độ cao, internet, điện thoại đường dài thuộc thẩm quyền Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu hàng Điện tử và Phần mềm.

## **7. Một số quy tắc cơ bản trong giao tiếp kinh doanh**

Đối với các đối tác đến từ Ấn Độ :

+ Một cái bắt tay nhẹ nhàng không quá mạnh là cách thức truyền thống để bắt đầu một cuộc họp, một cuộc gặp. Bạn nên bắt đầu cuộc họp bằng những vấn đề nhỏ xung quanh mục đích chính của cuộc họp sau đó mới dần bàn phần quan trọng nhất của công việc. Trong cuộc họp, tốt nhất bạn nên xưng hô với các đối tác Ấn Độ bằng các chức danh của họ như "Professor X" (Giáo sư X), "Mr. X" (Ông Y) hay "Miss X" (Cô Z) kèm theo họ chứ không phải tên riêng.

+ Danh thiếp nên được đưa ra ngay từ đầu cuộc họp. Bạn chú ý chuẩn bị đầy đủ danh thiếp cho tất cả những thành viên có mặt trong cuộc họp.

+ Các quy tắc giao tiếp trong kinh doanh ở Ấn Độ tương tự như hầu hết các nước ở Châu Âu. Phần lớn các khách hàng Ấn Độ có trình độ về quản lý và kỹ thuật đều giao tiếp tiếng Anh rất tốt.

+ Các lãnh đạo trong các công ty ở Ấn Độ thường mặc theo phong cách Châu Âu. Tuy nhiên, do điều kiện thời tiết nên họ có thể mặc những trang phục đơn giản hơn. Các nữ doanh nhân thường mặc trang phục truyền thống.

+ Mặc dù theo như phong tục ở Ấn Độ thì bạn có thể bắt tay nam giới khi bắt đầu cuộc họp, nhưng với phụ nữ bạn nên tránh điều này. Nên chú ý, chỉ khi người phụ nữ chủ động mời bạn bắt tay thì bạn mới nên thực hiện nghi thức này với họ. Một nghi thức chào truyền thống khác nữa là bạn chấp hai tay, để dưới cằm, mỉm cười, đầu hơi cúi nhẹ và nói "Namaste".

+ Trong văn hóa Ấn Độ, sẽ không phải phép lịch sự nếu hai người khác giới ôm hôn nhau ở nơi công cộng.

+ Khi bạn muốn tặng quà cho đối tác của mình, hãy lưu ý giấy gói quà không được là màu trắng hay màu đen vì người Ấn Độ tin rằng những màu này hay mang lại điều không may. Mặt khác, những màu theo họ sẽ mang lại may mắn là màu đỏ, xanh lơ và màu vàng. Theo quan niệm hiện đại của người Ấn Độ, bạn có thể mở quà trước sự có mặt của người tặng.

+ Người Ấn Độ thích nhận được các món quà như hoa, socola, nước hoa hay những đồ điện nhỏ. Bạn nên chú ý tránh những quà tặng có liên quan đến các quan niệm tôn giáo hay đạo đức của họ. Ví dụ, bạn đừng nên tặng họ một bức tranh về một chú chó vì theo họ chó là loài động vật không sạch sẽ. Một điều nữa bạn nên nhớ là người Ấn Độ không uống rượu và ăn thịt bò.

+ Trong cuộc họp, bạn đừng bao giờ chống tay lên hông vì hành động đó được coi như biểu hiện sự tức giận của người Ấn Độ.

+ Thời gian tốt nhất trong năm để đi thăm họ là từ giữa Tháng Mười đến Tháng Ba. Bạn không nên sắp xếp lịch làm việc với họ vào các ngày nghỉ lễ. Một điều quan

trọng bạn cần chú ý là ngoài các ngày nghỉ lễ lớn, người Ấn Độ còn có các lễ hội tôn giáo khác và nó không theo như đúng lịch dương mà chúng ta hay dùng. Vì vậy, hãy tìm hiểu kỹ những ngày này thông qua Đại sứ quán Ấn Độ tại nước mình để có được lịch hẹn phù hợp nhất.

+ Người Ấn Độ không phải là người đặc biệt đúng giờ. Do vậy, khi định giờ cuộc hẹn, bạn có thể linh động đôi chút thời gian để tiếp đón đối tác của mình.

## **8. Ấn Độ và WTO**

Năm 1947, Ấn Độ là một trong các nước thành lập sáng lập Hiệp định Chung về Thuế quan và Thương mại (GATT). Kể từ đó, nước này tham gia tích cực vào các Vòng đàm phán của GATT, mà đỉnh cao là Vòng Đàm phán Uruguay về Thương mại Đa phương và cuối cùng là Hiệp ước Marrakesh thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới ngày 15/4/1994. Như vậy, Ấn Độ là thành viên của WTO và cam kết đóng góp vào sự phát triển của tổ chức này.

Kể từ năm 1991, chính sách thương mại của Ấn Độ đã có những thay đổi mạnh mẽ hướng tới đa phương hóa trong quan hệ thương mại và tự do hóa thương mại. Hàng rào thuế đã có những cắt giảm qua các năm, các hạn chế về số lượng hàng xuất nhập khẩu đã bị loại bỏ. Đồng thời các biện pháp khác như giảm kiểm soát việc luân chuyển ngoại hối và luồng tiền tệ, kêu gọi và thu hút đầu tư nước ngoài được tiến hành.

Từ năm 2000 đến nay, nước này tiếp tục chính sách tự do hóa thương mại, giảm bớt các hạn chế về khối lượng hàng xuất nhập khẩu (QRs), giảm thuế hải quan. Chính sách Ngoại thương giai đoạn 2004-2009 đặc biệt nhấn mạnh vào xuất khẩu, đơn giản hóa thủ tục thương mại, tăng cường xuất khẩu dịch vụ, tăng gấp đôi thị phần của Ấn Độ về thương mại trên thế giới.

Kết quả là nền kinh tế Ấn Độ gắn với nền kinh tế thế giới hơn. Tỷ lệ trị giá trao đổi thương mại/GDP tăng từ 16% năm 1990-1991 lên 30% năm 2003-2004.

### ***Quá trình tự do hóa thuế quan***

Cắt giảm thuế đối với hàng công nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng của chính sách ngoại thương của nước này. Thuế suất ngành hàng này giảm mạnh từ 81,4% năm 1991-1992 xuống 17,7% năm 2004-2005. Trong quá trình đàm phán Vòng Uruguay, Ấn Độ đã cam kết giảm

67% các dòng thuế, nhưng lại tăng 73,8% vào năm 2001. Hiện nay, mức thuế bình quân là 34,43% cho các sản phẩm phi nông sản (49,8% cho tất cả các sản phẩm) trong đó khoảng 43% trong các trường hợp không thuế không biên độ.

Với mức thuế này, mức thuế trung bình của Ấn Độ là rất cao. Tuy nhiên, Ấn Độ cũng cam kết giảm mức thuế xuống 12% để tạo sự cạnh tranh lớn hơn ở thị trường trong nước.

Về các mức thuế với hàng nông sản, Ấn Độ đã cam kết 100% các dòng thuế và mức thuế bình quân MFN 36,9%.

### ***Quan điểm của Ấn Độ về WTO***

- Với tư cách là thành viên sáng lập, Ấn Độ cam kết thúc đẩy sự thành công của quá trình tự do hóa thương mại đa phương.
- WTO có thể mở ra hệ thống thương mại tự do và công bằng, coi trọng lợi ích cần thiết và quan trọng của các nước đang phát triển.
- Vì mục đích đó, hoạt động của WTO phải minh bạch và tập trung vào tính hiệu quả của việc giải quyết đa dạng và đặc biệt và thực hiện thành công các Hiệp định của Vòng Đàm phán Uruguay.
- Hoạt động của WTO phải tập trung trước hết vào vấn đề thương mại. Việc mở rộng các hoạt động phải tính đến khả năng của các nước đang phát triển trong các cam kết với cộng đồng quốc tế và các nghĩa vụ khác.
- WTO phải chú trọng đến vấn đề cắt giảm các hàng rào phi thuế đối với thương mại (NTBs). Loại bỏ sự cạnh tranh không bình đẳng của việc thâm nhập thị trường.
- Ấn Độ ủng hộ và hướng tới việc đóng góp vào việc minh bạch hơn nữa trong các hoạt động của WTO trong việc tăng cường khả năng về thương mại của các thành viên.

### ***Quan điểm của Ấn Độ trong đàm phán WTO về nông nghiệp***

Chính phủ mới của Ấn Độ nhậm chức vào tháng 5/2005 và cam kết thúc đẩy cải cách kinh tế, tiếp tục duy trì bảo vệ sản xuất trong nước.

Ngày 10/6/2004, trước khi rời New Delhi đi Brazil dự Hội nghị UNCTAD lần thứ XI, Ông Kamal Nath, Bộ Trưởng Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ đã cho biết Chính phủ sẽ bảo vệ hoàn toàn an ninh lương thực và sản xuất nông nghiệp tại các cuộc đàm phán đa phương. Theo đó, quyền lợi của các nhà sản xuất nông nghiệp, an ninh lương thực và các vấn đề xã hội khác phải được bảo đảm hoàn toàn, chống lại các nỗ lực nhượng bộ thị trường tại Ấn Độ. Chủ trương của Chính phủ mới về WTO cơ bản như của Chính phủ tiền nhiệm.

Bộ trưởng Hóa chất và Phân bón R.V. Paswan thông báo Chính phủ không cắt giảm trợ cấp cho các nhà sản xuất trong nước, mặc dù các nước phát triển yêu cầu các nước đang phát triển, trong đó có Ấn Độ, cắt hoặc giảm thuế, giảm trợ cấp trong vấn đề nông nghiệp. Lý do được đưa ra là : (1) yêu cầu các nước phát triển cắt giảm trợ cấp nông nghiệp, (2) các nhà sản xuất Ấn Độ đang bán sản phẩm cho nông dân với giá thấp hơn nhiều so với chi phí sản xuất. Trợ cấp năm 2003-2004 của Chính phủ cho sản xuất phân bón toàn Ấn Độ là 12.500 Crores Rupees (1 Crore = 10.000.000 USD = 45,5RS)

Trước đó, đã có cuộc họp của nhóm các Bộ trưởng thành viên Chính phủ về các vấn đề WTO do Bộ trưởng Quốc phòng Pranab Mukherjee đứng đầu. Sau đó các đề xuất của nhóm này đã được trình lên Ban của Nội các về các vấn đề WTO do Thủ tướng Manmohan Singh phụ trách.

Bộ trưởng Thương mại và Công nghiệp khẳng định sẽ không có sự thỏa hiệp nào về an ninh lương thực của quốc gia trước khi có nhượng bộ về thị trường. Về phương pháp bảo vệ nền nông nghiệp, Ông này cho biết có các quy định về hình thức sản phẩm đặc biệt, cơ chế bảo hộ đặc biệt và quota mức thuế (TarrifRate Quota- TRQs).

## **Chương IV : QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM-ẤN ĐỘ**

### **1. Quan hệ Việt Nam-Ấn Độ**

Hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1954 : Ấn Độ mở Tổng Lãnh sự quán tại Hà Nội. Năm 1956, Việt Nam lập Tổng Lãnh sự quán tại New Delhi. Ngày 7/1/1972, hai nước nâng quan hệ ngoại giao lên cấp Đại sứ.

Quan hệ Việt Nam-Ấn Độ được thiết lập và phát triển trên cơ sở hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt.

Hai nước đã trao đổi một số Đoàn cấp cao : Thủ tướng đầu tiên của nước Cộng hoà Ấn Độ Jawaharlal Nerhu thăm Việt Nam năm 1954. Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Ấn Độ năm 1958. Thủ tướng Phạm Văn Đồng thăm Ấn Độ năm 1978 và 1980. Tổng Bí thư Lê Duẩn thăm Ấn Độ năm 1984, Thủ tướng Rajiv Gandhi thăm Việt nam năm 1985 và 1988. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh thăm Ấn Độ năm 1989. Tổng thống Ấn Độ R. Venkataraman thăm Việt Nam năm 1991. Tổng Bí thư Đỗ Mười thăm Ấn Độ năm 1992. Chủ tịch Quốc hội Việt nam thăm Ấn Độ năm 1994. Thủ tướng P. V. Narasimha Rao thăm Việt Nam năm 1994. Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm Ấn Độ năm 1997. Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm Ấn Độ năm 1999. Thủ tướng Ấn Độ A. B. Vajpayee thăm Việt Nam năm 2001. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thăm Ấn Độ năm 2003. Trong chuyến thăm của Tổng Bí thư, đã ký Tuyên bố chung về Khuôn khổ Hợp tác Toàn diện giữa hai nước.

Hai nước đã ký các Hiệp định : Thương mại, Tránh đánh thuế hai lần, Khuyến khích và Bảo hộ đầu tư, Lãnh sự, Hợp tác văn hóa, Hàng không, Du lịch. Hai nước cũng đã ký các Thỏa thuận : Tham khảo Chính trị giữa hai Bộ Ngoại giao, Hợp tác về Mỏ và Địa chất, Môi trường, Y học dân tộc và Nghị định thư về Hợp tác Quốc phòng.

Trong khuôn khổ đa phương, ngày 8/10/2003, Ấn Độ và Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã ký Hiệp định Khung về Hợp tác Kinh tế toàn diện. Thay mặt Chính phủ Việt Nam, Thủ tướng Phan Văn Khải đã ký Hiệp định này.

Kim ngạch buôn bán hai chiều năm 2008 đạt 2,479 tỷ USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu 387 triệu USD, nhập khẩu 2.092 triệu USD. Năm 2009, kim ngạch ước đạt 2,1 tỷ USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu 350 triệu USD.

Quan hệ Việt Nam-Ấn Độ đang có những thay đổi về chất. Trên cơ sở mối quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Jawaharlal Nerhu đặt nền móng, lãnh đạo hai nước đã quyết định nâng quan hệ lên tầm cao mới, thể hiện trong Tuyên bố Chung về Khuôn khổ Hợp tác toàn diện ký ngày 1/5/2003 nhân chuyến thăm lịch sử của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh. Theo tinh thần Tuyên bố Chung, hai nước đang xây dựng quan hệ đối tác toàn diện, tin cậy và lâu dài.

Tháng 7/2007, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng dẫn đầu Đoàn cấp cao Chính phủ thăm chính thức Ấn Độ. Hai bên ký tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước và 8 Văn kiện hợp tác quan trọng về các lĩnh vực nghề cá và nuôi trồng thủy sản, sử dụng năng lượng hạt nhân vì mục đích hòa bình, thành lập Trung tâm Đào tạo tiếng Anh tại Đà Nẵng, trao đổi đất và tài sản dành cho cơ quan đại diện ngoại giao hai nước, chương trình giao lưu văn hóa, nghiên cứu nông nghiệp và giáo dục, hợp tác giữa Tổng Công ty Thép Việt Nam và Tập đoàn Thép Tata Ấn Độ và hợp tác trong lĩnh vực giáo dục.

Tháng 11/2008, Tổng thống Ấn Độ, Bà Pratibha Devisingh Patil, thăm Việt Nam theo lời mời của Chủ tịch Nguyễn Minh Triết. Đây là chuyến thăm Việt Nam đầu tiên của Tổng thống Pratibha Davisingh Patil và là lần thứ hai Tổng thống Ấn Độ thăm nước ta kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao (năm 1972). Chuyến thăm Việt Nam cấp nhà nước của Bà Tổng thống Ấn Độ Pratibha Devisingh Patil thành công tốt đẹp, mở ra một giai đoạn hợp tác chặt chẽ và năng động hơn nữa giữa hai nước, vì hạnh phúc và sự thịnh vượng của nhân dân hai nước, sự phồn vinh của hai dân tộc, góp phần vào hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

## **2. Hiệp định Thương mại và Quy chế Tối huệ Quốc**

Việt Nam và Ấn Độ ký Hiệp định Hợp tác Kinh tế và Thương mại ngày 26/2/1978 và ký lại ngày 8/3/1997.

Hai bên nhất trí giành cho nhau chế độ ưu đãi tối huệ quốc (MFN) về giấy phép xuất nhập khẩu, thuế hải quan và tất cả các loại chi phí và thuế khác áp dụng cho việc nhập khẩu, xuất khẩu hoặc quá cảnh hàng hóa. Đồng thời giành cho nhau sự ưu đãi không thấp hơn mức giành cho bất cứ nước nào khác trong việc cấp giấy phép xuất nhập khẩu. Điều này có nghĩa là hàng hóa của Việt Nam và Ấn Độ được giành sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử

mà hai nước giành cho các nước khác.

Thông qua các điều khoản cụ thể của Hiệp định, hai nước cũng giành cho hàng hoá của nhau đối xử không kém thuận lợi hơn cho hàng hoá trong nước, về tất cả các khía cạnh như bán hàng, chào hàng, mua, vận tải, phân phối, lưu kho.

Hai nước nhất trí khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc tiếp xúc giữa các cá nhân và pháp nhân thông qua việc trao đổi các đoàn thương mại và kinh doanh, tham gia các hội chợ, triển lãm và trao đổi thông tin.

Hai bên xúc tiến hợp tác trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, sinh học, giao thông vận tải, du lịch và truyền thông, đào tạo cán bộ và các lĩnh vực khác mà hai bên cùng quan tâm.

Trong khuôn khổ pháp luật của mỗi nước và theo tập quán thương mại quốc tế, các cá nhân và pháp nhân của hai nước ký kết các hợp đồng xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ theo giá cả thị trường thế giới. Được tiến hành tự do việc xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ trên cơ sở hợp đồng buôn bán hai chiều, bù trừ, cho thuê và mua lại sản phẩm, hoặc bất cứ hình thức hợp tác kinh doanh nào được quốc tế thừa nhận.

Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 15 ở Hua Hin, Thái Lan, được sự uỷ quyền của Chính phủ Việt Nam và Ấn Độ, ngày 25 tháng 10 năm 2009, Bộ trưởng Công Thương Việt Nam Vũ Huy Hoàng và Bộ trưởng Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ Anand Sharma đã ký và trao Thỏa thuận về việc Ấn Độ công nhận nền kinh tế thị trường đầy đủ của Việt Nam. Văn kiện này nêu rõ, Chính phủ Ấn Độ cam kết áp dụng một cách bình đẳng các quy định của WTO về chống bán phá giá và trợ cấp đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam như các thành viên khác của WTO.

Việc Ấn Độ, nền kinh tế lớn trên thế giới, một thành viên tích cực của WTO, công nhận nền kinh tế thị trường đầy đủ của Việt Nam đã khẳng định thành công trong chính sách nhất quán của Chính phủ Việt Nam trong việc xây dựng một nền kinh tế thị trường phát triển lành mạnh, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam và các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

Cùng với Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN-Ấn Độ (AITIG), việc Ấn Độ công nhận nền kinh tế thị trường đầy đủ của Việt Nam có ý nghĩa quan trọng về kinh tế và chính trị, đánh dấu một bước tiến mới trong quan hệ hợp tác hữu nghị nhiều mặt giữa Việt Nam và Ấn Độ, góp phần tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giữ vững môi

trường phát triển ổn định và thịnh vượng trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, củng cố niềm tin cho các doanh nghiệp, các nhà đầu tư của Việt Nam và Ấn Độ, và tạo dựng môi trường thương mại thuận lợi, ổn định trong khu vực thương mại tự do ASEAN-Ấn Độ.

### **3. Hợp tác Công nghiệp Việt Nam-Ấn Độ**

#### **3.1. Lĩnh vực dầu khí**

Hiện Công ty ONGC đang tham gia 45% cổ phần trong Hợp đồng Chia sản phẩm (PSC) lô 06.1, 19 và 12E ngoài khơi Việt Nam ký ngày 19/5/1998. Hợp đồng đang được triển khai thuận lợi. Vừa qua, sản lượng khí thiên nhiên khai thác được trong năm 2006 đạt 4 tỷ m<sup>3</sup> và được cung cấp toàn bộ cho cụm Nhà máy điện Phú Mỹ.

Từ tháng 6/2006, ONGC đã ký với Petrovietnam 02 PSC cho các lô 127 và 128 thuộc Bể Phú Khánh ngoài khơi Trung bộ Việt Nam. Ngày 16/6/2006, Bộ Kế hoạch Đầu tư (MPI) đã cấp giấy phép Đầu tư số 2577/GP và 2578/GP để thực hiện các hợp đồng đã ký.

Hiện nay, Petrovietnam đã giới thiệu cho ONGC xem xét để có thể ký hợp đồng dầu khí tại các lô 135 và 135/3. Trong thời gian đó, bên cạnh các dự án đang được triển khai có hiệu quả tại Việt Nam, Petrovietnam sẽ tiếp tục mời ONGC tham gia đấu thầu các dự án tìm kiếm thăm dò khai thác dầu khí ở các lô còn mở ở thềm lục địa Việt Nam và đấu thầu quốc tế, cung cấp thiết bị dầu khí cho các dự án lọc dầu, hóa dầu...

Công ty Essar Energy Ltd. được thông báo trúng thầu lô 114 Bể Sông Hồng vào tháng 2/2008 và các bên đang đàm phán để ký hợp đồng.

Ngoài ra, ONGC và PIDC (Công ty của Petrovietnam nay là PVEP) còn ký biên bản ghi nhớ về hợp tác trong các dự án tìm kiếm thăm dò khí ở các nước thứ ba. Hiện cả hai bên đang tích cực thực hiện các thỏa thuận trong Biên bản ghi nhớ này.

Một số các công ty khác của Ấn Độ như International Manpower Resources, Larsen & Turbo Ltd., Tharmax Babcock & Wilcock, Ion Exchange, Godrej & Boyce... cũng bày tỏ mong muốn hợp tác trong việc cung cấp dịch vụ, quản lý và chuyên gia, thiết bị cho ngành công nghiệp dầu khí.

Hiện nay, chưa có dự án nào trong chế biến dầu khí, hóa dầu được ký với Ấn Độ, mặc dù một số công ty của Ấn Độ đã có quan tâm, song mới dừng lại ở mức gặp gỡ, trao đổi thông tin.

Nhìn chung, hợp tác với Ấn Độ trong lĩnh vực dầu khí thời gian qua tiến triển tốt, cần được hai bên tiếp tục tăng cường.

### **3.2. Lĩnh vực công nghiệp thép**

Ngành công nghiệp thép Việt Nam có hai dự án hợp tác với Ấn Độ.

Dự án thành lập liên doanh giữa Tổng Công ty Thép Việt Nam và Tổng Công ty Cao su Việt Nam với Tập đoàn Essar đầu tư nhà máy cán thép nóng công suất 2 triệu tấn/năm, vốn đầu tư 525 triệu USD. Công ty Liên doanh đã được thành lập từ cuối năm 2007, nhưng tạm dừng, chưa triển khai đầu tư được do nhà đầu tư Ấn Độ gặp khó khăn về tài chính và đã chuyển giao phần vốn góp trong liên doanh lại cho phía Việt Nam.

Dự án thành lập liên doanh giữa Tổng công ty Thép Việt Nam và Tập đoàn Cao su Việt Nam với Tập đoàn Thép Tata Ấn Độ đầu tư Nhà máy Liên hiệp Thép tại Hà Tĩnh, công suất 4,5 triệu tấn/năm, vốn đầu tư dự kiến 5 tỷ USD. Báo cáo nghiên cứu khả thi do Công ty tư vấn Corus, Công ty con của Tata, lập đã hoàn thành, chủ đầu tư đã nộp hồ sơ xin cấp giấy Chứng nhận đầu tư lên Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng từ 18/8/2008. Thời gian qua có nảy sinh vấn đề về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và địa điểm đặt nhà máy. Tuy nhiên, các vấn đề trên đã được giải quyết ổn thỏa. Sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư, dự án sẽ tổ chức lễ khởi công, động thổ.

### **3.3. Lĩnh vực năng lượng**

Phía Ấn Độ (Công ty Điện năng Bharat, Tập đoàn Jindal, Tổng Công ty Thủy điện, Nhiệt điện...) bày tỏ quan tâm, tìm hiểu ngành điện Việt Nam, đặc biệt về các dự án thủy điện nhỏ và nhiệt điện.

Với ba Dự án thủy điện Nậm Chiến, Hương Sơn và Sông Bung, Việt Nam hoan nghênh thiện chí của Ấn Độ tham gia các dự án nói trên. Cả ba dự án này đều nằm trong quy hoạch thủy điện của Việt Nam. Ngày 25/6/2007, Chính phủ đã phê duyệt danh mục dự án, gồm thủy điện Nậm Chiến và thủy điện A Lưới được sử dụng tín dụng ưu đãi (ODA) của Chính phủ Ấn Độ.

### **3.4. Lĩnh vực hóa chất**

Dự án thuốc kháng sinh công suất 300 tấn cephalosporin/năm, tổng đầu tư khoảng 20 triệu USD đã được ký biên bản ghi nhớ vào tháng 12/2007 để triển khai lập dự án và hồ sơ liên doanh.

Dự án soda công suất từ 500.000-800.000 tấn/năm đã ký biên bản ghi nhớ vào tháng 12/2007 để triển khai lập dự án và hồ sơ liên doanh.

Các bên đã ký Hợp đồng liên doanh Dự án carbon black công suất 100.000 tấn/năm và đang chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng công trình.

## 4. Quan hệ Thương mại song phương Việt Nam-Ấn Độ

### 4.1. Số liệu xuất nhập khẩu Việt Nam-Ấn Độ

Đơn vị tính : Triệu USD

Nội dung	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009*
Việt Nam XK	32,27	77,24	97,76	880,28	179,70	388,99	265,72
Việt Nam NK	456,95	593,53	598,79	137,84	1.356,93	2.094,40	1.175,78
Tổng XNK	489,22	670,77	696,55	1.018,12	2.536,63	2.483,39	1.441,50
Cán cân TM	-424,68	-516,29	-501,03	-742,44	1.177,23	-1.705,41	-010,06

Nguồn : Bộ Công Thương Việt Nam

\* 9 tháng đầu năm 2009

Việt Nam và Ấn Độ có quan hệ thương mại từ nhiều năm qua. Kim ngạch xuất nhập khẩu đều tăng qua các năm. Chỉ tính riêng từ 2003 đến 2008, kim ngạch đã tăng gấp 5 lần, từ 490 triệu USD lên 2.483 triệu USD.

Xét về cơ cấu hàng hóa, Việt Nam xuất khẩu sang Ấn Độ nhiều chủng loại hàng, từ nông sản (chè, hạt tiêu, cà phê, cao su tự nhiên, hồi, quế...), khoáng sản đến may mặc, da đến hàng điện tử và hàng cơ khí....

### Một số Mặt hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam-Ấn Độ

Đơn vị tính : Triệu USD

Việt nam Xuất khẩu			Việt nam Xuất khẩu		
Mặt hàng	Năm 2008	Tỷ lệ % so với 2007	Mặt hàng	Năm 2008	Tỷ lệ % so với 2007
Tổng số	388,99	116,47	Tổng số	2.094,40	54,34
Sắt thép các loại	60,32		Thức ăn gia súc	791,11	
Than đá	52,11		Máy thiết bị	152,87	
Máy tính, hàng điện tử	28,92		Tân dược	105,86	
Quặng sắt	14,68		Sắt thép các loại	92,43	
Urea	14,37		Bông	79,68	
Cà phê	9,74		Nguyên phụ liệu dệt may	56,63	
Quế	9,465		Chất dẻo nguyên liệu	53,28	
Chất dẻo nguyên liệu	9,21		Hóa chất	43,83	
Hạt tiêu	8,92		Thuốc trừ sâu	42,46	
Sản phẩm hóa chất	6,74		Sợi các loại	23,19	
Giày dép	6,48		Giấy	12,04	
Cao su	6,56		Hải sản	11,16	
Chè	2,74		Phụ Tùng ô tô	3,96	
Sản phẩm dệt may	1,70		Sản phẩm xăng dầu	2,43	
Sản phẩm chất dẻo	1,55		Đường	0,62	

Nguồn : Bộ Công Thương Việt Nam

Tiềm năng hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Ấn Độ : nông sản (hạt điều, gia vị, chè xanh, chè đen, lạc, tơ, thực phẩm đóng hộp), cao su tự nhiên, hàng mỹ nghệ, vật liệu xây dựng và thiết bị vệ sinh, quần áo may sẵn...

Tiềm năng hàng xuất khẩu của Ấn Độ sang Việt Nam : hàng điện công nghiệp nhẹ, viễn thông, phương tiện vận tải, hàng điện tử, phụ tùng máy và thiết bị, sắt thép, phân bón...

Các lĩnh vực 2 nước có thể thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại... là trồng chè và cà phê, cao su, chế biến thực phẩm, sản xuất phân bón, du lịch, khai thác khí đốt tự nhiên, công nghệ sinh học, năng lượng nguyên tử, viễn thám, công nghệ thông tin, đào tạo và giáo dục, điện...

**Quan hệ thương mại Ấn Độ- Việt Nam. Đơn vị : triệu USD**  
(theo năm tài chính của Ấn Độ)

STT	Năm	2003-2004	2004-2005	2005-2006	2006-2007	2007-2008
1.	<b>Xuất khẩu</b>	410,43	555,96	690,68	981,84	1.602,38
2.	% tăng		35,46	24,23	42,16	63,20
3.	Tổng XK của Ấn Độ	63.842,55	83.535,95	103.090,54	126.262,67	162.904,15
4.	% tăng		30,85	23,41	22,48	29,02
5.	% tỷ trọng	0,64	0,67	0,67	0,78	0,98
6.	<b>Nhập khẩu</b>	38,21	86,50	131,39	167,52	173,39
7.	% tăng		126,35	51,89	27,50	3,50
8.	Tổng NK của Ấn Độ	78.149,11	111.517,44	149.165,73	185.604,10	251.439,17
9.	% tăng		42,70	33,76	24,43	35,47
10.	% tỷ trọng	0,05	0,08	0,09	0,09	0,07
11.	<b>Tổng XNK</b>	448,65	642,46	822,06	1.149,36	1.775,76
12.	% tăng		43,20	27,96	39,81	54,50
13.	Tổng XNK của Ấn Độ	141.991,66	195.053,38	252.256,27	311.866,78	414.343,32
14.	% tăng		37,37	29,33	23,63	32,86
15.	% tỷ trọng	0,32	0,33	0,33	0,37	0,43
16.	<b>Cán cân thương mại</b>	372,22	469,46	559,29	814,32	1.428,99
17.	Còn cõn TM của Ấn Độ	-14.306,56	-27.981,49	-46.075,20	-59.341,43	-88.535,02
	Tỷ giá: (Rs./USD)	45,9516	44,9315	4,2735	45,2849	40,2607

Nguồn: Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ (MOCI)

#### 4.2. Nhận xét, đánh giá :

+ Quan hệ Thương mại Việt Nam-Ấn Độ đã có từ lâu. Quan hệ chính trị giữa 2 nước rất tốt. 2 nước có nhiều điểm tương đồng : nước đang phát triển,

trước đây đều là thuộc địa của các nước đế quốc, nông nghiệp chiếm phần quan trọng trong sản xuất của đất nước, các nhóm hàng xuất khẩu khá giống nhau, tiến hành cải cách nền kinh tế theo cơ chế thị trường...

+ Tuy nhiên, kim ngạch buôn bán giữa 2 nước phát triển rất chậm. Việt Nam chịu nhập siêu khá lớn và liên tục từ Ấn Độ.

+ Tỷ lệ kim ngạch xuất nhập khẩu 2 chiều giữa 2 nước rất thấp so với tổng kim ngạch của cả phía Việt Nam cũng như phía Ấn Độ.

+ Nền kinh tế Ấn Độ còn mang nặng tính bao cấp của chính phủ.

+ Nguyên nhân của tình hình thương mại chưa phát triển giữa 2 nước :

- Các doanh nghiệp Việt Nam chưa thật quan tâm tới thị trường tiềm năng này.

- Phong tục tập quán, lối sống, tôn giáo, trang phục, ăn uống hàng ngày của 2 nước rất khác nhau.

- Doanh nghiệp hai nước đều chưa coi nhau là thị trường trọng điểm cần đẩy mạnh khai thác.

- Hàng hóa của cả 2 nước chưa thật cạnh tranh về giá cả, chất lượng, mẫu mã, thời hạn giao hàng.

- Hàng rào thuế quan bảo hộ của Ấn Độ rất cao. Tuy đã có điều chỉnh giảm trong một vài năm gần đây, song vẫn còn là một trong những nước có mức thuế hải quan cao nhất thế giới.

- Ấn Độ có chủ trương sản xuất hướng về xuất khẩu nhưng thực tế còn rất mờ nhạt. Đất nước cố gắng sản xuất được nhiều hàng hóa để tiêu dùng thì càng tốt. Đó là tư duy của nền sản xuất thay thế hàng nhập khẩu.

Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa 2 nước năm 2009-2010 và các năm tiếp theo vẫn tăng, nhưng mang tính chất của tăng cơ học nhiều hơn.

***Những tranh chấp thương mại thường xảy ra giữa các công ty Việt Nam và Ấn Độ :***

+ *Về xuất khẩu :*

- Các công ty Việt Nam xuất khẩu sang Ấn Độ thường là những công ty có quy mô vừa và nhỏ. Nguồn hàng thường là thu mua từ các đơn vị, cá nhân khác nhau trong nước, nhất là nông sản. Do đó, chất lượng hay thay đổi và có những lúc không đúng như quy định trong hợp đồng hay mẫu hàng đã ký. Người mua Ấn Độ thường hay phàn nàn, khiếu nại về vấn đề này.

- Việc giao hàng không đúng thời hạn cũng xảy ra, chủ yếu là do các công ty xuất khẩu của Việt Nam chưa chuẩn bị đủ hàng khi đến hạn giao hàng.

- Một số công ty Việt Nam đôi khi chấp nhận khá dễ dãi đề nghị của phía các công ty Ấn Độ thanh toán theo phương thức D/P (Document against Payment), thanh toán chậm, thậm chí D/A (Document against Acceptance) mà không đấu tranh, đàm phán để sử dụng phương thức thanh toán theo Thư tín dụng không hủy ngang (Irrevocable Letter of Credit at sight-Irr. L/C AS). Phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng là phương thức thanh toán phổ biến trong thương mại quốc tế và rất bảo đảm quyền lợi của người bán.

Vì chấp nhận phương thức thanh toán D/P hoặc D/A nên khi hàng đến cảng Ấn Độ, vì lý do nào đó, người nhập khẩu không nhận hàng, chậm hoặc không thanh toán thì các công ty Việt Nam bị thiệt hại. Người nhập khẩu sẽ gây sức ép yêu cầu người xuất khẩu giảm giá, không nhận hàng... Lúc đó chi phí để đưa hàng về lại Việt Nam là rất đáng kể với các thủ tục phức tạp.

- Về chất lượng, nhiều khi trong hợp đồng không quy định rõ giám định hàng hóa tại cảng đi là cuối cùng. Khi hàng đến cảng nhận, người mua lại yêu cầu một công ty giám định khác. Kết quả tất yếu là chất lượng hàng không đúng như quy định trong hợp đồng và người nhập khẩu tiến hành khiếu nại.

+ *Về nhập khẩu :*

- Khách hàng Ấn Độ hầu như yêu cầu các công ty Việt Nam mở Irr. L/C AS. Đây là một thực tế : khi xuất hàng, nhiều công ty Việt Nam chấp nhận phương thức thanh toán D/P, D/A. Nhưng với hàng nhập khẩu, nhiều công ty Việt Nam phải chấp nhận phương thức thanh toán Irr. L/C AS.

- Thông thường khách hàng Ấn Độ đưa ra điều khoản giám định chất lượng và số lượng tại cảng đi là cuối cùng. Như vậy, đã vô hiệu hóa toàn bộ việc khiếu nại tại cảng đến hoặc khi nhận hàng nếu hàng thiếu, hoặc chất lượng không như quy định của hợp đồng, của mẫu hàng.

- Với phương thức thanh toán bằng D/P hoặc D/A, khi hàng đến cảng và vì lý do nào đó (giá cả thị trường giảm bất lợi cho người mua, khả năng thanh toán hạn chế...), người nhập khẩu sẽ từ chối nhận hàng và thanh toán, yêu cầu giảm giá, ép giá, từ chối ký vào văn bản không nhận hàng. Như vậy, thiệt hại cho công ty Việt Nam sẽ rất lớn.

- Có trường hợp xuất hàng sang Việt Nam, nhưng toàn bộ chứng từ giao hàng (shipping documents) bị làm giả : vận đơn đường biển, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, chứng thư giám định... Sau đó bộ chứng từ

được gửi đến ngân hàng mở L/C tại Việt Nam và trị giá lô hàng được thanh toán cho người xuất khẩu.

- Có thể công ty xuất khẩu của Ấn Độ chấp nhận điều khoản giám định do người mua hoặc đại diện của người mua thực hiện tại cảng đi. Tuy nhiên, thực tế người mua hoặc đại diện của người mua khó có thể thực hiện được việc này với địa điểm tại nước người bán, số lượng hàng lớn và tập kết ra cảng từ nhiều kho của người xuất khẩu.

### **4.3. Những biện pháp để tăng cường xuất khẩu từ Việt Nam**

Ấn Độ là thị trường rộng lớn và tiềm năng về lâu dài. Để tăng thị phần hàng xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này, cần giải quyết các biện pháp sau đây:

#### **1. Tổ chức sản xuất trong nước**

- Ấn Độ là nước ở khu vực Nam Á, có nền văn minh, phong tục tập quán, tôn giáo và thói quen tiêu dùng rất khác biệt với các nước Đông và Đông Nam Á. Để đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường này và tăng thị phần của hàng Việt Nam, các Doanh nghiệp nước ta cần tìm hiểu thêm những nét cơ bản về lịch sử, phong tục tập quán, thói quen tiêu dùng, khả năng kinh tế và sức mua của từng loại đối tượng khác nhau tại Ấn Độ. Trên cơ sở đó, chúng ta mới có những hàng hoá và dịch vụ phù hợp.

- Tăng cường đầu tư máy, thiết bị, công nghệ để có được các loại hàng hoá chất lượng cao, nhưng giá cả cạnh tranh. Sẽ tạo được những chủng loại hàng hoá bạn có nhu cầu nhưng hiện nay ta chưa đáp ứng được, tăng thêm giá trị gia tăng và tạo việc làm trong nước. Đồng thời chú trọng tới khâu thiết kế, tạo mẫu hàng hoá để làm phong phú và đa dạng nguồn hàng.

- Cần tìm mọi cách để giảm chi phí sản xuất trong nước bằng việc giảm các chi phí đầu vào (nguyên liệu, điện, nước, nhân công, hao phí vật tư, vận chuyển trong nước và vận chuyển đường biển...). Qua đó, hàng hóa sẽ có giá cạnh tranh và thu hút người tiêu dùng mà trước hết là các công ty nhập khẩu.

- Khuyến khích hơn nữa các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu cho các doanh nghiệp có hàng xuất vào những thị trường khó khăn như Ấn Độ, Pakistan, Bangladesh, Sri Lanka...

#### **2. Xuất khẩu hàng hoá sang Ấn Độ**

- Cần tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường và khách hàng. Tổ chức nhiều hơn và thường xuyên cho các doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm, hội thảo tại Ấn Độ. Ấn Độ là một nước lớn, có quan hệ chính trị với Việt Nam rất tốt. Tuy nhiên, Ấn Độ là một nước lớn về diện

tích và dân số. Hiểu biết cơ bản của nhiều người về Việt Nam, đặc biệt với giới trẻ, là rất ít. Đây là việc làm rất cần thiết của công tác quảng bá hình ảnh Việt Nam và trong tiếp thị.

- Công tác tiếp thị cần tập trung chủ yếu vào những nhóm mặt hàng hoặc mặt hàng mà Việt Nam có thế mạnh, đồng thời tránh việc tập trung tiếp thị, đẩy mạnh quảng cáo các nhóm mặt hàng không phù hợp với thói quen, tôn giáo và tín ngưỡng của người dân Ấn Độ (Ví dụ như tiếp thị quảng cáo thịt bò và sản phẩm vào thị trường nước này vì người dân thờ thần bò và không ăn thịt bò, Ấn Độ có lượng người theo Đạo Hồi khá lớn nên không ăn thịt lợn).

- Các doanh nghiệp Việt Nam cần được thông tin nhiều hơn nữa về đất nước, con người Ấn Độ, đặc biệt là chính sách kinh tế, thương mại, thông tin về thị trường.

- Làm thương mại với thị trường Ấn Độ cần có sự kiên trì. Trong khoảng 5 năm nữa, thị trường Ấn Độ sẽ có những bước chuyển rất đáng kể. Nếu không chuẩn bị ngay từ bây giờ thì có thể chúng ta sẽ chậm với sự biến đổi tích cực này. Chú trọng trước mắt tăng cường các mặt hàng khe của các nhóm hàng trùng lặp và cả 2 nước đều cố gắng đẩy mạnh xuất khẩu.

- Các Công ty Ấn Độ có kinh nghiệm làm thương mại, đồng thời không ít Công ty có những tiểu xảo tinh vi trong giao dịch và thực hiện hợp đồng. Họ có đội ngũ cán bộ được đào tạo tương đối tốt ở trong và ngoài nước. Các Công ty Việt Nam thường bức xúc về thị trường và hàng xuất khẩu. Hơn nữa, kể từ khi có Nghị định 57/CP năm 1997 của Chính phủ, việc xuất nhập khẩu trực tiếp cho doanh nghiệp các thành phần kinh tế được tự do. Họ đều có thể trực tiếp xuất nhập khẩu. Đội ngũ cán bộ của nhiều doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp tư nhân, có trình độ không cao, thiếu hẳn tính chuyên nghiệp về thương mại quốc tế. Do đó dễ chấp nhận các điều khoản bất lợi, thiếu bình đẳng về thanh toán, giám định, chế tài... Khi xảy ra tranh chấp, phía các Công ty Việt Nam thường phải chấp nhận thiệt hại hơn.

Cần nâng cao hơn nữa trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý và thực thi xuất nhập khẩu, phục vụ cho công tác xuất nhập khẩu không chỉ riêng với thị trường Ấn Độ.

- Chi phí các loại nói chung và chi phí đường biển Việt Nam - Ấn Độ nói riêng cần được xem xét để giảm bớt ở mức độ nhất định. Cần chú ý tới làm ăn lâu dài với thị trường rộng lớn và giàu tiềm năng này.

## **5. Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN-Ấn Độ và các văn kiện liên quan**

### **5.1. Giới thiệu chung về quan hệ ASEAN-Ấn Độ**

Quan hệ chính trị, kinh tế, thương mại của ASEAN và Ấn Độ đang phát triển mạnh mẽ trong thời gian gần đây. Song song với thực hiện mục tiêu thiết lập Cộng đồng ASEAN vào năm 2015, ASEAN đã và đang tích cực mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại với các đối tác ngoại khối. Bên cạnh các đối tác như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, New Zealand, ASEAN cũng mong muốn tăng cường quan hệ nhiều mặt với Ấn Độ, một trong những đối tác kinh tế quan trọng trong khu vực. Ấn Độ là đối tác thương mại đứng thứ 7 của ASEAN với tổng kim ngạch thương mại đạt trên 50 tỷ USD. Ấn Độ là nước đi tiên phong trong lĩnh vực công nghệ thông tin và xuất khẩu dịch vụ trên thế giới và đây cũng là những lĩnh vực mà ASEAN cũng mong muốn cùng hợp tác, phát triển. Về phía Ấn Độ, việc tăng cường liên kết kinh tế với ASEAN là một phần trong “Chính sách Hướng Đông”, được kỳ vọng sẽ tạo nên diện mạo mới của Ấn Độ với các đối tác trong khu vực. ASEAN hội đủ mọi điều kiện địa-chính trị và địa-kinh tế để trở thành cửa ngõ giúp Ấn Độ kết nối với khu vực Đông Á, củng cố và phát huy ưu thế ngày càng tăng trên trường quốc tế.

Nhận thức được tầm quan trọng về kinh tế, chính trị của mối liên kết ASEAN và Ấn Độ, ngay từ năm 2003, ASEAN đã lựa chọn Ấn Độ là một trong những đối tác đầu tiên để thiết lập một Khu vực thương mại tự do ASEAN-Ấn Độ (AIFTA). Việc thành lập Khu vực thương mại tự do có quy mô trên 1,5 tỉ người tiêu dùng này sẽ góp phần đưa quan hệ ASEAN-Ấn Độ lên một tầm cao mới, hỗ trợ tích cực cho tiến trình hội nhập khu vực Đông Á. Với động lực đó, tại Hội nghị Cấp cao ASEAN-Ấn Độ tại Hua Hin, Thái Lan tháng 10 năm 2009, Lãnh đạo các Bên nhất trí sẽ phấn đấu đưa kim ngạch thương mại hai chiều lên 70 tỷ đô la Mỹ vào năm 2011.

### **5.2. Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN-Ấn Độ (AITIG) và các văn kiện liên quan**

#### **+ Bối cảnh đàm phán và ký kết Hiệp định**

Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN-Ấn Độ ngày 18 tháng 10 năm 2003 tại Bali, Indonesia, các Nhà Lãnh đạo quốc gia của các nước ASEAN và Ấn Độ đã ký kết Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế toàn diện ASEAN-Ấn Độ, trong đó xác định mục tiêu thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN-Ấn Độ (AIFTA) trong vòng 10 năm thông qua việc đàm phán cắt giảm các rào cản chính trong 3 lĩnh vực thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu

tư để tăng cường thương mại và đầu tư nội bộ khu vực, phát huy lợi thế kinh tế theo quy mô của cả khu vực. Sau hơn 5 năm đàm phán, tại Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN-Ấn Độ ngày 16 tháng 8 năm 2009 tại Bangkok, Thái Lan, các Bộ trưởng Kinh tế của các nước thành viên ASEAN và Ấn Độ đã ký kết 4 văn kiện:

1. Hiệp định Thương mại hàng hóa trong khuôn khổ Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN-Ấn Độ (AITIG);

2. Hiệp định về Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN-Ấn Độ (DSM);

3. Nghị định thư về sửa đổi Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN-Ấn Độ;

4. Bản ghi nhớ về giải thích Điều 4, Hiệp định AITIG.

Ngày 24 tháng 10 năm 2009, tại Hội nghị Tham vấn giữa các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN-Ấn Độ bên lề Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 15, Bộ trưởng Bộ Công Thương Vũ Huy Hoàng, thay mặt Chính phủ Việt Nam, đã ký Hiệp định AITIG và các văn kiện liên quan trong khuôn khổ thiết lập Khu vực thương mại tự do ASEAN-Ấn Độ (AIFTA). Trên kênh song phương, Việt Nam và Ấn Độ cũng đã ký Thỏa thuận ghi nhớ về việc Ấn Độ công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường đầy đủ (MES). Đây là thỏa thuận rất có ý nghĩa, khẳng định mối quan hệ đối tác bình đẳng, đồng thời thể hiện sinh động mối quan hệ tốt đẹp trên cả hai phương diện kinh tế và chính trị giữa Việt Nam và Ấn Độ.

Hiệp định AITIG sẽ có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đối với các nước đã hoàn tất thủ tục phê duyệt. Đối với Việt Nam, Hiệp định dự kiến sẽ có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 3 năm 2010.

**+ Nội dung chính của Hiệp định AITIG và các văn kiện liên quan**

**- Hiệp định AITIG**

Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN-Ấn Độ (AITIG) gồm 24 Điều khoản với nội dung chính là các nguyên tắc thực thi lộ trình cắt giảm thuế quan được các nước ASEAN và Ấn Độ thống nhất nhằm thiết lập Khu vực thương mại tự do ASEAN-Ấn Độ (AIFTA). Nội dung Hiệp định được xây dựng trên cơ sở của Hiệp định GATT/WTO với một số điều khoản chính như sau:

(1) *Điều 4 (Cắt giảm và loại bỏ thuế quan)*: Các nước sẽ giảm hoặc xóa bỏ thuế nhập khẩu từ mức thuế thông thường (mức MFN) áp dụng cho hàng hoá có xuất xứ từ ASEAN và Ấn Độ theo lộ trình đã cam kết.

(2) *Điều 8 (Các biện pháp phi thuế quan)*: Các nước không được ban hành mới hoặc duy trì bất kỳ một biện pháp phi thuế quan nào cho hàng hóa nhập khẩu của ASEAN và Ấn Độ trái với quy định của WTO.

(3) *Điều 10 (Các biện pháp tự vệ)* và *Điều 11 (Các biện pháp tự vệ với cán cân thanh toán)*: Các nước là thành viên WTO được tiếp tục áp dụng các biện pháp tự vệ phù hợp với quy định của Hiệp định Tự vệ và Hiệp định Nông nghiệp của WTO. Ngoài ra, một nước có thể áp dụng biện pháp tự vệ riêng trong khuôn khổ AIFTA đối với hàng hoá:

. Trong một giai đoạn quá độ bắt đầu từ ngày Hiệp định có hiệu lực và kết thúc sau (5) năm kể từ ngày hoàn thành việc loại bỏ/cắt giảm thuế đối với hàng hoá đó.

. Có lượng nhập khẩu hàng hoá đó từ các nước trong AIFTA khác tăng lên về mặt số lượng, kể cả tuyệt đối cũng như tương đối so với sản xuất trong nước, và đe dọa nghiêm trọng tới ngành sản xuất của nước nhập khẩu sản xuất ra hàng hoá tương tự hoặc hàng hoá cạnh tranh trực tiếp tại nước đó.

Các biện pháp tự vệ cụ thể được áp dụng gồm (i) ngừng việc tiếp tục giảm thuế theo Hiệp định này của hàng hoá đó; hoặc (ii) tăng thuế của hàng hoá liên quan đến mức không vượt quá mức thuế MFN áp dụng cho hàng hoá đó tại thời điểm tiến hành biện pháp tự vệ hoặc mức thuế MFN áp dụng cho hàng hoá có hiệu lực tính từ ngày có hiệu lực của Hiệp định này. Biện pháp tự vệ AIFTA có thể được duy trì trong (3) năm và có thể được gia hạn nhưng thời gian gia hạn không được vượt quá (1) năm và bắt buộc phải được ngừng áp dụng khi kết thúc giai đoạn chuyển đổi cho hàng hoá đó. Biện pháp tự vệ AIFTA không được áp dụng chống lại hàng hoá có xuất xứ từ lãnh thổ một bên, nếu thị phần nhập khẩu của hàng hoá liên quan không vượt quá (3)% tổng nhập khẩu của hàng hoá liên quan từ các bên khác.

Ngoài ra các bên cũng được phép áp dụng các biện pháp tự vệ cần thiết để bảo vệ cán cân thanh toán phù hợp với các quy định của WTO.

(4) *Điều 17 (Ủy ban hỗn hợp)*: Một Ủy ban hỗn hợp gồm đại diện của các bên được thành lập để rà soát việc thực hiện Hiệp định trong vòng 1 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực và sau đó 2 năm một lần hoặc khi cần thiết.

(5) *Điều 23 (Thời hạn hiệu lực)*: Hiệp định AITIG có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010. Khi một nước không thể hoàn thành thủ tục trong nước của mình để thực hiện hiệp định vào ngày 1 tháng 1 năm 2010, Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 6 năm 2010 hoặc vào ngày mà nước đó thông báo cho tất cả các nước khác, tùy thời điểm nào sớm hơn.

*(6) Quy tắc xuất xứ:*

Vấn đề cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) là một thủ tục quan trọng được quy định trong Hiệp định AITIG. Với quan điểm xuất phát từ thực tế kinh doanh, khuyến khích thương mại và nhất quán với các cam kết mà ASEAN đã có với các đối tác khác như Trung Quốc, Hàn Quốc, hai bên cũng đã thống nhất được tiêu chí xác định xuất xứ cho hàng hoá AIFTA. Quy tắc xuất xứ chung trong AIFTA là chuyển đổi mã số thuế ở cấp HS 6 số (CTSH) +35% hàm lượng giá trị nội khối và danh mục các công đoạn gia công chế biến tối thiểu. Ngoài ra, AIFTA sẽ có một danh mục gồm các sản phẩm yêu cầu quy tắc xuất xứ cụ thể (PSR).

Các quy định thủ tục cấp và kiểm tra quy trình cấp C/O AIFTA cũng tương tự như các quy định trong các Hiệp định FTA khác mà Việt Nam đã tham gia nhưng nội dung chặt chẽ hơn gồm (i) công nhận C/O giáp lưng; (ii) công nhận hóa đơn của nước thứ 3 và (iii) các công đoạn gia công tối thiểu. Các bên chấp nhận cấp C/O giáp lưng với điều kiện là hàng hóa phải nằm trong lãnh thổ hải quan. Về hóa đơn bên thứ ba cấp, các bên thống nhất hóa đơn bên thứ ba cấp là các nước thuộc AIFTA hoặc ngoài AIFTA. Về danh mục các công đoạn gia công tối thiểu (gồm các công đoạn đơn giản trong quy trình sản xuất, chế biến sản phẩm mà không được xem xét chấp nhận xuất xứ cho hàng hoá, sản phẩm cụ thể trong khu vực AIFTA), ASEAN và Ấn Độ sử dụng danh mục đã được ASEAN sử dụng trong Hiệp định CEPT.

***- Bản Ghi nhớ về thực hiện Điều 4, Hiệp định AITIG***

Bản Ghi nhớ về Điều 4, Hiệp định AITIG quy định, nghĩa vụ thực hiện cắt giảm thuế theo Hiệp định AITIG sẽ không ảnh hưởng đến quyền của một bên áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn việc vận chuyển, buôn bán các chất thải độc hại phù hợp với Công ước Basel về Kiểm soát chất thải xuyên biên giới. Việt Nam đã là thành viên của Công ước Basel từ ngày 13 tháng 3 năm 1995.

***- Nghị định thư về sửa đổi Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN-Ấn Độ***

Nghị định thư sửa đổi Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện ASEAN-Ấn Độ là văn kiện pháp lý hóa một số điều chỉnh về thời hạn cam kết và các thỏa thuận so với quy định trong Hiệp định khung. Nghị định thư bao gồm 7 điều, cụ thể:

. Điều chỉnh thời hạn thực hiện lộ trình giảm thuế như sau: Các nước ASEAN 5 (gồm ASEAN 6 trừ Philippines) và Ấn Độ hoàn thành giảm thuế

trước 31 tháng 12 năm 2013. Việt Nam và các nước CLMV (Căm Pu Chia, Lào, Myanmar và Việt Nam) hoàn thành giảm thuế trước 31 tháng 12 năm 2018. Có linh hoạt về tiến độ hoàn thành 3 năm đối với một số dòng thuế.

. Bãi bỏ “Chương trình Thu hoạch sớm” đã được các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN và Ấn Độ thống nhất từ năm 2003;

. Quy định lại thời gian hoàn thành đàm phán thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và đầu tư trong AIFTA theo đúng thực tế tiến độ đàm phán (lĩnh vực thương mại hàng hóa và quy tắc xuất xứ kết thúc vào năm 2009, đàm phán dịch vụ và đầu tư kết thúc vào năm 2009 hoặc vào thời gian do các bên nhất trí);

. Điều chỉnh lại thời gian hoàn thành đàm phán Hiệp định về Cơ chế giải quyết tranh chấp sẽ kết thúc trong năm 2009;

. Nghị định thư sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2010.

***- Thỏa thuận ghi nhớ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Ấn Độ về việc công nhận quy chế kinh tế thị trường đầy đủ của Việt Nam (Thỏa thuận ghi nhớ)***

Thỏa thuận ghi nhớ được Bộ trưởng Công Thương Việt Nam Vũ Huy Hoàng và Bộ Trưởng Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ Anand Sharma ký kết vào ngày 25 tháng 10 năm 2009 bên lề Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 15 tại Hua Hin, Thái Lan. Nội dung Thỏa thuận nêu rõ, Ấn Độ công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường đầy đủ và sẽ không áp dụng đoạn 255 của Báo cáo Ban Công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO trong quan hệ thương mại Việt Nam-Ấn Độ. Như vậy, cùng với việc ký kết AITIG, hàng hóa Việt Nam sẽ được Ấn Độ đối xử một cách bình đẳng như các thành viên WTO khác.

***- Hiệp định Cơ chế giải quyết tranh chấp ASEAN-Ấn Độ***

Đây là Hiệp định có tính chất hỗ trợ về mặt pháp lý, đưa ra cơ chế giải quyết tranh chấp nhằm đảm bảo cho việc thực hiện nghiêm túc cam kết tự do hoá thương mại. Về cơ bản các nội dung của Hiệp định DSM được đàm phán chủ yếu dựa trên các quy định của WTO.

Hiệp định gồm 22 Điều khoản và 01 phụ lục quy định thủ tục và cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện cam kết tự do hoá thương mại hàng hoá để thành lập AIFTA. Hiệp định quy định quá trình giải quyết tranh chấp gồm 02 bước: tham vấn và thủ tục trọng tài. Quá trình tham vấn được khởi động khi một bên (bên khiếu nại) gửi yêu cầu tham vấn cho một bên khác (bên bị khiếu nại) khi có căn cứ cho rằng bên bị khiếu nại không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình quy định

trong các Hiệp định liên quan dẫn đến thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp đối với bên khiếu nại. Nếu yêu cầu tham vấn bị từ chối hoặc được tiến hành nhưng hai bên không tìm được giải pháp thì bên khiếu nại có quyền yêu cầu thành lập Ủy ban trọng tài để giải quyết tranh chấp.

Ủy ban trọng tài bao gồm 03 trọng tài viên, trong đó mỗi bên chỉ định một trọng tài viên và trọng tài thứ ba được lựa chọn theo sự nhất trí của các bên và sẽ đóng vai trò chủ tịch của Ủy ban trọng tài. Ủy ban trọng tài hoạt động theo trình tự thủ tục quy định trong Hiệp định này và ra phán quyết trên cơ sở đồng thuận. Trường hợp không thể đồng thuận thì sẽ ra quyết định theo đa số. Quyết định trọng tài có giá trị chung thẩm và ràng buộc đối với các bên trong vụ tranh chấp. Các bên có nghĩa vụ thực thi những kiến nghị đề ra trong quyết định cuối cùng của Ủy ban trọng tài.

### **5.3. Lộ trình cam kết giảm thuế**

#### **+ Lộ trình giảm thuế của Việt Nam**

Theo Biểu thuế quan hài hòa năm 2007 (HS 2007), Việt Nam đưa 9.186 dòng thuế ở cấp độ HS 8 số vào diện cắt giảm theo cam kết trong Hiệp định AITIG. Biểu cam kết cắt giảm thuế quan của Việt Nam và các nước ASEAN khác và Ấn Độ là Phụ lục kèm theo Hiệp định AITIG và sẽ có hiệu lực thực hiện trùng với ngày Hiệp định có hiệu lực.

#### ***Tóm tắt cam kết giảm thuế của Việt Nam theo Hiệp định AITIG***

STT	Ký hiệu	Diễn giải cam kết của Việt Nam	Số dòng thuế	Tỷ trọng (%)
1	NT 1 (Danh mục thông thường 1)	Giảm dần và xóa bỏ thuế quan từ 31/12/2018	5.580	60,74
2	NT 2 (Danh mục thông thường 2)	Giảm dần và xóa bỏ thuế quan từ 31/12/2021	788	8,58
3	ST (Danh mục nhạy cảm)	(1) Nhóm thuế suất trên 5% giảm xuống 5% từ 31/12/2021 (2) 4% của Danh mục ST sẽ giảm xuống 0% từ 31/12/2024	661	7,2
4	HSL 1 (Danh mục nhạy cảm cao 1)	Giảm thuế MFN xuống 50% từ 31/12/2024	43	0,47
5	HSL 2 (Danh mục nhạy cảm cao 2)	Giảm 50% trên mức thuế MFN từ 31/12/2024	132	1,44
6	HSL 3 (Danh mục nhạy cảm cao 3)	Giảm 25% trên mức thuế MFN từ 31/12/2024	432	4,7
7	EL (Danh mục loại trừ)	Không cam kết giảm thuế	1.549	16,86

### + Lộ trình giảm thuế của Ấn Độ

Theo Biểu thuế quan hài hòa năm 2007 (HS 2007), Ấn Độ đưa 12.129 dòng thuế ở cấp độ HS 8 số vào diện cắt giảm theo cam kết trong Hiệp định AITIG.

#### **Tóm tắt cam kết giảm thuế của Ấn Độ theo Hiệp định AITIG**

STT	Ký hiệu	Diễn giải cam kết của Việt Nam	Số dòng thuế	Tỷ trọng (%)
1	NT 1 (Danh mục thông thường 1)	Giảm dần và xóa bỏ thuế quan từ 31/12/2013	5.580	60,74
2	NT 2 (Danh mục thông thường 2)	Giảm dần và xóa bỏ thuế quan từ 31/12/2016	788	8,58
3	ST (Danh mục nhạy cảm)  Danh mục các sản phẩm đặc biệt (dầu cọ thô và tinh chế, cà phê, chè đen và hạt tiêu)	(1) Các dòng thuế có thuế suất trên 5% sẽ được giảm xuống 5% theo giai đoạn từ 31/12/2016	661	7,2
		(2) Tối đa 50 dòng có thuế 5% được duy trì. Các dòng thuế 5% còn lại sẽ giảm xuống 4% từ 31/12/2016	43	0,47
		(3) 4% của Danh mục ST sẽ giảm xuống 0% từ 31/12/2019	132	1,44
4	EL (Danh mục loại trừ)	Ấn Độ cam kết cắt giảm thuế MFN của dầu cọ thô xuống 37,5%; dầu cọ tinh chế, cà phê, chè đen xuống 45% và hạt tiêu xuống 50% vào ngày 31/12/2019	432	4,7
			1.549	16,86
5		Không cam kết giảm thuế		

### + Lợi ích của Việt Nam

Với tư cách là nước thành viên mới của ASEAN (CLMV), Việt Nam được cắt giảm thuế quan theo lộ trình dài hơn 05 năm so với Ấn Độ, đồng thời vẫn được hưởng đầy đủ ưu đãi theo cam kết giảm thuế sớm của Ấn Độ.

Cụ thể:

Danh mục giảm thuế thông thường 1 (NT 1) của Việt Nam gồm khoảng 60% số dòng thuế sẽ chỉ giảm xuống mức 0% vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 (thời hạn giảm thuế đối với Danh mục tương tự của Ấn Độ là 2013). 9% tổng số dòng thuế theo Danh mục giảm thuế thông thường 2 (NT 2) sẽ được linh hoạt giảm xuống 0% từ ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Danh mục nhạy cảm (ST) chiếm 7,2% tổng số dòng thuế cam kết của Việt Nam, trong đó các dòng thuế có thuế suất hơn 5% sẽ được giảm xuống 5% vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. 4% số dòng thuế trong Danh mục ST

của Việt Nam sẽ giảm xuống 0% từ ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Danh mục nhạy cảm cao (HSL) của Việt Nam gồm 603 dòng thuế ở cấp độ HS 8 chữ số, được phân làm 3 nhóm, (i) giảm thuế xuống còn 50%, (ii) giảm 50% mức thuế suất, (iii) giảm 25% mức thuế suất. Thời hạn hoàn thành là ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Với diện loại trừ rộng (1.589 dòng thuế ở cấp độ HS 8 số), Danh mục loại trừ (EL) của Việt Nam đã bao gồm các sản phẩm còn có nhu cầu bảo hộ để phát triển.

Việt Nam có nhiều lợi ích xuất khẩu đối với Danh mục các sản phẩm đặc biệt mà Ấn Độ đã đơn phương dành ưu đãi cho ASEAN. Tổng cộng Ấn Độ đã đưa 40 dòng thuế ở cấp độ HS 8 chữ số vào Danh mục này. Theo đó, Ấn Độ sẽ giảm thuế xuống còn 45% đối với cà phê và chè đen, 50% đối với hạt tiêu vào 31 tháng 12 năm 2019. Việt Nam là nhà xuất khẩu hàng đầu thế giới về các sản phẩm này và còn có nhiều tiềm năng khai thác hơn nữa thị trường Ấn Độ trong thời gian tới.

Theo cam kết, Ấn Độ được duy trì 1.322 dòng thuế ở cấp độ HS 8 số trong Danh mục loại trừ (EL). Các dòng thuế này chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ (khoảng 5%) trong tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam với Ấn Độ

Hiệp định Cơ chế Giải quyết Tranh chấp ASEAN-Ấn Độ dự kiến sẽ tạo hành lang pháp lý tốt để bảo đảm các bên thực thi nghiêm túc các cam kết đã đề ra, bảo đảm quyền lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu.

Ngoài ra, Hiệp định AITIG còn quy định chi tiết về việc áp dụng các biện pháp tự vệ khẩn cấp với tác dụng như một “van an toàn” để ngăn chặn tình trạng gia tăng đột biến hàng hóa nhập khẩu, ảnh hưởng tiêu cực đến các ngành sản xuất trong nước do tác động của lộ trình giảm thuế AIFTA. Quy định này sẽ thiết thực hạn chế tối đa tác động tiêu cực mang tính xã hội, dưới ảnh hưởng của quá trình cơ cấu lại các ngành kinh tế trong nước.

#### ***5.4. Đánh giá tác động của việc Việt Nam tham gia ký kết Hiệp định AITIG***

Về khía cạnh chính trị, bối cảnh hợp tác tốt đẹp giữa ASEAN và Ấn Độ là điều kiện thuận lợi để Việt Nam, với tư cách là một thành viên của ASEAN, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống giữa hai đất nước. Việc tham gia ký kết Hiệp định AITIG một lần nữa khẳng định tính nhất quán trong chính sách đối ngoại của Việt Nam và qua đó giúp nâng tầm mối quan hệ kinh tế, thương mại song phương giữa Việt Nam và Ấn Độ.

Về khía cạnh kinh tế, quan hệ thương mại song phương giữa Việt

Nam và Ấn Độ liên tục tăng trưởng. Trong 5 năm từ 2004 đến 2008, kim ngạch thương mại hai chiều đạt 8,4 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Ấn Độ đạt 882 triệu USD, tăng 11 lần và nhập khẩu đạt trên 7,318 tỷ USD, tăng 3,3 lần. Với việc duy trì mức độ tăng trưởng xuất khẩu tốt, tình hình nhập siêu từ Ấn Độ cũng đang có sự cải thiện rõ nét. Năm 2008, mức nhập siêu của Việt Nam từ Ấn Độ chỉ tăng 3,7% so với mức 57% năm 2007. Thực tế cho thấy tiềm năng phát triển thương mại của hai nước còn rất lớn. Thương mại hai chiều chỉ chiếm tương ứng khoảng 0,4% và 1,5% tổng kim ngạch thương mại của Ấn Độ và Việt Nam. Xuất khẩu của Việt Nam sang Ấn Độ chỉ chiếm 0,5% kim ngạch nhập khẩu của Ấn Độ (175 tỷ USD). Ấn Độ là thị trường đang không ngừng vận động với gần 1,2 tỷ người tiêu dùng. Quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế đứng thứ hai ở châu Á.

Hàng hoá của Việt Nam có nhiều cơ hội xuất khẩu sang Ấn Độ tốt hơn, nhất là khi các rào cản thuế quan sẽ được dỡ bỏ đáng kể theo Hiệp định AITIG. Hàng hóa xuất khẩu của ASEAN, trong đó có Việt Nam, lợi thế ưu đãi đáng kể hơn so với các nước không được hưởng ưu đãi FTA (phải chịu thuế suất MFN). Với các sản phẩm mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh như cà phê, hạt tiêu, chè, biên độ ưu đãi thuế của Ấn Độ cũng không nhỏ từ 28,5% đến 50%. Trong thời gian qua, nhiều mặt hàng mới của Việt Nam thâm nhập vào thị trường Ấn Độ là ca su, phần cứng vi tính và các mặt hàng điện tử, quần áo và dệt may ... là minh chứng cho thấy cơ cấu xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Ấn Độ đang có chiều hướng thay đổi tích cực và bền vững hơn. Về nhập khẩu, với trên 90% kim ngạch nhập khẩu từ Ấn Độ là các nguyên liệu đầu vào cho nền kinh tế, việc thực hiện AIFTA sẽ giúp các doanh nghiệp, các nhà sản xuất của Việt Nam tiếp cận nguồn nguyên liệu đầu vào với chi phí thấp hơn, góp phần nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh của đất nước. Ngoài ra, việc Ấn Độ công nhận Quy chế kinh tế thị trường đầy đủ của Việt Nam (MES) hứa hẹn sẽ tạo nền tảng quan trọng giúp các hoạt động thương mại, đầu tư của doanh nghiệp hai nước phát triển ổn định, lâu dài.

Bên cạnh lợi ích thương mại, việc tham gia Hiệp định AITIG sẽ góp phần đẩy mạnh thu hút đầu tư. Ngày càng nhiều công ty Ấn Độ đang tìm kiếm cơ hội đầu tư vào Việt Nam, trong đó gồm nhiều tập đoàn hàng đầu thế giới về sản xuất sắt thép, chế tạo, thức ăn gia súc, dược phẩm... Năm 2009, Việt Nam đã tiếp nhận 32 dự án của Ấn Độ với số vốn đăng ký trên 200 triệu USD. Với một hiệp định tự do hóa khu vực, cơ hội thu hút FDI từ Ấn Độ còn to lớn hơn khi không gian kinh tế quốc gia được mở rộng và khung khổ pháp lý ngày một ổn định hơn.

Tuy nhiên, việc thực thi AIFTA cũng đặt ra nhiều thách thức đáng kể đối với nền kinh tế Việt Nam. Thứ nhất, việc kiểm soát nhập siêu từ Ấn Độ sẽ khó khăn hơn khi thuế nhập khẩu của Việt Nam sẽ được từng bước giảm thiểu theo lộ trình. Thứ hai, sức ép cạnh tranh từ hàng hóa nhập khẩu của Ấn Độ cũng không nhỏ do nhiều chủng loại hàng hóa của Ấn Độ có sức cạnh tranh, giá cả tương đối thấp. Thứ ba, cho dù các hàng rào thuế quan sẽ từng bước được dỡ bỏ theo AIFTA, tập quán tiêu dùng và hàng rào phi thuế quan là sẽ vẫn là những thử thách không nhỏ. Những thách thức này đòi hỏi các doanh nghiệp và cơ quan chức năng của Việt Nam và Ấn Độ cần tăng cường phối hợp chặt chẽ để cùng tháo gỡ, để AIFTA thực sự mang lại hiệu quả tích cực cho doanh nghiệp và người dân hai nước.

## **Phụ lục 1 : CÁC ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH**

### ***Một số Bộ của Ấn Độ Key Ministries in the Government of India***

#### ***1. Bộ Thương mại và Công nghiệp - Ministry of Commerce and Industry***

Udyog Bhawan, New delhi 110 001  
Tel. : 00 91 11 23063664  
Fax : 00 91 11 23061796  
Website : [www.commerce.gov.in](http://www.commerce.gov.in)

#### ***2. Bộ Tài chính - Ministry of Finance***

North Block, New Delhi 110 001  
Tel. : 00 91 11 23092947  
Fax : 00 91 11 23092145  
Website : [www.finmin.nic.in](http://www.finmin.nic.in)

#### ***3. Bộ Ngoại giao - Ministry of External Affairs***

South Block, New delhi 110 001  
Tel. : 00 91 11 23012292  
Fax : 00 91 11 23013945  
Website : [www.meaindia.nic.in](http://www.meaindia.nic.in)

#### ***4. Bộ Thông tin - Department of Communication***

Sanchar Bhawan 20, Ashocka Road, New Delhi 110 001  
Tel. : 00 91 11 24361896  
Fax : 00 91 11 23711514  
Website : [www.dot.gov.in](http://www.dot.gov.in)

#### ***5. Bộ Hóa chất và Hóa dầu - Department of Chemicals & Petrochemicals***

Shastri Bhawan, A Wing, Dr. Rajendra Prasad Marg, New Delhi 110 001  
Tel. : 00 91 11 23384196  
Fax : 00 91 11 23387892  
Website : [www.chemicals.nic.in](http://www.chemicals.nic.in)

#### ***6. Bộ Nông nghiệp - Ministry of Agriculture***

Krishi Bhawan, New Delhi 110 001  
Tel. : 00 91 11 23383370  
Fax : 00 91 11 23018609  
Website : [www.agricoop.nic.in](http://www.agricoop.nic.in)

**7. Bộ Dầu mỏ và Khí đốt - Ministry of Petroleum & Natural Gas**  
Shastri Bhawan, A Wing, Dr. Rajendra Prasad Marg, New Delhi 110 001  
Tel. : 00 91 11 23383562  
Fax : 00 91 11 23070723  
Website : [www.petroleum.nic.in](http://www.petroleum.nic.in)

**8. Bộ Điện - Ministry of Power**  
Shram Shakti Bhawan, New Delhi 110 001  
Tel. : 00 91 11 23711316  
Fax : 00 91 11 23721487  
Website : [www.powermin.nic.in](http://www.powermin.nic.in)

**9. Bộ Dệt - Minsitries of Textiles**  
Udyog Bhawan, New Delhi 110 001  
Tel. : 00 91 11 23061320  
Fax : 00 91 11 23321395  
Website : [www.texmin.nic.in](http://www.texmin.nic.in)

**10. Bộ Du lịch - Ministry of Tourism**  
1, Parliament Street, New Delhi 110 001  
Tel. : 00 91 11 23711792  
Fax : 00 91 11 23717890  
Website : [www.tourism.nic.in](http://www.tourism.nic.in)

**11. Bộ Hàng không Dân dụng - Minsitry of Civil Aviation**  
Rajiv Ghandi Bhawan, B Block, Safdarjung Airport Complex, New Delhi 110 003  
Tel. : 00 91 11 24610358  
Fax : 00 91 11 24610378  
Website : [www.civilaviation.nic.in](http://www.civilaviation.nic.in)

**12. Bộ Công nghiệp Chế biến Thực phẩm - Minsitry of Food Processing Industries**  
Panchsheel Bhawan, August Kranti Marg, New Delhi 110 049  
Tel. : 00 91 11 26492475  
Fax : 00 91 11 26493228  
Website : [www.mofpi.nic.in](http://www.mofpi.nic.in)

**13. Bộ Sắt thép - Minsitry of Steel**  
Udyog Bhawan, New Delhi 110 001  
Tel. : 00 91 11 23793432  
Fax : 00 91 11 23013236  
Website ; [www.steel.nic.in](http://www.steel.nic.in)

**14. Bộ Vận tải Đường biển - Ministry of Shipping**

Transport Bhawan, 1, Parliament Street, New Delhi 110 001

Tel. : 00 91 11 23714938

Fax : 00 91 11 23716656

Website : [www.shipping.nic.in](http://www.shipping.nic.in)

**15. Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ (Ngân hàng Trung ương)**

**Reserve Bank of India (RBI)**

S. B. S Marg, Mumbai 400 001

Tel. : 00 91 22 22660502

Fax : 00 91 22 22703279

Website : [www.rbi.org.in](http://www.rbi.org.in)

**Các Phòng Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ  
Chambers of Commerce and Industry in India**

**1. Liên đoàn Các Phòng Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ  
Federation of Indian Chambers of Commerce and Industry (FICCI)  
Federation House, New Delhi 110 001**

Tel. : 00 91 11 23738760

Fax : 00 91 11 23320714

Website : [www.ficci.com](http://www.ficci.com)

**2. Liên hiệp Các Phòng Thương mại và Công nghiệp  
The Associated Chambers of Commerce and Industry (ASSOCHAM)**

147, Gautam Nagar, Gulmohar Enclave, New Delhi 110 049

Tel. : 00 91 11 26512477

Fax : 00 91 11 26512154

Website : [www.assocham.org](http://www.assocham.org)

**3. Phòng Thương mại và Công nghiệp PHD  
PHD Chamber of Commerce and Industry (PHDCCI)**

PHD House, August Kranti Marg, New Delhi 110 016

Tel. : 00 91 11 26863801

Fax ; 00 91 11 26865450

Website : [www.phdcci.org](http://www.phdcci.org)

**4. Liên đoàn Công nghiệp Ấn Độ - Confederation of Indian Industry  
(CII)**

Plot No 249 F, Sector 18, Udyog Vihar, Phase IV, Gurgaon 122 015,  
Haryana

Tel. : 00 91 124 25014060

Fax : 00 91 12425014057

Website : [www.ciionline.com](http://www.ciionline.com)

**5. Phòng Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ-Việt Nam**

**Indo-Vietnam Chamber of Commerce and Industry (IVCCI)**

C/o Indian Merchants Chamber, IMC Marg, Churgate, Mumbai 400 420

Tel. : 00 91 22 22046633

Fax : 00 91 22 22048508

Email : [imc@imcnet.org](mailto:imc@imcnet.org)

Website : [www.ivcci.org.in](http://www.ivcci.org.in)

**6. Phòng Thương mại và Công nghiệp Quốc gia Bengal**

**Bengal National Chamber of Commerce and Industry (BNCCI)**

BNCCI House, 23, Sir R.N. Mukherjee Road, Kolkata 700 001, West Bengal, India

Tel. : 00 91 33 22482951

Fax: 00 91 33 22487058

Email: [bncci@bncci.com](mailto:bncci@bncci.com)

Website : [www.bncci.com](http://www.bncci.com)

***Các cơ quan của Việt Nam***

***Bộ Công Thương***

54 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel. : 00 84 4 2220 2222

Fax : 00 84 4 22202525

Website : [www.moit.gov.vn](http://www.moit.gov.vn)

***Bộ Ngoại giao***

1 Tôn Thất Đàm, Quận Ba Đình, Hà Nội

Tel. : 00 84 4 37992407

Fax : 00 84 4 37993717

Website : [www.mofa.gov.vn](http://www.mofa.gov.vn)

***Bộ Kế hoạch và Đầu tư***

6B Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội

Tel. : 00 84 4 38433360

Fa x : 00 84 4 08048473

Website : [www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn)

***Bộ Tài chính***

28 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel. : 00 84 4 22202828

Fa x : 00 84 4 22208091

Website : [www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn)

***Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ***

17, Kautilya Marg, Chanakya Puri, New Delhi 110 021

Tel. : 00 91 11 23018059

Fax : 00 91 11 23017714

Email : sqvnindia@yahoo.com

***Thương vụ Việt Nam tại Ấn Độ***

B5/14, Safdarjung Enclave, New Delhi 110 029

Tel. : 00 91 11 26175953

Fax : 00 91 11 26175954

Email : in@moit.gov.vn

***Các Hội đồng Hàng hóa trực thuộc Tổng cục Thương mại  
(Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ)  
Commodity Boards under Department of Commerce***

***Hội đồng Cao su***

**RUBBER BOARD**

Contact Person : Chairman

Address : Sub-Jail Road, P.B.No.1122, Kottayam, Kerala 686002

Tel. : (91) 481-571231, 571232, 571235, 571236, 571361

Fax : (91) 481-571380

E-mail : rbktm@ker.nic.in, rrii@vsnl.com

Website : <http://rubberboard.org.in/>

***Hội đồng Cà phê***

**COFFEE BOARD**

Contact Person : Chairman

Address : 1- Dr.Ambedkar Veedhi, Bangalore - 560001

Tel. : (91) 80-257890

Fax : (91) 80-2255557

Website : <http://www.indiacoffee.org/>

***Hội đồng Chè***

**TEA BOARD**

Contact Person : Chairman

Address : 14, BTM Sarani, Brabourne Road, P.B.No.2172, Kolkata - 700001

Tel. : (91)33-2251411

Fax : (91)33-2251417

Website : <http://teaboard.gov.in/>

***Hội đồng Thuốc lá***

**TOBACCO BOARD**

Contact Person : Chairman

Address : P.B.No.322, G.T.Road, Guntur - 522004

Tel. : (91) 0863-2358399, 2358499, 2327550, 2358531, 2358532,  
2327555, 2327554, 2327556

Fax : (91) 0863-2354232

E-mail : info@indiantobacco.com

Website : <http://www.indiantobacco.com>

***Hội đồng Gia vị***

**SPICES BOARD**

Contact Person : Chairman

Address : Sugandha Bhavan, P.B.No.2277, Palarivattom.P.O., Cochin -  
682025

Tel. : (91) 484-2333610 to 2333616 (7 Lines) & 2348417,  
(91) 484-2331429/ 2334429

E-mail : spicesboard@vsnl.com, mail@indianspices.com

Website : <http://www.indianspices.com>

***Các Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu trực thuộc Tổng cục Thương mại  
Export Promotion Councils under Department of Commerce***

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu Kỹ thuật***

**Engineering Export Promotion Council**

Address : Vanijya Bhawan, 1st Floor, International Trade Facilitation  
Centre, 1/1, Wood Street, Kolkata - 700016

Tel. : 91-33-22890651/52

Fax : 91-33-22890654

E-mail : eepcho@eth.net

Website : <http://www.eepcindia.org> or <http://www.eepcindia.com>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu các Dự án***

**Project Exports Promotion Council of India**

Address : H-118, Himalaya House, 11th Floor,  
23, Kasturba Gandhi Marg, New Delhi - 110001

Tel. : (91)11-23722425/23350367

Fax : (91)11-23312936

E-Mail : info@projectexports.com

Website : <http://www.projectexports.com/>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu Hóa chất Cơ bản, Dược phẩm và Mỹ phẩm***  
**Basic Chemicals, Pharmaceuticals and Cosmetics Export Promotion Council**

Address : Jhansi Castle, 4th floor, 7-Cooperage Road, Mumbai - 400039

Tel. : (91)22-2021288/2021330/2026549

Fax : (91)22-2026684

Website : <http://www.chemexcil.gov.in>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu Hóa chất và Sản phẩm liên quan***  
**Chemicals and Allied Products Export Promotion Council**

Address : World Trade Centre, 14/IB, Ezra Street, Kolkata - 700001.

Tel. : (91)33-22215652/22358217/8219

Fax : (91)33-22215657

Website : <http://www.capexil.com>

***Hội đồng Xuất khẩu Da - Council for Leather Exports***

Address : 3rd floor, CMDA Tower-2 Gandhi Irwin Bridge Road,  
Egmore, Chennai - 600008

Tel. : (91)44-28594367-71(5 lines)

Fax : (91)44-28594363/64

E-Mail : [cle@vsnl.com](mailto:cle@vsnl.com)

Website : <http://www.leatherindia.org>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu các Sản phẩm Thể thao***  
**Sports Goods Export Promotion Council**

Address : 1-E/6, Swami Ram Tirth Nagar, Jhandewalan Extn. New Delhi -  
100055

Tel. : (91)11-23525695-23516183

Fax : (91)11-23632147

E-Mail : [sgepc@vsnl.com](mailto:sgepc@vsnl.com)

Website : <http://www.sportsgoodsindia.org/>

***Hội đồng Xúc tiến Kim hoàn và Đá quý***  
**Gem and Jewellery Export Promotion Council**

Address : Diamond Bazar, 5th floor, 391-A, Dr.D.Bhadkamkar Marg, Mumbai-  
400 004

Tel. : (91)22-23821801/23821806

Fax : (91)22-23808752/23804958

Website : <http://gjepec.org>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu Cánh kiến***

**Shellac Export Promotion Council**

**Address :** "Vanijya Bhawan" International Trade Facilitation Centre,  
1/1 Wood Street, 2nd Floor, Kolkata - 700016

**Tel. :** (91)33-22834417,22834697, 22834698

**Fax :** (91)33-22834699

**Website :** <http://www.shellacepc.com>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu Điều***

**Cashew Export Promotion Council**

**Address :** Post Box No.1709,Chittor Road, Ernakulam South., Cochin -  
682016

**Tel. :** (91)484-351973/361459

**Fax :** (91)484-370973

**Website :** <http://www.cashewindia.org>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu Nhựa***

**Plastics Export Promotion Council**

**Address :** Crystal Tower, Gundivali Road No. 3, Off Sir M.V.Road,  
Andheri(East), Mumbai-400 069

**Tel. :** (91)22-26833951/52

**Fax :** (91)22-26833953/4057

**E-Mail :** [plexconcil@vsnl.com](mailto:plexconcil@vsnl.com)

**Website :** <http://www.plexconcil.org>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu cho Khu Chế xuất và Khu Kinh tế Đặc biệt***

**Export Promotion Council for EOUs & SEZ Units**

**Address :** 705, Bhikaji Cama Bhawan, Bhikaji Cama Place, New Delhi -  
110066

**Tel. :** (91)11-26167042/5805/6185

**Fax :** (91)11-26165538

**E-Mail :** [epces@vsnl.net](mailto:epces@vsnl.net)

**Website :** <http://eouindia.com>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu Dược phẩm***

**Pharmaceutical Export Promotion Council**

**Address :** 101, Aditya Trade Center, Ameerpet, Hyderabad - 500038

**Tel :** (91)40-23735462/66

**Fax :** (91)40-23735464

**E-Mail :** [info@pharmexcil.com](mailto:info@pharmexcil.com)

**Website :** [www.pharmexcil.com](http://www.pharmexcil.com)

***Các Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu trực thuộc Bộ Dệt  
Export Promotion Councils under Ministry of Textiles***

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu hàng May mặc***

**Apparel Export Promotion Council**

**Address :** Apparel House, Institutional Area, Sector-44, Gurgaon-122003, Haryana

**Tel. :** (91) 0124-2708000 to 003

**Fax :** (91) 0124-2708004 to 005

**E-Mail :** chairman@aepcindia.com, administrator@aepcindia.com

**Website :** <http://www.aepcindia.com>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu Thảm***

**Carpet Export Promotion Council**

**Address :** 101-A/1, Krishna Nagar, (Behind Govt. Sr. Sec. School), Safdarjung Enclave, New Delhi 110029.

**Tel. :** (91) 011-26102742/26101024

**Fax :** (91) 011-26165299

**E-Mail :** cepc@nda.vsnl.net.in.

**Website :** <http://www.indiancarpets.com>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu Dệt Bông***

**Cotton Textile Export Promotion Council**

**Address :** Engineering Centre, 5th Floor, Mumbai - 400 004.

**Tel. :** (91) 022-23632910/11/12/13

**Fax :** (91) 022-23932914

**E-Mail :** exprocil@bom3.vsnl.net.in

**Website :** <http://www.texprocil.com>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu hàng Thủ công***

**Export Promotion Council for Handicrafts**

**Address :** Plot No.1, Pocket 6&7, Sector-C, Local Shopping Centre, Vasant Kunj, New Delhi - 110 070.

**Tel. :** (91) 011-26135256/57/58

**Fax :** (91) 011-26135518/19

**E-Mail :** epch@vsnl.com

**Website :** <http://www.epch.com>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu Hàng Dệt***

**Handloom Export Promotion Council**

**Address :** 18, Cathedral Garden Road, Nunagambakkam, Madras 600 034.

**Tel. :** (91) 044-8278879/8276043

**Fax :** (91) 044-8271761

**E-Mail :** hepccatp@vsnl.com

**Website :** <http://www.hepcindia.com>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu Tư Ấn Độ***

**Indian Silk Export Promotion Council**

**Address :** 62, Mittal Chambers, 6th Floor, Nariman Point, Mumbai - 400 021.

**Tel. :** (91) 022-202049113/2027662/2025866,

**Fax :** (91) 022-2874606

**E-Mail :** isepc@bom2.vsnl.net.in

**Website :** <http://www.silkepc.com>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu Máy dệt***

**Powerloom Development Export Promotion Council**

**Address :** 16, 1st Floor, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai -400 021.

**Tel. :** (91) 022-2846518/19

**Fax :** (91) 022-2846517

**E-Mail :** pdexcil.pdepc@gems.vsnl.net.in

**Website :** <http://www.pdexcil.org>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu Sợi Dệt Tổng hợp***

**Synthetic & Rayon Textile Export Promotion Council**

**Address :** Resham Bhavan, 78, Veer Nariman Point Road, Mumbai - 400 020.

**Tel. :** (91) 022-22048797/22048690

**Fax :** (91) 022-22048358

**E-Mail :** srtepc@vsnl.com

**Website :** <http://www.synthetictextiles.org>

***Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu Len và các Sản phẩm Len***

**Wool & Woolens Export Promotion Council**

**Address :** 312/714, Ashoka Estate, 24, Barakhamba Road, New Delhi - 110 001.

**Tel. :** (91) 011-23315512/23315205

**Fax :** (91) 011-23314626

**E-Mail :** wwepc@nda.vsnl.net.in

**Website :** <http://www.wwepc.org>

***Hội đồng Giám định Xuất khẩu***

**Export Inspection Council, New Delhi:**

**Address :** 3rd Floor, NDYMCA, Cultural Centre Building, 1 Jai Singh Road, New Delhi-110001

**Telephone :** (91)11-23748188, (91)11-23748189, (91)11-23365540

**Fax :** (91)11-23748024

**Email :** eic@eicindia.org

**Website :** <http://www.eicindia.org>

***Viện Ngoại thương Ấn Độ, New Delhi***

**Indian Institute of Foreign Trade, New Delhi :**

**Address :** B-21 Kutub Institutional Area, Maharauli Road, New Delhi-110016

**Telephone :** (91)11-26853055, (91)11-26853956.

**Fax :** (91)11-26853956.

**Website :** <http://www.iift.edu>

***Viện Bao bì Ấn Độ, Mumbai***

**Indian Institute of Packaging, Mumbai :**

**Address :** B-2, MIDC Area, Post Box No. 9432, Andheri (East), Mumbai-400096

**Telephone :** (91)22-8219803, (91)22-8216751.

**Fax :** (91)22-8375302.

**Website :** <http://www.iip-in.com>

***Cơ quan Phát triển Xuất khẩu Hải sản***

**Marine Products Export Development Authority, Cochin :**

**Address :** MPEDA House, Panampilly Avenue, Cochin-682016.

**Telephone :** (91)484-311971

**Fax :** (91)484-313361.

**Web Site :** <http://www.mpeda.com>

***Cơ quan Phát triển Xuất khẩu Thực phẩm Chế biến và Nông sản, New Delhi***

**Agricultural and processed Food Products Export Development Authority, New Delhi (APEDA) :**

**Address :** 3rd Floor, NCUI Building, 3 Siri Institutional Area, August Kranti Marg, Hauz Khas, New Delhi-110016.

**Telephone :** (91)11- 26513204, 26514572, 26513219

**Fax :** (91)11- 26534870

**Email :** headq@apeda.com

**Web Site :** <http://www.apeda.com>

***Liên đoàn các Tổ chức Xuất khẩu Ấn độ***

**Federation of Indian Export Organisations :**

**Address :** Niryat Bhawan", Rao Tula Ram Marg, Opp. Army Hospital  
Research & Referral, New Delhi-110 016

**Telephone :** (91)11-26150101-04; 46042222

**Fax :** (91)11-26148194

**E-Mail :** fieo@nda.vsnl.net.in

**Web Site :** <http://www.fieo.com>

***Hội đồng Trọng tài Ấn độ, New Delhi***

**Indian Council of Arbitration, New Delhi :**

**Address :** Federation House, Tansen Marg, New Delhi-110001.

**Telephone :** (91)11-23319251, (91)11-23719103.

**Fax :** (91)11-23320714 (91)11-23721501

***Viện Kim cương Ấn độ, Su rat***

**Indian Diamond Institute, Surat :**

**Address :** Katargam, GIDC, Post Box No. 508, Sumul Dairy Road,  
Surat-395008. Gujrat.

**Telephone :** (91)261-480809

**Fax :** (91)261-481110.

**E-mail :** idisurat@vsnl.com

**Web Site :** <http://www.diamondinstitute.net/>

***Trung tâm Thông tin Thương mại Quốc gia***

**National Centre for Trade Information.**

**Address :** NCTI Complex, Pragati Maiden, New Delhi-110001.

**Telephone :** (91)11-23371950/51/253/80/81

**Fax :** (91)11-23371979

**E-Mail :** ncti@x400.nicgw.nic.in

**Web Site:** <http://www.ncti-india.com>

***Các Tổng Công ty Nhà nước***  
***Public Sector Undertakings***

***Tổng Công ty Thương mại Ấn Độ***

**The State Trading Corporation of India Ltd. and its subsidiaries (STC)**

**Address :** Jawahar Vaypar Bhawan Tolstoy Marg, New Delhi-110001.

**Telephone :** (91)11-23313177, (91)11-23701100

**Fax :** (91)11-23701123, 23701191

**E-mail :** co.stc@nic.in

**Web Site :** <http://www.stc.gov.in>

**STCL Limited (tên cũ là Tổng Công ty Gia vị Ấn Độ)**  
**STCL Limited (Formerly Spices Trading Corporation of India Limited).**  
Address : 166/2, 13th Main Road, Vasanthnagar, Bangalore-560052  
Telephone : (91)80-22286925,22286926,22260409,22381376  
Fax : (91)80-22285086.  
E-mail : stcl@bgl.vsnl.net.in  
Website : <http://www.stcl.india.com>

**MMTC Ltd. (tên cũ là Tổng Công ty Thương mại Kim khí và Khoáng sản Ấn Độ)**  
**MMTC Ltd. (Formerly known as Minerals and Metals Trading Corporation of India Ltd)**  
Address : Core 1, Scope Complex, Lodhi Road, New Delhi-110003.  
Telephone : (91)11- 24362200,  
Fax : (91)11-24362224.  
Website : <http://www.mmtclimited.org>

**PEC Ltd. (tên cũ là Tổng Công ty Dự án và Thiết bị Ấn Độ)**  
**PEC Ltd (Formerly known Projects & Equipment Corporation of India Ltd)**  
Address : 15 'Hansalaya', Barakhamba Road, New Delhi - 110001  
Telephone : (91) 11-23316372, 23314426  
Fax : (91)-11-23314797, 23313804  
Website : <http://www.peclimited.com/>

**Tổng công ty Bảo hiểm Xuất khẩu Ấn Độ (ECGC)**  
**Export Credit Guarantee Corporation of India Ltd. (ECGC)**  
Address : Express Tower, 10thFloor, P.B.No. 373,Nariman Point ,Mumbai-400021.  
Telephone : (91)22-2022587, (91)22-2024852.  
Fax : (91)22-2045253, (91)22-2023267.  
Website : <http://www.ecgcindia.com>

**Cục Xúc tiến Thương mại Ấn Độ (ITPO)**  
**India Trade Promotion Organisation (ITPO)**  
Address : Pragati Bhawan, Pragati Maidan, New Delhi-110001.  
Telephone : (91)11- 23371491  
Fax : (91)11-23371492, 23371493  
Web site : <http://www.indiatradefair.com>

## **Phụ lục 2 : Các Công ty Nhập khẩu tại Ấn Độ**

**Nông nghiệp, Rau hoa quả, Máy tưới nước và Dụng cụ  
Agriculture, Horticulture, Irrigation Machinery &  
Implements**

### **Excel & Green Machines Private Limited**

**Leading importers of brush cutters, crop reapers, hedge trimmers, spray machines, chain saws, lawn mowers, grass cutter, bird scaring, machines and fogging machines.**

Address: J-A/4, Patel Nagar-1st, Ghaziabad - 201 001, India

Phone: +(91)-(120)-4370467 Fax: +(91)-(120)-2704399

### **Kalindi Agro Biotech Limited**

**Importers of tissue culture plants, agriculture machinery etc.**

Address: No. 40, Udyog Vihar, Phase - 1, Gurgaon - 122 016, India

Phone: +(91)-(24)-4006800

Mobile / Cell Phone: +(91)-9818133500/9258710668

### **Changla Industries**

**Manufacturer of brass sprinkler irrigation parts.**

Address: B-14, Shanker Tekari, Udyognagar, Jamnagar - 361 004, India

Phone: +(91)-(288)-2560141/2560523 Fax: +(91)-(288)-2560149

### **New Age Agritech Limited**

**Buyers of agricultural equipments.**

Address: No. 5, Priyanka Nagri, Pune- Nagar Road, Wagholi, Pune - 412 207, India

Phone: +(91)-(20)-27050335 Fax: +(91)-(20)-27050335

### **Friends Rosery**

**Importers of Manure, sprinklers, good tools.**

Address: B-110, Sec-C Mahanagar, Lucknow - 226 006, India

Phone: +(91)-(522)-2325583 Fax: +(91)-(522)-2372020

### **Auto Tech**

**Importer of agricultural equipment such as farm equipment like disc harrow, shaft cutter, cultivator, leveller, seed-drill, rotator, whole post dragger and disc-plough.**

Address: G 458/H, Road No. 12, VKI Area, Jaipur - 302 012, India

Phone: +(91)-(141)-2331663

Mobile / Cell Phone: +(91)-9414054663

**Nuway Engineering Private Limited**

**Buyers of all kinds of agricultural and horticultural machineries.**

Address: No. 501, Sai Sirisampada Apartments, Leela Nagar, Ameerpet,  
Hyderabad - 500 016, India

Phone: +(91)-(40)-23737420/23737421

**Patel Brothers Services & Engineering Private Limited**

**Importers of agricultural machinery.**

Address: 6, Elphinstone Building, 10 Veer Nariman Road,  
Mumbai - 400 001, India

Phone: +(91)-(22)-22041072 Fax: +(91)-(22)-22049178

**Devik Engineers**

**Importers of agricultural machineries.**

Address: G -1/ 3, Swami Samarth, S. U. S. Road, Pashan,  
Pune - 411 021, India

Phone: +(91)-(20)-25872249 Fax: +(91)-(20)-25872311

**Shri Kalyan Tractor Parts Company**

**Importers of agricultral implements and their parts.**

Address: 11-12, First Floor, Samod Tower, 7, Dudu Bagh, Opp. City  
Centre, S. C. Road, Jaipur - 302 006, India

Phone: +(91)-(141)-2363149/9414070750 Fax: +(91)-(141)-2360867

Mobile / Cell Phone: +(91)-9414070750

**Jaico Farm**

**Buyers of agricultural products.**

Address: No. 241a Maker Tower A, Cuffe Parade, Colaba,  
Mumbai - 400 005, India

Phone: +(91)-(22)-22182216

**Gn Nursery (Farmers Group)**

**Importers of farm machinery.**

Address: Top Floor, Captain Plaza Main Road, Jhingran Via:  
Mukandpur, Nawanshahr - 144 507, India

Phone: +(91)-(1823)-299772/500424 Fax: +(91)-(1823)-276158

Mobile / Cell Phone: +(91)-9417990572

**Farm Implements India Private Limited, Chennai**

**Importers of all kinds of farm machines like hole diggers, mixavator,  
front loader, mixavator, forage harvester etc.**

Address: 13, Kumarappa Street, Nungambakkam, Chennai - 600 034, India

Phone: +(91)-(44)-28261676 Fax: +(91)-(44)-28265345

**J. N. P. Agro-Systems Private Limited**

**Importer of rotary ditchers, mowers, sugarcane harvesters etc.**

Address: No. 4, Old No. 15, Poes Road, 3rd Street, Teynampet,  
Chennai - 600 018, India

Phone: +(91)-(44)-24353286 Fax: +(91)-(44)-43060702

**Global Agrotech**

**Leading importer of agricultural machineries including rice transplanners, rotavators, zero till drill, laser land levellers and bailer.**

Address: Outside Ghee Mandi, Amritsar - 143 001, India

Mobile / Cell Phone: +(91)-9501205558

**Sri Chakravarthi & Company**

**Engaged in importing and supplying of agricultural equipments, agricultural boilers, chemical plant, gas boiler, gas turbine, harvesting equipment, power plants, paper plants, boilers, sugar mill equipments, chemical plants and gas turbines.**

Address: No. 438, Indira Enclave, Ayodhya Nagar, Vijayawada - 520 003, India

Phone: +(91)-(866)-2535700 Fax: +(91)-(866)-2535703

Mobile / Cell Phone: +(91)-9849375333

**Tractors & Farm Equipment Limited, Chennai**

**Importers of components for rotavator coult, cross and journal assembly carden.**

Address: R & D Division, Huzur Gardens, Sembiam, Chennai - 600 011, India

Phone: +(91)-(44)-25583619 Fax: +(91)-(44)-25375690

**Pest Bridle India Private Limited**

**Engaged in importing of irrigation items.**

Address: No. 6, Chella Muthu Lane, Mannady, Chennai - 600 001, India

Phone: +(91)-(44)-25554595 Fax: +(91)-(44)-25261378

Mobile / Cell Phone: +(91)-9840131336

**North Eastern Regional Agricultural Marketing Corporation Limited (NERAMAC)**

**Importers of agro horticultural products.**

Address: 9, Rajbari Path, G.S. Road, Ganeshguri GS Road, Guwahati,  
Guwahati - 781 005, India

Phone: +(91)-(361)-2341427 Fax: +(91)-(361)-2341428

Mobile / Cell Phone: +(91)-9864040728

**M. M. K. Enterprises Private Limited**

**Buyers of various hand small power agricultural tools.**

Address: 344, Master Tara Singh Nagar, Jalandhar - 144 004, India

Phone: +(91)-(181)-2232400 Fax: +(91)-(181)-2232400

**Amruthakrishna Group Of Companies**

**Importers of agri wastes.**

Address: 1-8-50/3/6, Krishna Nagar Colony, 137, Pender Ghasst Road,  
Secunderabad - 500 003, India

Phone: +(91)-(40)-27895587/27895586 Fax: +(91)-(40)-27895083

Mobile / Cell Phone: +(91)-9849999001

**Bombay Burma Company**

**Buyers of all kinds of agriculture tools and implements.**

Address: 1184-E, Parel Tank Road, Paramanand Wadi, Parel,  
Mumbai - 400 012, India

Phone: +(91)-(22)-24127498

**Fowler Westrup**

**Importers of agri machineries and silos.**

Address: Third Phase, Plot No. 249/250, Bommasandra Industrial Area,  
Bengaluru - 586 078, India

Phone: +(91)-(80)-7832991 Fax: +(91)-(80)-7831594

Mobile / Cell Phone: +(91)-9866711708

**Sre Neural Systems**

**Buyers of any agriculture related machineries.**

Address: 26, A, South Street, Gangavalli, Attur - 636 105, India

Phone: +(91)-(4282)-632109 Fax: +(91)-(4282)-652944

**Tristar, Mumbai**

**Buyers of agricultural machinery.**

Address: Hemgiri 102, Devki Nagar, Borivli (W), Mumbai - 400 103, India

Phone: +(91)-(22)-28940035

**Netafim Irrigation India Pvt. Ltd**

**Buyers of all components related to drip irrigation systems.**

Address: Plot No 268-270, G.i.d.c. Manjusar, Savli, Vadodara - 391 775, India

Phone: +(91)-(2667)-264601/602 Fax: +(91)-(2667)-264600

**Prasiddhi Multi Services****Importers of sprinklers, pipes, fittings, pool maintaining items.**

Address: Athreya, 112, Anugraha Lyt, K. C. Halli Main Road

Bilekahalli, IIM Post, Bengaluru - 560 076, India

Phone: +(91)-(80)-26481162

Mobile / Cell Phone: +(91)-9945155279

**Central Scientific Instruments Organisation, Chandigarh****Importers of agricultural machinery.**

Address: Sector-30, Chandigarh - 160 030, India

Phone: +(91)-(172)-2657449 Fax: +(91)-(172)-2657267

**Claas India Limited****Buyers of rotary choppers.**

Address: 15/3, Mathura Road, Faridabad - 121 003, India

Phone: +(91)-(129)-5044203

**Anjiparambil Traders****Importers of all kinds of agricultural mechinaries.**

Address: Anjiparambil Complex, Near South Over Bridge, S. A Road,

Ernakulam - 682 016, India

Phone: +(91)-(484)-2315340 Fax: +(91)-(484)-2319589

Mobile / Cell Phone: +(91)-9388602995

**Gargi Packing Industries****Buyers of soil testing machines.**

Address: D-112, Midc, Ambad, Nashik - 422 010, India

Phone: +(91)-(253)-2319046/2308720 Fax: +(91)-(253)-2575587

**Elron Instruments Company Private Limited****Importers of agricultural research instruments.**

Address: 301 Skyline House, 85 Nehru Place, New Delhi - 110 019, India

Phone: +(91)-(11)-26469613/26439006 Fax: +(91)-(11)-26274205

**Kailash Overseas****Importers of agro machineries.**

Address: 2, Kailash Market, Tanda Bye Pass Road, Hoshiarpur - 146 001, India

Phone: +(91)-(1882)-258766 Fax: +(91)-(1882)-251768

Mobile / Cell Phone: +(91)-9417250967

**Smart Chemicals****Buyers of agro product extraction machines.**

Address: E-15, Vrindavan Estate, Pashabhai Park, Race Course,

Vadodara - 390 007, India

Phone: +(91)-(265)-2397862

Mobile / Cell Phone: +(91)-9824074940

**Unique Industrial Handlers P Ltd**  
**Importer Of Motors Crane Control Gear.**

Address: 17. Elegant Apartments 26, Hindi Prachar Saba Road .T.Nagar,  
Chennai - 600017, India  
Phone: +(91)-(44)-24320138 Fax: +(91)-(44)-24320138

**Irrigation Products International Private Limited, Chennai**  
**Importers Of lawn care and turf maintenance equipments.**

Address: No. C/26, Fort Indraprastha, No. 18-A, Kalashetra Road,  
Chennai - 600 001, India  
Phone: +(91)-(44)-24494387/24914043/24902079 Fax: +(91)-(44)-24911449  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9380670077

**V. H. P. Enterprises, Punjab**

**Buyer of all kinds of agricultural spare parts.**

Address: 684, Old Grain Market Near Laziz Resturant, Moga - 142 001, India  
Phone: +(91)-(1636)-283631  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9417977155

**Afrazan Sabz Engineering Co.**

**Importers of agricultural accessories and equipment.**

Address: 3rd Floor, No 59, Golnabi Street, Shariati Avenue,  
Pune - 411 052, India  
Phone: +(91)-(98)-81364998/9881364998  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9881364998

**A. I. C. R. P. Vegetables**

**Buyers of agricultural products.**

Address: Yettinagudda campus, Krishinagar Dharwad, Hubli-  
Dharwad - 580 005, India  
Phone: +(91)-(836)-448386

**Thirumala Agro Tech Enterprises**

**Importers of agricultural implements.**

Address: G17, Chirantan Appartments, Neogi Nagar, Panaji - 403 001, India  
Phone: +(91)-(832)-2231881  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9822580436

**Bio Genesis**

**Importers of all kinds of agricultural products like stevia, babycorn  
and cherry tomato.**

Address: 7, Chatterjeepara Lane Nonachandanpukur,  
24 Parganas - 700 122, India  
Phone: +(91)-(33)-25933419  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9331260675

**Paladugu Seeds****Buyers of various agricultural equipment.**

Address: No. 1-9-956, Postal Colony, Subedari, Warangal - 506 010, India

Phone: +(91)-(870)-2511449 Fax: +(91)-(870)-2511445

Mobile / Cell Phone: +(91)-9849149999

**Rajdeep Agri Procuets Private Limited****Importers of various types of agricultural goods.**

Address: 3279, Ranjeet Nagar, New Delhi - 110 008, India

Phone: +(91)-(11)-25847771

**Amchros Marketing & Services Network Private Limited****Importers of plant and equipments for post harvest requirements.**

Address: S-488, 2nd Floor, Greater Kailash-I, New Delhi - 110 048, India

Phone: +(91)-(11)-51635583/26294166/26424362/26486920

Fax: +(91)-(11)-51635583/26486920

**Mahajan Farms****Buyers of agriculture implements.**

Address: Bhagya Chintamani Society Paud Road, Pune - 411 029, India

Phone: +(91)-(20)-5280885

**South Agency****Importer of all kinds of agricultural products.**

Address: 119 A, Chittranjan Avenue, Kolkata - 700 073, India

Phone: +(91)-(33)-32468924

**Annapurna Seeds****Importers Of Vegetable Seeds, Agricultural Spares.**

Address: Sagar Estate, 2, Clive Ghat Street, 2nd Floor, Room No. 15,  
Kolkata - 700 001, India

Phone: +(91)-(33)-22200754/22102180/22106825 Fax: +(91)-(33)-  
22208950/22107849

**Hans Imports & Exports****Importers of agricultural machinery.**

Address: II-B-83, Lajpat Nagar-II, New Delhi - 110 024, India

Phone: +(91)-(11)-29815209 Fax: +(91)-(11)-29824074

**Agrico India****Importers of horticulture items.**

Address: J - 4/32, Malviya Nagar, Khirki Extension,

New Delhi - 110 017, India

Phone: +(91)-(11)-9811942850

**G. V. B. Micro-Irrigation Systems & Agro Industries**

**Buyers of agriculture machinery for processing csnl.**

Address: Venkataramannagudem Road, Jaggannapeta, Tadepalligudem - 534  
102, India

Phone: +(91)-(8818)-83294 Fax: +(91)-(8818)-83294

Mobile / Cell Phone: +(91)-9849433111

**Hạt và Quả khô  
Dry Fruits & Nuts**

**Raaj Internationals**

**Deals in import and supplying a wide variety of dry fruits that includes cashew nuts, cashew kernels, dried cashew nuts, white cashew nuts, roasted cashew nuts and split cashew nuts.**

Address: 2/9- B, Mohan Street Tambaram East, Chennai - 600 059, India

Phone: +(91)-(44)-45572356 Fax: +(91)-(44)-45572356

Mobile / Cell Phone: +(91)-9500063433

**Mekatronics Products Private Limited**

**Importing and supplying of dry fruits that includes raw cashew nuts, roasted cashew, salted cashews, plain cashew nuts, cheese cashew, spicy cashews, roasted salted cashews, raw cashew nuts and spicy cashew nuts.**

Address: No. 104, M. G. House, Commercial Complex, Wazirpur Industrial Area, New Delhi - 110 052, India

Phone: +(91)-(11)-27372131/42474313 Fax: +(91)-(11)-27372128

Mobile / Cell Phone: +(91)-9811201822

**Ram Swarup Satish Kumar**

**Supplying complete range of dry fruits like raisins, pistachios, cashew nuts, dates, prunes, apricots, strawberries, almonds, cranberries, peaches, pears, kismis and dry apples etc**

Address: E-11, Model Town 2nd, 1st Floor, Near Naini Lake,  
Delhi - 110 009, India

Phone: +(91)-(11)-27450467

Mobile / Cell Phone: +(91)-9810553354/9811046884

**Pratipa Cashews**

**Engaged on importing and exporting of raw cashew nuts, raw cashew and quality raw cashew. Also supply processed cashew nuts, quality cashew kernels, whole cashew nuts, scorched cashew nuts, cashew nut butts, plain cashew nuts and roasted cashew nuts.**

Address: No. 80 A/ 40, Lakshmipathy Nagar, Vadakailasam, Panruti,  
Cuddalore - 607 106, India

Phone: +(91)-(4142)-242266 Fax: +(91)-(4142)-246866

Mobile / Cell Phone: +(91)-9443240866

**Indcom Traders****Importers of dry fruits, crude drugs.**

Address: 600, Katra Ishwar Bhawan, Khari Baoli, New Delhi - 110 006, India

Phone: +(91)-(11)-23961524/26461964 Fax: +(91)-(11)-23927060

**Imperial Commodities****Buyers of raw cashew nuts, cashew kernels, groundnut kernels etc.**

Address: No. 4/ 210, Kapaleeswarar Nagar, Neelankarai,

Chennai - 600 041, India

Phone: +(91)-(94443)-61786 Fax: +(91)-(44)-24490682

Mobile / Cell Phone: +(91)-9444361786

**Nihal Singh & Company****Buyers of all kinds of dry fruits.**

Address: No. 1, Kapoor Nagar, Sultan Wind Road, Amritsar - 143 006, India

Phone: +(91)-(183)-2485152

Mobile / Cell Phone: +(91)-9815943060

**Mac Agri Exports****Importers of south origin and gujarat origin all counts of peanuts (ground nuts) sesame seed in natural, hulled and crushing quality.**

Address: Satya Niwas C. H. S., 2nd Floor, Tejpal Scheme Main Road,

Vile- Parle East, Mumbai - 400 057, India

Phone: +(91)-(22)-40264667 Fax: +(91)-(22)-40264666

Mobile / Cell Phone: +(91)-9821116730

**Blue- Moon Cold Storage****Importers of all types of dry fruits.**

Address: No. 3, Ichcha Industrial Estate, Valia Abrama, Valsad - 396 001, India

Phone: +(91)-(2632)-227755/227991 Fax: +(91)-(2632)-227181

Mobile / Cell Phone: +(91)-9824110481

**Ajit Singh Om Parrkash Limited****Importers of dry fruits.**

Address: 2637, Naya Bazar, Delhi - 110 006, India

Phone: +(91)-(11)-23932108/23912108 Fax: +(91)-(1823)-222008/23933108

Mobile / Cell Phone: +(91)-9814320808/9814100508

**Sarvesh Internatrional****Importers of high quality fresh dates.**

Address: Chennai- Bangalore Highway, Indhira Nagar, Perumugai, Vellore - 632 009, India

Phone: +(91)-(416)-2256477

Mobile / Cell Phone: +(91)-9443073477

**N R Associates****Importer of cashew nuts, cashew kernels and raw cashew nuts outturn.**

Address: Mini Shopping Complex, First Floor, Polayathodu,

Kollam - 691 001, India

Phone: +(91)-(474)-2762186 Fax: +(91)-(474)-2762186

Mobile / Cell Phone: +(91)-9349237421

**K. C. M. C. R. Selvarathinam Enterprises****Buyers of groundnut kernel.**Address: 4/8, 2nd West Cross Street, Mahalakshmi Nagar, Tanjore Road,  
Trichy - 620 008, India

Phone: +(91)-(431)-2201964 Fax: +(91)-(431)-2201224

Mobile / Cell Phone: +(91)-9843254547

**Santraj & Sons****Buyers of dry fruits, cashew nuts etc.**

Address: 168, Sector 3. R. K. Puram, New Delhi - 110022, India

Phone: +(91)-(11)-26172431 Fax: +(91)-(11)-26184910

Mobile / Cell Phone: +(91)-9810502551

Website: <http://www.indiamart.com/company/395503/>**Jagdish Commercial Service****Importers Of Fresh Vegetables Herbs, Kirana.**

Address: 59, Mewa Mandi, Amritsar - 143 001, India

Phone: +(91)-(183)-2554169/554169/553838/546429/2559298

Fax: +(91)-(183)-2559298

Mobile / Cell Phone: +(91)-9417286324

**Usha Pharmachem****Importers of dry fruits and various other items.**

Address: A T &amp; Post Agashi Katarwadi, C S T Road, Tal Vasai, Distict

Thane, Village Katarwadi, Mumbai - 401 301, India

Phone: +(91)-(250)-2588889

Mobile / Cell Phone: +(91)-9820277699

**Barkaat Packaging****Importers of wet dates, dry dates, dry fruits etc.**

Address: 18/26, Bhandari Street, opposite Masjid Bunder Post Office

Mandvi, Mumbai - 400 003, India

Phone: +(91)-(22)-32577119/3423828 Fax: +(91)-(22)-3401664

Mobile / Cell Phone: +(91)-9322512822

**Ghanshyam Enterprise****Importers of ground nut shell, ground nut kernel etc.**

Address: Udhyog Nagar, Near Veraval By Pass, Mangrol - 362 225, India

Phone: +(91)-(2871)-236014

Mobile / Cell Phone: +(91)-9925037126

**Alsam International****Importers of raw cashew nuts.**

Address: 66 A, Mangad Nagar, Mangad P.O., Quilon - 691 015, India

Phone: +(91)-(474)-2708141 Fax: +(91)-(474)-2711147

Mobile / Cell Phone: +(91)-9946021147/9447011147

**Tirumala Agro Commodities Private Limited****Importers of raw cashewnut and almonds.**

Address: House No. 8, Ahilya Nagar, Shradanand Road Vile Parle (East),  
Mumbai - 400 057, India

Phone: +(91)-(93)-22814935

**Falcon Enterprises****Importers of dry fruits.**

Address: 222, Ajit Nagar Sultanwind Road, Amritsar - 143 006, India

Phone: +(91)-(183)-588222

Mobile / Cell Phone: +(91)-9888484539

**Punjabi Chandu Halwai****Importers of pistachio, almonds, cashew nuts etc.**

Address: Navyug Niketan, 185 Walkeshwar Road, Teenbatti,  
Mumbai - 400 006, India

Phone: +(91)-(22)-23694795/23680872 Fax: +(91)-(22)-23643234

**Global Exim Corpn.**

**Engaged in importing of cashew kernels such as white cashew kernels, Indian cashew kernels, plain cashew kernels and cashew nuts. Also imports Indian natural stones, marine edible salts, industrial minerals and garnet stone.**

Address: 18/16, Rangappa Street, Ist Floor, Aynavaram, Chennai - 600 023, India

Phone: +(91)-(44)-26452029/26472380/26472380

Mobile / Cell Phone: +(91)-9444748572/9840052536

**Anil Grover and Company**

**Engaged in importing and supplying of dry fruits such as almonds, ground nuts, peanuts, cashew nuts, chest nuts, pista, dates, apricot, walnut and raisins.**

Address: C - 40, APMC - 1, Phase - 2, Sector - 19, Turbhe, Vashi,  
Mumbai - 400 705, India

Phone: +(91)-(22)-27651107/27651707/27651107

Fax: +(91)-(22)-67907228

Mobile / Cell Phone: +(91)-9820035986/9324101389

**Amirtha Impex, Chennai**

**Exporters and importers of coconuts, sesame seeds, nuts, groundnuts and kernels. Also deals in cooking oil, edible cooking oil, vegetable cooking oil, coconut oil, gingily oil, groundnut oil, neem oils, natural neem oils and pure neem oils.**

Address: No.146, North Mada Street, Vadapalani, Chennai - 600 026, India

Phone: +(91)-(44)-24725080 Fax: +(91)-(44)-24800588

Mobile / Cell Phone: +(91)-9444123036

**Akshar Traders**

**Importer of dry fruits, almond kernels, almonds, cashew kernels, cashew nuts, salted cashews, raw cashews, walnuts, apricot kernel, pistachios, cassia, cloves and cooking pulses.**

Address: 301, Gem House, Lake Boulevard, Hiranandani Gardens, Powai., Mumbai - 400 076, India

Phone: +(91)-(22)-25708407 Fax: +(91)-(22)-25708407

Mobile / Cell Phone: +(91)-9820033192

**Shantadurga Engineers**

**Importers of all kinds of dry fruits.**

Address: No. F-6, Medha Apartments, Shanti Nagar, Ponda - 403 401, India

Mobile / Cell Phone: +(91)-9422439094

**B. C. Exports, New Delhi**

**Importers of nut, almonds & cardamom**

Address: D- 235, Vivek Vihar, New Delhi - 110 095, India

Phone: +(91)-(11)-22153389/22142206 Fax: +(91)-(11)-22153924

Mobile / Cell Phone: +(91)-9810058378

**Champaklal & Company**

**Importers of cashew nut.**

Address: 1434, New Madhupura, Opposite Dariyapur Gate,

Ahmedabad - 380004, India

Phone: +(91)-(79)-22139300

Mobile / Cell Phone: +(91)-9327029644

**Navin Trading Comapny**

**Buyers of raw cashew nuts.**

Address: No. 29/621-J, Jain Tower, Vyttila, Cochin - 682 019, India

Phone: +(91)-(484)-2302830/4036396 Fax: +(91)-(484)-2302830

Mobile / Cell Phone: +(91)-9995030307

**Unistar Impex****Importers of dry fruits.**

Address: No. 33- 2000 A, Loyal Compound, Vennala, Cochin - 682 028, India

Phone: +(91)-(484)-2809194 Fax: +(91)-(484)-2806209

Mobile / Cell Phone: +(91)-9447080051

**Sherry Global****Importers of dry fruits such as almonds, walnuts, cashew nuts, raisins etc.**

Address: C 27, 3rd Floor, Community Centre, C Block, Janak Puri,

New Delhi - 110 058, India

Phone: +(91)-(11)-45502733 Fax: +(91)-(11)-45502733

Mobile / Cell Phone: +(91)-9899400830

**U.D. International****Importer of dry fruits & kiriyana items.**

Address: 528, Katra Ishwar Bhawan, Khari Baoli, New Delhi - 110 006, India

Phone: +(91)-(11)-2940632/3976160/3964237

Fax: +(91)-(11)-3919557

**S. V. F Extracts Private Limited****Importers of apricot and prune.**

Address: No. 7, Nandanam, Nizampet Road, Kukatpally,

Hyderabad - 500 038, India

Phone: +(91)-(40)-56466789

Mobile / Cell Phone: +(91)-9866666789

**I. M. Importers & Exporters****Buyers of all dry fruits like saffron, cashewnuts, almonds, pistachio, apricot etc.**

Address: 10-6-236, Madinavilla, Ground Floor, Hashim Compound,

First Lancer, Hyderabad - 500 028, India

Phone: +(91)-(40)-32995859

Mobile / Cell Phone: +(91)-9640814785

**Nanak Chand Aggarwal & Bros.****Importers of dry fruits**

Address: 2103, Katra Tobacco, Khari Baoli, Delhi - 110 006, India

Phone: +(91)-(999)-9931100

Mobile / Cell Phone: +(91)-9999931100

**Samsons Trading Company Private Limited**

**Importers of raw cashewnuts in shell.**

Address: 2nd Floor, Sai Leela, 325, Linking Road, Khar (West),

Mumbai - 400 052, India

Phone: +(91)-(22)-26464159/26464160 Fax: +(91)-(22)-26462346

**Grains India**

**Importers of cashew.**

Address: 30, Bentick Street, Kolkata - 700 001, India

Phone: +(91)-(33)-32917991

**Synthite Industrial Chemicals Limited**

**Importers of dry fruits, garcinia combogia and nuts.**

Address: Synthite Valley, Kadayiruppu, Ernakulam,

Ernakulam - 682 311, India

Phone: +(91)-(484)-3051229/3051356/3051355 Fax: +(91)-(484)-3051351/2760367

**Bachubhai Dudhwala Private Limited**

**Importers of dry fruits.**

Address: Plot No.1 & 2, Survey No. 59, Talaja Road, Mamsa District, Bhavnagar - 364 002., India

Phone: +(91)-(278)-2883412/2883413 Fax: +(91)-(278)-2883291

Mobile / Cell Phone: +(91)-9825206731

**Arjuna Natural Extracts Limited**

**Importers of dry fruits & nuts like garcinia cammogia, mustard seeds.**

Address: Kaders Centre, Bye-Pass Road, Aluva - 683 101, India

Phone: +(91)-(484)-622204/622612 Fax: +(91)-(484)-622612/532404

**Dung Enterprises**

**Importers of dry fruits.**

Address: F/51, APMC, Phase-2, Vashi, Navi Mumbai, Mumbai - 400 705, India

Phone: +(91)-(22)-27665059 Fax: +(91)-(22)-27655910

**Bhagyanagar Foods**

**Importers of nuts.**

Address: 16-10-1/2, Malakpet, Hyderabad - 500 023, India

Phone: +(91)-(40)-30916417

**Angels Enterprises Limited**

**Importers of dry fruit.**

Address: 13, Bela Road, Civil Lines, New Delhi - 110 054, India

Phone: +(91)-(11)-23972613/23943316 Fax: +(91)-(11)-23915770

**Exim Trade Corporation****Importers of all kinds of dry fruits.**

Address: 456, Central Facility Building, APMC, Mkt 1, Phase 2, Vashi,  
Navi Mumbai - 400 019, India  
Phone: +(91)-(22)-27659443 Fax: +(91)-(22)-27659443

**Omer & Company****Buyers of almond, nuts etc.**

Address: 10- 4- 771/ 82/ C/ 4, Green Street, Masab Tank,  
Hyderabad - 500 028, India  
Phone: +(91)-(40)-55132546  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9885223938

**Popular Cashews****Buyers of raw cashew nuts.**

Address: 80.Varadhamuthiappan Street, Chennai - 600 001, India  
Phone: +(91)-(44)-25250907 Fax: +(91)-(44)-25247966  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9840188170

**Crimson Traders****Buyers Of All Kinds Of Cashew Nuts.**

Address: Flat No. 5, Ishwarya Nilayam, Punjagutta Near Saibabamandir,  
Hyderabad - 500 082, India  
Phone: +(91)-(40)-23352457  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9885452528

**J. M. International, Delhi****Importers of dry fruits.**

Address: 282 Katra Pedan, Tilak Bazar, Khari Baoli,  
New Delhi - 110 006, India  
Phone: +(91)-(11)-23985247 Fax: +(91)-(11)-23943520

**Vanaj Refinery****Buyers of groundnuts.**

Address: 38, T. C. K. Sonaikaruppan Street, Virudhu Nagar - 626 001, India  
Phone: +(91)-(4562)-244003  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9443228869

**Bạc hà, Tinh dầu và Hương liệu**  
**Menthol, Essential Oil and Aromatic Oil**

**Allied Udyog Private Limited**

**Importers of essential oils like palmarosa oil, citriodora oil, rosemary oil, lemon grass oil, clove oil, pine oil, medicinal oil, orange oil, rose oil, hina oil, spice oil, sandalwood oil, mentha piperita oil, kewra oil, perfumery oil and bergamot oil.**

Address: 11A, Anukul Mookerjee Road, Kolkata - 700 006, India

Phone: +(91)-(33)-22593203/22593472/22594939

Fax: +(91)-(33)-22593203

**Raaj Internationals**

**Importer and exporter of oil, hair oil, herbal aromatic oil, aloe vera hair oil, herbal aloe vera hair oil, indian herbal aloe vera hair oil and anti dandruff aloe vera hair oil.**

Address: 2/9- B, Mohan Street Tambaram East, Chennai - 600 059, India

Phone: +(91)-(44)-45572356 Fax: +(91)-(44)-45572356

Mobile / Cell Phone: +(91)-9500063433

**Seema International**

**Importers of natural essential oils.**

Address: F 17/57, Sector 8, Rohini, New Delhi - 110 085, India

Phone: +(91)-(11)-27872899 Fax: +(91)-(11)-27945394

Mobile / Cell Phone: +(91)-9811072654

**Allohran Aromatic Oils Private Limited**

**Importers of essential and aromatic oils.**

Address: Village Rohta, Near Rohti Bridge, Teh Nabha District, Patiala, Nabha - 147 201, India

Phone: +(91)-(98)-55016017

Mobile / Cell Phone: +(91)-9855016017

**Mehra Drug House**

**Importer and exporter of essential oils that includes herbal essential oil and ayurvedic essential oil. Also imports pure herbs, herb extract, saussurea lappa, picrorhiza kurroa, valerian, boswellia serrata and asphaltum.**

Address: Navrang Building, Majith Mandi, Amritsar - 143 006, India

Phone: +(91)-(183)-2530893/2501888 Fax: +(91)-(183)-2545893

Mobile / Cell Phone: +(91)-9417243088

**Anupam Industries, Mumbai****Importers of Clove Leaf Oil, Patchouli Oil etc.**

Address: 22, Champaklal Industrial Estate Sion-Koliwada Road,  
Mumbai - 400 022, India

Phone: +(91)-(22)-24074493/24012225 Fax: +(91)-(22)-24076336

**L. B. Aroma & Healthcare****Importers of good quality aroma oils.**

Address: D/411, Crystal Plaza New Link Road, Andheri West,  
Mumbai - 400 053, India

Phone: +(91)-(22)-20314106 Fax: +(91)-(22)-26170797

Mobile / Cell Phone: +(91)-9870462328

**Annapoorna Traders****Importers of olive oil, neem oil, mahua oil.**

Address: 145, Annapillai Street, Chennai - 600 001, India

Phone: +(91)-(44)-52620403 Fax: +(91)-(44)-2554157

Mobile / Cell Phone: +(91)-9840823095

**Mohana Agencies & Marketing****Importers of aeromatic oils.**

Address: No. 25- 25- 81, Vengalarao Nagar, C- Block, H. K. Babu  
Colony, Lastline, Nellore - 524 004, India

Phone: +(91)-(93)-96598539

Mobile / Cell Phone: +(91)-9396598539

**Zaky Minerals****Buyer of palm oil.**

Address: S. R. T-198, Jawahar Nagar, Chikkadpalli,  
Hyderabad - 500 028, India

Phone: +(91)-(40)-27679393 Fax: +(91)-(40)-27679393

Mobile / Cell Phone: +(91)-9885792207

**Sun Green Technologies**

**Importer of essential oil like natural essential oil, pure essential oil,  
kewra essential oil, perfume essential oil, herbal essential oil, sandal oil  
and aromatic essential oil. Also importing leather sandal, leather  
accessories and finished leather.**

Address: Flat No. 102, Aashrey Apartment, 7/115, Swaroop Nagar,  
Kanpur - 208 012, India

Phone: +(91)-(512)-3042131

Mobile / Cell Phone: +(91)-9935600131

**Agrotech Global****Importers of all essential oils.**

Address: C-7, Sector 35, Noida - 201 307, India

Phone: +(91)-(120)-2311036 Fax: +(91)-(120)-2311036

Mobile / Cell Phone: +(91)-9811633003

**Cosmo Films Limited****Importers of all types of palm acid and mixed acid oil.**

Address: B-1, 4/8-9, Midc, Industrial Area, P. O. Bajaj Nagar, P. B. No. 964, Waluj, Aurangabad - 431 136, India

Phone: +(91)-(240)-2554611/554611554614/240554612 Fax: +(91)-(240)-2554416/556276

Mobile / Cell Phone: +(91)-9823071040

**Nilayoram****Buyers of rose oil and sandalwood oil.**

Address: Painkulam, Cheruthuruthy, Thrissur - 679 531, India

Phone: +(91)-(487)-2384788

Mobile / Cell Phone: +(91)-9847044244

**Sahajanand Trading****Buyers of all types of essential oils.**

Address: 21, Vijay Park, NH-8, Saijpur Bogha, Ahmedabad - 382 345, India

Phone: +(91)-(79)-2815225

Mobile / Cell Phone: +(91)-9825938311/9825711363

**Mentha & Allied Products Limited****Buyers of all type crude essential oil.**

Address: Rahe Raza, Civil Lines, Rampur - 244 901, India

Phone: +(91)-(595)-2350855/2574325 Fax: +(91)-(595)-2574754

Mobile / Cell Phone: +(91)-9412251375

**Pradeep Deo & Company****Importers of natural essential oils.**

Address: 11/ 991, Vrindavan, Oothikkara Morakkala, Kumarapuram - 683 595, India

Phone: +(91)-(484)-2685751/3115917 Fax: +(91)-(484)-2426168

**S. R. Biotech India Private Limited****Buyers of palmrosa oil, citronella oil, turmeric leaf oil, lemon grass oil etc.**

Address: 491/4, Kamarajanar Road, Attur - 636 102, India

Phone: +(91)-(4282)-240515 Fax: +(91)-(4282)-250388

Mobile / Cell Phone: +(91)-9443251522

**Neelkanth Aromatics****Importers of all types of mentha oils.**

Address: A-105, Sector 36, Noida - 201 301, India

Phone: +(91)-(120)-2570158 Fax: +(91)-(120)-2570158

Mobile / Cell Phone: +(91)-9312256224

**Estelle Chemicals Private Limited****Importers of rice bran fatty oil, hydrogenated soya oil, stearic acid, glycerine, meg, deg, sorbitol, olieacid and hydrogenated palm stearin.**

Address: No. G-20/5, MIDC, Ahmadnagar - 414 111, India

Phone: +(91)-(241)-2779199/2779383 Fax: +(91)-(241)-6601605

Mobile / Cell Phone: +(91)-9890699797/9545469797

**Thakker Group****Importers of essential oils and aroma therapy oils.**

Address: 118/122, Kazi Syed Street, 507, Nain Krupa Building Masjid

Bunder, Mumbai - 400 003, India

Phone: +(91)-(22)-23432526

**Varsha Aromatic****Importers of aromatic essential oils like palmrosa, citronella, lemon grass oils and xnthapil marigold.**

Address: Brindavan Garden, 1st Street 11\73- A Gobichettipalayam, Erode - 638 476, India

Phone: +(91)-(4285)-221231

Mobile / Cell Phone: +(91)-9443381231

**Garment Business Solutions Consultant****Buyer of menthol oil and palm oil.**

Address: 349- A, 6- B, K- Block, Mahipalpur Extension, Delhi - 110 037, India

Phone: +(91)-(11)-26785323

Mobile / Cell Phone: +(91)-9313208328

**Biomass****Buyers of palmarosa oil, davana oil, lemongrass oil, eugalyptus oil, gymnema extract, citronella oil, basil oil, geranium oil etc.**

Address: C 2-35, K. R. P. Colony, Sullurupeta Nellore-dt,

Nellore - 524 121, India

Phone: +(91)-(8623)-244769

Mobile / Cell Phone: +(91)-9440151854

**Neeraj Essential Oil****Buyers of eucalyptus oil.**

Address: No. 51, Mount Pleasant Road, Post Box No. 21,  
Coonoor - 643 102, India

Phone: +(91)-(423)-2206868 Fax: +(91)-(423)-2206868

Mobile / Cell Phone: +(91)-9842294831

**Saraswati Biotech Private Limited****Importers of all types of aromatic oil.**

Address: 1 Subibi, Opposte Main Gate, Near Powai Hospital Powai,  
Mumbai - 400 076, India

Phone: +(91)-(22)-25778906

Mobile / Cell Phone: +(91)-9322531411

**R. G. Saga Exports Private Limited****Importers of essential oils.**

Address: 19, Pollock Street, Room-11, Kolkata - 700 001, India

Phone: +(91)-(33)-22362452 Fax: +(91)-(33)-22364317

Mobile / Cell Phone: +(91)-9831575555

**Unicorn Natural Product Private Limited****Buyer of essential oil etc.**

Address: No.3, Balaji Enclave, Near Gunrock Diamond Point, Transport  
Road,, Hyderabad - 500 003, India

Phone: +(91)-(40)-27904920/27904221 Fax: +(91)-(40)-  
27905924/27901146

Mobile / Cell Phone: +(91)-9849091601

**Shiva Sakthi Natural Products****Importers of essential oils.**

Address: 1-3/23-4/5, Madhava Sharma Street Cement Road,  
Vdhyadharapuram, Vijayawada - 523 316, India

Phone: +(91)-(866)-2415606

Mobile / Cell Phone: +(91)-9393413089/9440510381

**Ayurved India****Importers of pine oil and citronella oil.**

Address: Jhadeswari Club Lane Police Line Square, Puri - 752 001, India

Phone: +(91)-(6752)-223917

Mobile / Cell Phone: +(91)-9437356700

**Surabhi Fragrances****Importers of all types of essential oils.**

Address: J-231, Deepak Marg, Adarsh Nagar, Jaipur - 402 004, India

Phone: +(91)-(141)-2618572 Fax: +(91)-(141)-2615152

**Prabhu Oil Field Services Private Limited**

**Buyers of malaysian palm oil.**

Address: 77, Chimbai Road, Off. Perry Cross Road, Bandra (W),  
Mumbai - 400 050, India

Phone: +(91)-(22)-26555602/26555625 Fax: +(91)-(22)-26495884

Mobile / Cell Phone: +(91)-9820008354

**Nisarga Biotech Private Limited**

**Importers of essential oil.**

Address: 275, Chandan Nagar, Addl MIDC, Degaon Road, Satara - 415  
004, India

Phone: +(91)-(2162)-247004 Fax: +(91)-(2162)-248439

Mobile / Cell Phone: +(91)-9422401997

**Northern Aromatics Limited**

**Leading manufacturers of essential oils, aromatic compounds and  
flavours.**

Address: No. 8/ 1- B., Site- 4, Industrial Area, Sahibabad,  
Ghaziabad - 201 001, India

Phone: +(91)-(120)-4371747 Fax: +(91)-(120)-4371747

Mobile / Cell Phone: +(91)-9810303353

**H K Calibration**

**Importers of fragrances, essential oil etc.**

Address: 102, Santa Rosa, Yogi Hills, off Balrajeshwar Road, Mulund  
(West), Mumbai - 400 080, India

Phone: +(91)-(22)-25914371 Fax: +(91)-(22)-25921420

Mobile / Cell Phone: +(91)-9892022203

**Bhavana Cosmetics**

**Buyers of jojoba oil.**

Address: 312/E2, Manjalpur Township-1, Vadodara - 390 011, India

Phone: +(91)-(265)-3121087

**Regent Pharmaceuticals**

**Importers of essential oils.**

Address: Bulakhidas Building, Vitthaldas Lane, Ab Vireshwar Hotel,  
Mumbai - 400 077, India

Phone: +(91)-(22)-22052491/40222491 Fax: +(91)-(22)-56382537

**Hightech Systems**

**Importers of olive oil, almond oils etc.**

Address: 127/b, Anandapally, Kolkata - 700 032, India

Phone: +(91)-(33)-24149125

**Sarita Industries****Importers of african sandalwood and its oil.**

Address: 105/682, Deputy Ka Padav, Chandrika Devi Chauhara,  
Kanpur - 208 003, India

Phone: +(91)-(512)-2674276

Mobile / Cell Phone: +(91)-9415147039

**Syscon Agrocam****Buyers of oils of lemongrass, menthol, citronala, palmarosa etc.**

Address: 44/ A, Rajat Vihar, Hosangabad Road, Near Danish Nagar,  
Bhopal - 462 024, India

Phone: +(91)-(755)-2417144

**Godavari Aqua Private Limited****Importers of tea tree oil.**

Address: 40-1-142B, 2nd Floor, Above Smita Travels, M. G. Road,  
Vijayawada - 520 010, India

Phone: +(91)-(866)-5561111 Fax: +(91)-(866)-5562222

Mobile / Cell Phone: +(91)-9866239999

**Narvada Aromatics****Buyers of aromatic chemicals.**

Address: C-136, 3rd Cross, Robertson Block, R. C. Puram,  
Bengaluru - 560 021, India

Phone: +(91)-(80)-23125982 Fax: +(91)-(80)-23125982

Mobile / Cell Phone: +(91)-9845035582

**Kisan Jagriti Mission****Importers of palm oil.**

Address: 1119, Urban Estate - II, Hisar - 125 001, India

Phone: +(91)-(1662)-246376 Fax: +(91)-(1662)-247888

Mobile / Cell Phone: +(91)-9416043939

**Mercury International, Kolkata****Buyers of sandalwood oil.**

Address: 3/1 Bankshall Street, 2 Floor, Kolkata - 700 001, India

Phone: +(91)-(33)-22485318 Fax: +(91)-(33)-22488059

Mobile / Cell Phone: +(91)-3331013660

**Raessa Enterprises****Buyers of essential oils.**

Address: C-2/4, Mahindra Nagar, Malad East, Mumbai - 400 097, India

Phone: +(91)-(22)-28770873 Fax: +(91)-(22)-28770873

**Ganpati Oil Private Limited**

**Importers of crude palm oil.**

Address: A/91, Galla Mandi, Bhikangaon - 477 001, India

Phone: +(91)-(7534)-233465

Mobile / Cell Phone: +(91)-9826253365

**Standard Fragrance**

**Importers of aromatic chemical.**

Address: 1, Gokul Flats, Near Circuit House; Shahibaug,

Ahmedabad - 380 004, India

Phone: +(91)-(79)-22867770 Fax: +(91)-(79)-22144807

Mobile / Cell Phone: +(91)-9879099776

**P. K. K. International**

**Buyers of natural essential oil.**

Address: A-33, Pratap Nagar Mayur Vihar Phase-I,

New Delhi - 110 091, India

Phone: +(91)-(11)-22758242 Fax: +(91)-(11)-27475441

**Fragrance & Flavour**

**Buyers of essential oil.**

Address: Dwarka, Plot 29, Sector 4, New Delhi - 110 045, India

Phone: +(91)-(11)-25094006

**C. K. C. Fragrances & Flavours Private Limited**

**Importers of aromatic chemicals and natural essential oils.**

Address: Swaika Centre, Room # 310, 4-A, Pollock Street,

Kolkata - 700 001, India

Phone: +(91)-(235)-22358461 Fax: +(91)-(33)-22216567

**Gia vị các Dẫn xuất**

**Spices & Derivatives**

**Girdhari Lal And Sons**

**Importers of cooking spices, Indian herbs, cardamom spice, black cloves, pure mercury, citric acid, camphor, sodium acetate trihydrate, monosodium glutamate, ammonium chloride, red lead oxide, tin ingots metal, selenium metal and lead ore.**

Address: 215, Katra Peran, Tilak Bazar, New Delhi - 110 006, India

Phone: +(91)-(11)-23913543/23916519/23967136

Fax: +(91)-(11)-23946844

Mobile / Cell Phone: +(91)-9811014296

**Raja Traders, Saharanpur  
Importers of saffron.**

Address: 28, Mission Compound, Saharanpur - 247 001, India  
Phone: +(91)-(132)-2724554 Fax: +(91)-(132)-2612310

**Blak Pearl**

**Engaged in supplying and importing of indian spices that includes mustard seeds, bay leaves, tamarind, cinnamon, fennel seeds, black pepper, red chillies, turmeric, aniseeds, cloves, black cardamom and mango powder etc.**

Address: HIG-4, Ganga Nagar, SIHS Colony, N. K. Palayam (PO),  
Coimbatore - 641 033, India  
Fax: +(91)-(422)-2273658  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9092055174/9092055175

**Raaj Internationals**

**Importer and exporter of spices, indian cooking spices, aromatic red chillies, black pepper, cooking coriander seeds, indian cinnamon, dried star fruits and aromatic cumin seeds.**

Address: 2/9- B, Mohan Street Tambaram East, Chennai - 600 059, India  
Phone: +(91)-(44)-45572356 Fax: +(91)-(44)-45572356  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9500063433

**Nathubhai Cooverji and Sons, Mumbai**

**Importers and exporters of Indian spices that includes ginger, coriander, cummin powder, methi powder, red chillies powder, turmeric powder, dehydrated onion, garlic flakes and black pepper powder. Also deals in basmati rice and hybrids oilseed.**

Address: 417, Vasant Nivas, 3rd Floor, Bhaudaji Cross Road No. 10,  
Matunga, Mumbai - 400 019, India  
Phone: +(91)-(22)-23481775/23482982 Fax: +(91)-(22)-  
23743003/24024709

**Sri Subrabhatha & Co.**

**Wholesale supplier and importer of food products including asafoetida, kabuli chana, cooking spices and jeera etc. Also supplying finest quality basmati rices and non basmati rices.**

Address: No. 30/24, Raghumaan Sait Colony No. 1, Ramanathapuram,  
Coimbatore - 641 045, India  
Phone: +(91)-(422)-2314721 Fax: +(91)-(422)-2314725  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9894178652/9894178695

**Sree Lakshmi Foods & Flavours****Importers of spices.**

Address: S- 201, Shreenand Nagar Part 2, Tagore Road, Vejalpur,  
Ahmedabad - 380 051, India  
Phone: +(91)-(79)-26823349 Fax: +(91)-(79)-26821672  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9924206658

**Gratolite India Private Limited****Importers of spices.**

Address: NW-205, Vishnu Garden,, New Delhi - 110 018, India  
Phone: +(91)-(11)-25986268 Fax: +(91)-(11)-25980269  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9810081345

**Ram Swarup Satish Kumar****Importing and supplying wide range of spices that includes coriander, methi, turmeric, cumin seeds, cloves, saunf, ajwain,black peppers, cardamom, raw saunf, split saunf etc.**

Address: E-11, Model Town 2nd ,1st Floor, Near Naini Lake,  
Delhi - 110 009, India  
Phone: +(91)-(11)-27450467  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9810553354/9811046884

**Jagdish Commercial Service****Importers Of Fresh Vegetables Herbs, Kirana.**

Address: 59, Mewa Mandi, Amritsar - 143 001, India  
Phone: +(91)-(183)-2554169/554169/553838/546429/2559298  
Fax: +(91)-(183)-2559298  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9417286324

**Talwar Sons****Engaged in import and supply of spices such as asafetida, asafetida granules, asafetida powder, compounded asafetida, Indian asafetida and compounded asafetida powder.**

Address: 86, Chinna Subanna Street, K. K Pudur,  
Coimbatore - 641 038, India  
Phone: +(91)-(422)-2442294 Fax: +(91)-(422)-4383182  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9894042294

**Knight Trading Company****Importers Of Dry Fruits, Spices And General Trading Items.**

Address: 500, Khari Baoli, Delhi - 110 006, India  
Phone: +(91)-(11)-1/3919021/3922483  
Fax: +(91)-(11)-26270054/23922483  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9891207556

**Great Eastern Shipping Company Limited, Mumbai**

**Importers spices like cassia, cloves etc.**

Address: Sugar House, 93-95, Kazi Syed Street, Mumbai - 400 003, India

Phone: +(91)-(22)-23425404/23427432 Fax: +(91)-(22)-23422173/23415860

**Chibi Exports**

**Importers of turmeric, chillie paste, tomato paste, garlic paste and spices.**

Address: 91, Third Main Road, Lazar Nagar, Avadi,

Chennai - 600 071, India

Phone: +(91)-(44)-26554012

**Sugandh Enterprises**

**Buyers of spices.**

Address: 64/8, Amar Kutir, Pestom Sagar, Road No.2, Chembur,

Mumbai - 400 089, India

Phone: +(91)-(22)-65726458

**Bindu Foods & Spices Private Limited**

**Importers of all varieties of indian masala powders, condiments and spices.**

Address: 4308, 4310. High Point IV Palace Road, Bengaluru - 560 001, India

Phone: +(91)-(80)-32902447

Mobile / Cell Phone: +(91)-9845033937

**Synthite Industrial Chemicals Limited**

**Importers of chillies, clove buds, coriander seeds, fennel seeds, fenugreek seeds, mustard seeds and ginger.**

Address: Synthite Valley, Kadayiruppu, Ernakulam,

Ernakulam - 682 311, India

Phone: +(91)-(484)-3051229/3051356/3051355

Fax: +(91)-(484)-3051351/2760367

**Uniexim Limited**

**Importers Of All Type Of Spices, Viz. Cloves, Cardamom, Cassia, Cumin Seeds.**

Address: M-29, APMC Market 1, Phase 2, Vashi,

Navi Mumbai - 400 705, India

Phone: +(91)-(22)-27882221 Fax: +(91)-(22)-27659443

Mobile / Cell Phone: +(91)-9819155781

**Sree Sai Marketings**

**Buyers of all types of spices, spice powder etc.**

Address: Plot No. 69, Sathappa Nagar, Industrial Estate Post,

Pudukkottai - 622 004, India

Phone: +(91)-(4322)-270865 Fax: +(91)-(4322)-270865

Mobile / Cell Phone: +(91)-9443727765

**S. K. J. Group India****Importers of camphor, cloves.**

Address: No. 30, Commercial Chambers, Yusuf Meherali Road,  
Masjid West, Mumbai - 400 003, India  
Phone: +(91)-(22)-23402194 Fax: +(91)-(22)-23402195  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9819832227

**Eon Trading, LLC Delaware Usa****Buyers of spices.**

Address: T20, 3rd Floor, Super Mall, Salunke Vihar wanowrie,  
Pune - 411 040, India  
Phone: +(91)-(20)-26837606 Fax: +(91)-(20)-26837606  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9823468885/9850244437

**Agrotech Global****Importers of spices.**

Address: C-7, Sector 35, Noida - 201 307, India  
Phone: +(91)-(120)-2311036 Fax: +(91)-(120)-2311036  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9811633003

**JX Resources****Buyers of spices.**

Address: No. 420, MG Road, Pondicherry - 605 001, India  
Phone: +(91)-(413)-4201796/3290307 Fax: +(91)-(413)-2225756  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9345104676

**S. V. F Extracts Private Limited****Importers of tamarind.**

Address: No. 7, Nandanam, Nizampet Road, Kukatpally,  
Hyderabad - 500 038, India  
Phone: +(91)-(40)-56466789  
Mobile / Cell Phone: +(91)-986666678

**Sanmati Trading Company**

**Importer of Indian spices such as cloves seed, star aniseed, botanical herbs, mace, leadore, long pepper, palliatory roots, cubebs, mulethi, damarbatu, gugal, citric acid, tukmariya pakistani, supari indo, majuphal and supari thai.**

Address: B-51, APMC Market, Phase II, Vashi, Mumbai - 400 705, India  
Phone: +(91)-(22)-27661756  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9819077688

**Swastik Enterprises****Importers of onions, garlic etc.**

Address: 22 Amar Chaya, Phule Road Dombivali,

Mumbai - 421 202, India

Phone: +(91)-(22)-34001261

**Sudha Mahila Gram Udyog****Importers of all types of spices.**

Address: 77, Vishweshwar Nagar, Hubli-Dharwad - 580 032, India

Phone: +(91)-(836)-2355170

Mobile / Cell Phone: +(91)-9916715517

**Mitesh Enterprises****Buyers of clove and cardamom.**

Address: Nehru Putla, Maskasath, Itwari, Nagpur - 440 002, India

Phone: +(91)-(712)-2770141 Fax: +(91)-(712)-2778373

Mobile / Cell Phone: +(91)-9970178141

**Shreeji Sales Agency, Mumbai****Buyers of saffron**

Address: 222/224, Samueal Street, Ground Floor, Tulsibhuvan, Vadgadi,  
Mumbai - 400 003, India

Phone: +(91)-(22)-56313026/23459898/22089370/641

Fax: +(91)-(22)-22089370/23459898

Mobile / Cell Phone: +(91)-9892134099

**Global Exim Corpn.****Buyer and importer of salts, powdered salts, crystal salts, edible salts, iodized salts, non iodized salts, sea edible salts, hygienic salts, free flow salts, marine edible salts and iodized crystal salts.**

Address: 18/16, Rangappa Street, Ist Floor, Aynavaram,  
Chennai - 600 023, India

Phone: +(91)-(44)-26452029/26472380/26472380

Mobile / Cell Phone: +(91)-9444748572/9840052536

**Harley Carmbel India Private Limited****Importer of garlic, spices and fruits.**

Address: No. 287, 4th Floor, DD Vyapar Bhavan, K.P. Vallon Road,  
Kadavanthra, Kochi - 682 020, India

Phone: +(91)-(484)-2311940/2323938/2323940

Fax: +(91)-(484)-2311939

Mobile / Cell Phone: +(91)-9846033919

**Nutrasia Ingredients Private Limited****Leading importer of spices.**

Address: Plot No. 5, Sector-19 C, Opposite Punjab National Bank,  
Vashi, Navi Mumbai - 400 703, India

Phone: +(91)-(22)-27801232 Fax: +(91)-(22)-27665618

Mobile / Cell Phone: +(91)-9820232008

**Rainbow Exports****Importers and buyers of cloves, star aniseeds, cassia, dried fruits, pigeon peas pulses, tuar whole pulses, moon beans pulses, urad pulses etc**

Address: No. 406, Akik Tower, Opposite Rajpath Club, Sarkhej,  
Gandhinagar Highway, Ahmedabad - 380 015, India

Phone: +(91)-(79)-26870451 Fax: +(91)-(79)-26870437

Mobile / Cell Phone: +(91)-9099707569

**Anil Grover N Company****Importers of spices like corriander whole and ground, turmeric whole and ground, cardamom - green, white and black etc.**

Address: 9, Nav Sonar Bala 35/36, Turner Road Bandra,  
Mumbai - 400 050, India

Phone: +(91)-(22)-27651107/26401389 Fax: +(91)-(22)-55907228

Mobile / Cell Phone: +(91)-9820035986/9324101389

**Jain Ayurvedics****Buyers of cooking spices, Indian spices, crude herbs, oil seeds, kalaunji, fennel seeds, kirana and singhara.**

Address: No. 364/ 79, Baoli Bazar, Saadat Ganj, Lucknow - 226 003, India

Phone: +(91)-(522)-2649711/3253588 Fax: +(91)-(522)-2649711

Mobile / Cell Phone: +(91)-9335204840/9415111618

**Om Ex-Im Trade House****Engaged in importing of indian spices.**

Address: House No. 30, Street No. 2, East Guru Angad Nagar,  
Laxmi Nagar, New Delhi - 110 092, India

Mobile / Cell Phone: +(91)-9911107299

**Commodity Impex****Importers of spices, cloves, cassia, nutmeg, cinnamon, star aniseeds, mace, dry ginger, black salt and guggal.**

Address: No. 505, Mandvi Navjivan Building, 121/127, Kazi Sayed  
Street, Mumbai - 400 003, India

Phone: +(91)-(22)-23448877/23425971 Fax: +(91)-(22)-23448166

Mobile / Cell Phone: +(91)-9819042044

**Chè và Cà phê  
Tea & Coffee**

**Avirason**

**Buyers of all kinds of tea and coffee.**

Address: B- 36/ 201, Vikas Nagar, Ludhiana - 141 002, India

Phone: +(91)-(161)-6573201 Fax: +(91)-(161)-2562826

Mobile / Cell Phone: +(91)-9872307201

**Skybee Travels**

**Importers of instant coffee and tea.**

Address: No. 308, 5th Floor, Fountain Plaza, Pantheon Road, Egmore,  
Chennai - 600 008, India

Phone: +(91)-(44)-42145646/42148773 Fax: +(91)-(44)-42145646

Mobile / Cell Phone: +(91)-9443142212/9488888881

**Airpac Exports**

**Buyers of tea bagging machineries.**

Address: No. 615, Janki Center, Off. Veera Desai Road, Andheri West,  
Mumbai - 400 053, India

Phone: +(91)-(22)-56912900/56912901 Fax: +(91)-(22)-56921555

**Eon Trading, LLC Delaware Usa**

**Buyers of tea.**

Address: T20, 3rd Floor, Super Mall, Salunke Vihar wanowrie,  
Pune - 411 040, India

Phone: +(91)-(20)-26837606 Fax: +(91)-(20)-26837606

Mobile / Cell Phone: +(91)-9823468885/9850244437

**GK Saha Services, Kolkata**

**Engaged in importing of tea.**

Address: 11, Dr. Un. Bramachari Road, Level-6, Constantia,  
Kolkata - 700 017, India

Mobile / Cell Phone: +(91)-9999365593

**Madhu Multiples**

**Buyers of tea and coffee beans.**

Address: Mali, Pernaje- Via Kavu, Putur- Sullia,  
Mangalore - 574 223, India

Phone: +(91)-(8251)-273077/273001

Mobile / Cell Phone: +(91)-9448297329/9342825177

**Aastha Enterprises, Mumbai****Buyers of instant tea used in the manufacturing of premixes.**

Address: Plot No. F- 53, Additional Ambarnath M. I. D. C., Anandnagar,  
Ambarnath - 421 506, India  
Phone: +(91)-(251)-3255848  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9321028823

**Samaksh Consulting & Marketing****Buyers of tea.**

Address: C1- A/81 C, Janakpuri, New Delhi - 110 058, India  
Phone: +(91)-(98)-68045404  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9868045404

**Sril India****Engaged in importing of tea, flavoured tea, instant tea, coffee, instant coffee etc.**

Address: 507, Saptagiri Towers, Begumpet, Hyderabad - 500 016, India  
Phone: +(91)-(40)-27761529/27761295/27761513  
Fax: +(91)-(40)-23607875  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9849165045

**Jagajeet Marketing****Buyers of instant tea and coffee premix powder used in vending machines.**

Address: 11, Sai Society, Shridhar Nagar, Chinchwad, Pune - 411 033, India  
Phone: +(91)-(20)-27453036 Fax: +(91)-(20)-27453036  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9822249521/9822540496

**Adroit Systems, Pune****Importers Of Coffee & Tea Coffee**

Address: 42, Tiny Co-Operative Industrial Estate Pisoli Road, Kondhwa  
BK, Pune - 411 048, India  
Phone: +(91)-(20)-26931693/26932693/26932333  
Fax: +(91)-(20)-26933693

**A. P. Huong Enterprises****Importers of all types of artichoke tea.**

Address: Kottethu House, Pandanad North Kallissery,  
Alleppey - 689 124, India  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9886361435

**Duncans Goenka Group****Importer of tea.**

Address: Duncan House, 31, Netaji Subhash Road, Kolkata - 700 001, India  
Phone: +(91)-(33)-22200962/ 2202185 Fax: +(91)-(33)-22486021

**Kothari Tea Enterprises****Importers of all kinds of tea.**

Address: 4/24, Vinayaga Maistry St, Anna Pillai St Cutting,  
Chennai - 600 079, India

Phone: +(91)-(44)-25292458/25292458/5071

Mobile / Cell Phone: +(91)-9884163512

**M. P. L. Co.****Importers of all types of tea and coffee.**

Address: 12th Floor Industry House, 10, Camac Street,  
Kolkata - 700 017, India

Phone: +(91)-(33)-22871760

Mobile / Cell Phone: +(91)-9831034207

**Malav Exports Private Limited****Importers of coffee beans.**

Address: C3, Lsc Paschimi Marg, Vasant Vihar, New Delhi - 110 057, India

Phone: +(91)-(11)-26145927 Fax: +(91)-(11)-25153471

Mobile / Cell Phone: +(91)-9810022822

**Global Exports & Marketing****Importers of tea.**

Address: "Industry House" 10, Camac Street, Kolkata - 700 017, India

Phone: +(91)-(33)-22825122 Fax: +(91)-(33)-9288

**Focus Foods****Importers of Coffee/tea.**

Address: 1/403 Kuppam Main Road, Kottivakkam, Chennai - 600 041, India

Phone: +(91)-(44)-4490303

Mobile / Cell Phone: +(91)-9841064850

**Logicon Electronics****Buyers of coffee and tea bags.**

Address: 6, Ujagar Chambers, Opposite Deoanr Bus Depot,  
Mumbai - 400 088, India

Phone: +(91)-(22)-67974250/67974251 Fax: +(91)-(22)-67974253

**Sterling Enterprises, Ludhiana****Buyers of black coffee beans.**

Address: 2653, New Tagore Nagar, Haibowal, Ludhiana - 141 001, India

Phone: +(91)-(161)-3094851

**Satyam Trading****Buyers of all types of tea powders.**

Address: B/105, Giriraj Complex, Gokul Township, Virar West,  
Thane-401303, India  
Phone: +(91)-(250)-2503538  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9221049946/9325736532

**Teloijan Tea Company Limited****Buyers of tea.**

Address: 34, Raja Santosh Road, Kolkata - 700 027, India  
Phone: +(91)-(33)-24487859 Fax: +(91)-(33)-24487858

**Kanya Tea Trading Company****Importers of both raw and processed tea.**

Address: SviPra Zone, 331, GIDC Kathwada, Opposite Odhav Octroi,  
Odhav-Kathwada Road, Ahmedabad - 382 430, India  
Phone: +(91)-(79)-31067671 Fax: +(91)-(79)-2900833

**Kinematic Services****Buyers of coffee tea premix.**

Address: 2-4-135, Lingareddy Mansions, Opposite Hanuman Temple  
Tarbund, Secunderabad - 500 009, India  
Phone: +(91)-(40)-27816277/31024469 Fax: +(91)-(40)-27816277

**Auroma Impex****Buyers of coffee and tea.**

Address: No. 11, S. V. Patel Salai, Pondicherry - 605 001, India  
Phone: +(91)-(413)-2220878 Fax: +(91)-(413)-2332033  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9894927108

**Chennai Trade****Buyers of all types of herbal tea.**

Address: No. 16/ 2, Kumara Swamy Street, Perambur,  
Chennai - 600 011, India  
Phone: +(91)-(44)-25582568  
Mobile / Cell Phone: +(91)-9283412272

**M. R. M. R. Ventures****Importers of all kinds of tea.**

Address: No. 44, B. N. Road, T. Nagar, Chennai - 600 017, India  
Phone: +(91)-(44)-42639191 Fax: +(91)-(44)-42123381

**Dutt Exporter****Importers of robusta green coffee beans in large quantity for export.**

Address: Near Glob Cinema, Santram Mandir Road, Up To Santram

Sradhghat, Nadiad - 387 001, India

Phone: +(91)-(268)-3090317

Mobile / Cell Phone: +(91)-9825553243

**Suyog Distributors****Buyers of various types of bulk tea.**

Address: 4-Mathura Towers Mumbai-agra Rd., Nashik - 422 011, India

Phone: +(91)-(2563)-591674

**Ue Trade Corporation India Private Limited****Importers of green coffee beans, tea.**Address: S-508, South Block, Manipal Centre, 47, Dickenson Road,  
Bengaluru - 560 042, India

Phone: +(91)-(80)-5092261 Fax: +(91)-(80)-5092260

Mobile / Cell Phone: +(91)-9845286142

**Fortune Incorporation****Buyers of coffee and tea.**Address: 8D, Pembroke House, 3rd Floor, Shaffi Mohammed Road,  
Thousand Lights, Chennai - 600 006, India

Phone: +(91)-(44)-28291829 Fax: +(91)-(44)-52105656

Mobile / Cell Phone: +(91)-9841128548

**Anusha International****Importers of coffee.**

Address: Plot No. 141, Snehapuri Colony, Motinagar, Hyderabad - 500018, India

Phone: +(91)-(40)-23831173 Fax: +(91)-(40)-23831173

**Lengrai Tea Limited****Buyer of all kinds of teas and tea extracts.**

Address: 16, Hare Street, Kolkata - 700 001, India

Phone: +(91)-(33)-22309542 Fax: +(91)-(33)-22488531

**Vitak Solutions****Importers of teas.**Address: #32 sathymurthy road, Ramaswamy palya Kammanahalli main  
road, Bengaluru - 560 033, India

Phone: +(91)-(802)-5476580

Mobile / Cell Phone: +(91)-9880427045

**Arohi Enterprises****Importers of high quality tea and coffee.**

Address: M-1, Naria Vda, Naria,, Varanasi - 221 005, India

Phone: +(91)-(542)-3096932

Mobile / Cell Phone: +(91)-9415226151

**Các Công ty Thương mại****Merchant Traders****R. P. Enterprises****Buyers of all kinds of merchant trading products.**

Address: No. 5- 25/ 1, Chanda Nagar, Hyderabad - 500 050, India

Phone: +(91)-(92)-46351590 Fax: +(91)-(40)-23039158

Mobile / Cell Phone: +(91)-9246351590

**Blue Eye Impex****Merchant trader, importer and buyer of construction chemicals, construction hardware, HMS scrap, HMS steel, toys, garments etc.**

Address: 302, Ganpati Tower, Bomikhal, Bhubaneswar - 751 010, India

Phone: +(91)-(674)-3092446 Fax: +(91)-(674)-2573451

Mobile / Cell Phone: +(91)-9861063068

**Puneet Exim****Merchant exporter of almost every commodity sourcing from all major parts of india.**

Address: 13, Block D, Vikas Puri, New Delhi - 110058, India

Phone: +(91)-(11)-5555138

**The Big Chill Restuarant****Merchant Importers of India**

Address: F-38, East of, New Delhi - 110 065, India

Phone: +(91)-(11)-26481020

Mobile / Cell Phone: +(91)-9899188815

**Anne Silver Gallery****Traders and suppliers of merchant traders.**

Address: Anne Silver Gallery, Bonny Anne Public School, Civil Lines, Moradabad - 244 001, India

Phone: +(91)-(591)-2428479/3201600

**Bindal International**

**Merchant importers and exporters of paper.**

Address: 501 Khanganja Kaushambi, Ghaziabad - 302010, India

Phone: +(91)-(120)-2415898

Mobile / Cell Phone: +(91)-9871276828/9818039973

**Swastika Nexgen Pvt Ltd**

**Importers for pharmaceutical chemicals,bulk**

**drugs,aromaticchemicals,flour milling spares and machines,desiel  
generating set spares and machines,kraft paper,other allied industries.**

Address: 62, Bentick Street, 2nd Floor, Kolkata - 700 069, India

Phone: +(91)-(33)-22217330/22375995 Fax: +(91)-(33)-22219016

**K. C. Exim Private Limited**

**Merchants Importers of Paper,Board,Tea & Tobacco and there allied  
products.**

Address: 13, Kyd Street, Kolkata - 700 016, India

Phone: +(91)-(33)-22281103

Mobile / Cell Phone: +(91)-9433288815

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**VỤ THỊ TRƯỞNG CHÂU PHI, TÂY Á, NAM Á**  
**VỚI SỰ PHỐI HỢP CỦA ĐẠI SỨ QUÁN ẤN ĐỘ TẠI VIỆT NAM**

## **GIỚI THIỆU THỊ TRƯỜNG ẤN ĐỘ**

Chịu trách nhiệm xuất bản

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

Chịu trách nhiệm nội dung

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

---

**LƯU HÀNH NỘI BỘ**